**Phụ lục II**

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ NỔI BẬT NĂM 2022**

**TRONG CÔNG TÁC TRIỂN KHAI CHIẾN LƯỢC 411 CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG**

*(kèm theo Báo cáo số /BC-BTTTT ngày tháng năm 2023 của*

*Bộ Thông tin và Truyền thông)*

Kết quả được tổng hợp từ Báo cáo tình hình thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số theo Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của các địa phương năm 2022, cụ thể như sau:

| **TT** | **TÊN ĐƠN VỊ** | **Báo cáo tổng kết 411 năm 2022** | **Kế hoạch triển khai 411** |
| --- | --- | --- | --- |
|  | [**Thành phố Hà Nội**](https://chinhphu.vn/thong-tin-tinh-thanh?city=1157) | Báo cáo số 148/STTTT-BCVT ngày 18/01/2023 |  |
| **a)** | Thể chế | | |
|  | * Kế hoạch số 174/KH-UBND ngày 27/7/2021 phát triển hạ tầng bưu chính viễn thông phục vụ Chương trình chuyển đổi số thành phố Hà Nội đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. * Kế hoạch số 126/KH-UBND ngày 20/4/2022 về việc triển khai thử nghiệm Nền tảng Địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số trên địa bàn thành phố Hà Nội. * Quyết định số 3457/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 phê duyệt Kế hoạch “Hỗ trợ chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025” | | |
| **b)** | Hạ tầng, dữ liệu số | | |
|  | * Kết nối mạng diện rộng (WAN) từ UBND Thành phố đến các Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã và đến 579/579 xã, phường, thị trấn * Chuyển đổi IPv6 cho các cơ quan nhà nước. * Hệ thống quản lý tuyển sinh đầu cấp; Hệ thống ôn tập và kiểm tra trắc nghiệm trực tuyến HanoiStudy; Trung tâm Điều hành giáo dục thông minh. * Giám sát hoạt động của hệ thống xe buýt bằng thiết bị GPS và công nghệ RFID, âm thanh và bảng LED trên xe và một số nhà chờ, ứng dụng tìm xe buýt, hệ thống mua vé online; phần mềm Quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông (RBMS) và phản ánh sự cố, hư hỏng mất an toàn giao thông (GT247). * CSDL Quản lý số liệu về quỹ nhà phục vụ tái định cư, nhà ở xã hội; Quản lý hệ thống cây xanh; Quản lý nhà ở và công sở. * Số hoá tài liệu lưu trữ, Hệ thống thông tin quy hoạch. * 10 trạm quan trắc môi trường không khí tự động, hệ thống quan trắc chất lượng nước Hồ Tây, hệ thống quan trắc lượng mưa và bản đồ úng ngập trên Cổng Giao tiếp điện tử. * Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông lâm thủy sản thực phẩm Hà Nội (check.hanoi.gov.vn), kho dữ liệu dùng chung ngành nông nghiệp. * CSDL về đầu tư phục vụ quản lý dự án đầu tư; doanh nghiệp và hộ cá thể; xây dựng kế hoạch kinh tế xã hội. * Phần mềm tổng hợp, theo dõi quyết toán dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước. * Hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc Tabmis; phần mềm quản lý đăng ký tài sản nhà nước; phần mềm cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách; Hệ thống thông tin liên ngành về quản lý dự án đầu tư xây dựng sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương; CSDL thu chi ngân sách, tài sản công lĩnh vực hành chính sự nghiệp. * Phần mềm Triển lãm Sách, báo, tạp chí; thư viện thiếu nhi và số hóa tài liệu sách, báo, tạp chí tại Thư viện Hà Nội; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu ứng dụng công nghệ số hóa tư liệu trong quản lý và bảo tồn di sản văn hóa; ... * Kết nối các cơ sở cung ứng thuốc; các cơ sở khám, chữa bệnh liên thông, trích chuyển dữ liệu điện tử sử dụng trong quản lý và giám định, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh BHYT). | | |
| **c)** | Tỷ lệ phủ sóng, hạ tầng băng rộng, bưu chính | | |
|  | * Hạ tầng mạng viễn thông phủ sóng 100% khu vực dân cư. * Triển khai 5G. * Hệ thống Internet băng rộng cáp quang đã được triển khai đến 100% xã, phường, thị trấn, có khoảng 2,1 triệu thuê bao Internet băng thông rộng cố định và gần 10 triệu thuê bao Internet băng thông rộng di động. * Hệ thống wifi công cộng miễn phí tại các điểm du lịch, danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử. | | |
| **d)** | Khu công nghệ | | |
|  |  | | |
| **đ)** | Nền tảng số địa phương | | |
|  | * Ứng dụng tìm xe buýt * Phản ánh sự cố, hư hỏng mất an toàn giao thông (GT247). * Ứng dụng mã QR truy xuất nguồn gốc sản phẩm OCOP. | | |
| **e)** | Nhân lực số | | |
|  | * 545 Tổ công nghệ số cộng đồng (hoạt động trên cơ sở của Tổ công tác thực hiện Đề án 06 tại các thôn, tổ dân phố) với 2.396 thành viên thuộc 04 quận, huyện. * 24 lớp với 1.225 học viên đào tạo về chuyển đổi số, Chính phủ điện tử, Chính quyền điện tử, Chính phủ số, Chính quyền số, Đô thị thông minh và an toàn thông tin mạng và Kiến trúc Chính quyền điện tử Thành phố (16 lớp với 1.045 học viên); bồi dưỡng chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT thông tin cơ bản, nâng cao (08 lớp với 180 học viên). * Bồi dưỡng chuyển đổi số cho lãnh đạo đơn vị chuyên trách CNTT (09 công chức, viên chức) và lãnh đạo UBND cấp xã (840 cán bộ, công chức); đào tạo kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho người dùng cuối (56 công chức), đào tạo kiến thức, kỹ năng cho chuyên gia an toàn thông tin mạng. | | |
| **g)** | Kinh tế số | | |
|  | * 99,5% doanh nghiệp đang hoạt động khai thuế qua mạng; trên 99,1% doanh nghiệp thực hiện nộp thuế điện tử. * 61.917 tài khoản eTax Mobile; 161.854/163.228 tổ chức, doanh nghiệp đang hoạt động (đạt tỷ lệ 99,16%) và 10.113/10.115 hộ, cá nhân kinh doanh (đạt tỷ lệ 99,98%) nộp thuế theo phương pháp kê khai đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử thành công. | | |
| **h)** | Xã hội số | | |
|  | * Tỷ lệ hồ sơ đăng ký tuyển sinh đầu cấp trực tuyến đạt 89%. * Xây dựng và thẩm định nguồn học liệu số phục vụ giảng dạy và tự học cho học sinh. | | |
|  | [**Thành phố Hồ Chí Minh**](https://chinhphu.vn/thong-tin-tinh-thanh?city=1158) | Chưa báo cáo |  |
| **a)** | Thể chế | | |
|  |  | | |
| **b)** | Hạ tầng, dữ liệu số | | |
|  |  | | |
| **c)** | Tỷ lệ phủ sóng, hạ tầng băng rộng, bưu chính | | |
|  |  | | |
| **d)** | Khu công nghệ | | |
|  |  | | |
| **đ)** | Nền tảng số địa phương | | |
|  |  | | |
| **e)** | Nhân lực số | | |
|  |  | | |
| **g)** | Kinh tế số | | |
|  |  | | |
| **h)** | Xã hội số | | |
|  |  | | |
|  | [**Tỉnh An Giang**](https://chinhphu.vn/thong-tin-tinh-thanh?city=1159) | Chưa báo cáo |  |
| **a)** | Thể chế | | |
|  |  | | |
| **b)** | Hạ tầng, dữ liệu số | | |
|  |  | | |
| **c)** | Tỷ lệ phủ sóng, hạ tầng băng rộng, bưu chính | | |
|  |  | | |
| **d)** | Khu công nghệ | | |
|  |  | | |
| **đ)** | Nền tảng số địa phương | | |
|  |  | | |
| **e)** | Nhân lực số | | |
|  |  | | |
| **g)** | Kinh tế số | | |
|  |  | | |
| **h)** | Xã hội số | | |
|  |  | | |
|  | [**Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**](https://chinhphu.vn/thong-tin-tinh-thanh?city=1160) | Chưa báo cáo |  |
| **a)** | Thể chế | | |
|  |  | | |
| **b)** | Hạ tầng, dữ liệu số | | |
|  |  | | |
| **c)** | Tỷ lệ phủ sóng, hạ tầng băng rộng, bưu chính | | |
|  |  | | |
| **d)** | Khu công nghệ | | |
|  |  | | |
| **đ)** | Nền tảng số địa phương | | |
|  |  | | |
| **e)** | Nhân lực số | | |
|  |  | | |
| **g)** | Kinh tế số | | |
|  |  | | |
| **h)** | Xã hội số | | |
|  |  | | |
|  | [**Tỉnh Bạc Liêu**](https://chinhphu.vn/thong-tin-tinh-thanh?city=1161) | Báo cáo số 485/BC-UBND ngày 23/12/2022 | Kế hoạch số 142/KH-UBND ngày 14/10/2022 |
| **a)** | Thể chế | | |
|  | * Kế hoạch số 172/KH-UBND ngày 20/12/2022 thực hiện Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu. * Kế hoạch số 57/KH-UBND ngày 10/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2020, định hướng đến năm đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu. * Kế hoạch số 195/KH-UBND Ngày 20/12/2021 ngày UBND tỉnh về việc ban hành triển khai thực hiện Quyết định số 21/QĐ-TTg ngày 06/01/2021 của Thủ tướng phê duyệt Đề án “Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin giai đoạn 2021-2025. * Kế hoạch số 104/KH-UBND ngày 27/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thí điểm Tổ công nghệ số cộng đồng tại các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu. * Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 14/4/2022 triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu; * Kế hoạch số 123/KH-UBND ngày 09/9/2022 về việc triển khai Đề án xác định chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu; * Kế hoạch số 163/KH-UBND ngày 16/11/2022 hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Bạc Liêu; * Quyết định số 2157/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 ban hành Kế hoạch hành động thực hiện “Đề án đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại giai đoạn 2021 - 2030” trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu. * Kế hoạch số 206/KH-UBND ngày 29/12/2022 về triển khai thực hiện Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh thì tỉnh Bạc Liêu. * Kế hoạch số 78/KH-UBND ngày 07/6/2022 hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu. | | |
| **b)** | Hạ tầng, dữ liệu số | | |
|  | * 100% cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã kết nối mạng nội bộ và Internet. * Hệ thống Mạng truyền số liệu chuyên dùng trong các cơ quan nhà nước phục vụ triển khai vận hành các các dịch vụ công trực tuyến và các ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan, đơn vị đảm bảo an toàn, an ninh thông tin. * Chuyển đổi sử dụng IPv6 trên hệ thống mạng, các hệ thống thông tin. * Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP); nền tảng hệ thống thông tin giải quyết TTHC; nền tảng cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư; nền tảng hóa đơn điện tử; nền tảng thương mại điện tử; nền tảng bản đồ số; nền tảng thanh toán. * Hệ thống cơ sở dữ liệu hợp đồng, giao dịch tài sản đã công chứng, chứng thực và thông tin ngăn chặn với hơn 82 cơ quan; hệ thống cơ sở dữ liệu và Phần mềm quản lý nhà nước chuyên ngành tư pháp; Hệ thống cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp. Thực hiện số hóa dữ liệu công chứng là 144.869 trường hợp; Thực hiện số hóa 1.179.155 hồ sơ hộ tịch và kết nối với phần mềm 158 của Bộ Tư pháp. * 100% các cơ sở khám, chữa bệnh liên thông dữ liệu BHYT trên Cổng Giám định BHYT. * Phần mềm Vilis quản lý thông tin đất đai; Phần mềm hệ thống giám sát tổng quan chất lượng nước và không khí; Phần mềm quản lý và cấp phát tư liệu trắc địa Geodata; Phần mềm quản lý kho tư liệu tài nguyên và môi trường CiDoc. * cơ sở dữ liệu chuyên ngành Lao động - Thương binh và Xã hội; cung cầu lao động, lao động nước ngoài làm việc tại Việc Nam, liệt sĩ, mộ liệt sĩ và nghĩa trang liệt sĩ, người hưởng chính sách người có công; hộ nghèo, hộ cận nghèo; triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu về quản lý lao động thuộc lĩnh vực Lao động - Việc làm. * Phần mềm Quản lý giấy phép lái xe; Hệ thống quản lý bến xe toàn quốc; Phần mềm dự toán F1 Unlimited; Phần mềm Quản lý giấy phép lái xe sử dụng Hệ thống thông tin/cơ sở dữ liệu do Trung ương, Bộ ngành triển khai đồng bộ xuống địa phương. * Triển khai phần mềm quản lý thi đua khen thưởng, phần mềm chấm điểm chỉ số cải cách hành chính. * Triển khai phần mềm quản lý thẻ bảo hiểm y tế; Phần mềm Quản lý thẻ Bảo hiểm y tế; cơ sở dữ liệu về giá. * Phần mềm hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc và thu thập thông tin phản ánh thực trạng kinh tế, văn hóa - xã hội của từng đồng bào dân tộc. * Trung tâm Giám sát an toàn, an ninh mạng (SOC). | | |
| **c)** | Tỷ lệ phủ sóng, hạ tầng băng rộng, bưu chính | | |
|  | * 100% xã, phường, thị trấn đã có cáp quang tới trung tâm xã và sẵn sàng cung cấp dịch vụ truy nhập Internet băng rộng; 100% số trường học, bệnh viện trong tỉnh có kết nối Internet băng rộng; tỷ lệ dân số được phủ sóng di động (2G, 3G, 4G) đạt 100%. Tổng số thuê bao điện thoại cố định và di động là 936.565 thuê bao. | | |
| **d)** | Khu công nghệ | | |
|  |  | | |
| **đ)** | Nền tảng số địa phương | | |
|  | * Website chương trình Chương trình mỗi xã một sản phẩm tỉnh Bạc Liêu (<https://ocop.baclieu.gov.vn>), * Sàn giao dịch thương mại điện tử tỉnh Bạc Liêu (http://baclieutrade.vn). | | |
| **e)** | Nhân lực số | | |
|  | * Có 64/64 Tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã; 386 Tổ công nghệ số cộng đồng khóm, ấp với hơn 4.177 thành viên; tập huấn kỹ năng số cho hơn 1.000 đại biểu. * Tập huấn về chuyển đổi số (gần 500 học viên trực tiếp và qua Nền tảng mở đại trà https://onetouch.mic.gov.vn.) và an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức; diễn tập thực chiến bảo đảm an toàn thông tin năm 2022 cho khoảng 50 đại biểu. | | |
| **g)** | Kinh tế số | | |
|  | * Hỗ trợ 10 doanh nghiệp xây dựng website thương mại điện tử. * 01 hội nghị tập huấn kỹ chuyên sâu về thương mại điện tử cho 60 đại biểu từ doanh nghiệp. * 100% các cơ sở khám, chữa bệnh áp dụng thanh toán không dùng tiền mặt nhưng tỷ lệ thanh toán chưa đạt cao; triển khai thanh toán không dùng tiền mặt cho tiểu thương tại các chợ trên địa bàn tỉnh. * Cung ứng các sản phẩm, dịch vụ thanh toán tiện ích nâng cao trải nghiệm của khách hàng, đem lại lợi ích thiết thực cho khách hàng như: thanh toán chạm bằng thẻ chip, thanh toán bằng mã QR, Mobile Money,... | | |
| **h)** | Xã hội số | | |
|  | * Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh ước đạt 80%; * Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác ước đạt gần 50%; * Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang ước đạt trên 60%; * Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt ước đạt trên 60%; * Đã triển khai Sổ sức khỏe điện tử cho người dân từ Hệ thống tiêm chủng COVID-19 quốc gia của Bộ Y tế * Cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản và kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số. * Hệ thống thông tin quản lý trạm y tế xã, phường, thị trấn: 64/64 trạm. * Sổ sức khỏe điện tử của người dân: triển khai từ Hệ thống tiêm chủng COVID-19 quốc gia. * Các cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên tùy theo điều kiện, ưu tiên sử dụng các nền tảng dạy học trực tuyến (LMS) như K12Online, VNPT E-learning phục vụ công tác dạy học, kiểm tra đánh giá. * Phần mềm quản lý trường học Vnedu, Sổ liên lạc điện tử, các trường học đã xây dựng các thư viện điện tử, giáo án điện tử phục vụ công tác dạy và học. * Đồng bộ dữ liệu thông tin y tế với mã định danh công dân là 891.688/958.805 dân số. Việc tích hợp dữ liệu y tế với dữ liệu BHYT và dữ liệu mã định danh công dân đã thực hiện được 413.187/625.042 người tham gia BHYT; * Thí điểm Bệnh án điện tử ở Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bạc Liêu, Bệnh viện Đa khoa Thanh Vũ và các trung tâm y tế; 100% các nhà thuốc và quầy thuốc đã ứng dụng CNTT. * Tổ chức các Cuộc thi trực tuyến về nông thôn mới; tài khoản định danh và xác thực điện tử; việc thực hiện 25 dịch vụ công thiết yếu; kỹ năng số … | | |
|  | [**Tỉnh Bắc Giang**](https://chinhphu.vn/thong-tin-tinh-thanh?city=1162) | Báo cáo số 435/BC-STTTT ngày 12/12/2022 | Kế hoạch số 364/KH-UBND ngày 20/6/2022 |
| **a)** | Thể chế | | |
|  | Ban hành 01 Nghị quyết, 16 Quyết định, 22 Kế hoạch, 31 văn bản chỉ đạo về chuyển đổi số. Tiêu biểu gồm:   * Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 16/02/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh. * Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 20/04/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án Nâng cao năng lực số cho thanh thiếu niên tỉnh Bắc Giang, phát huy vai trò nòng cốt, đi đầu của các cấp bộ đoàn trong chuyển đổi số giai đoạn 2022 – 2025. * Kế hoạch số 57/KH-UBND ngày 20/01/2022 về Triển khai thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2022. * Kế hoạch số 395/KH-UBND ngày 26/01/2022 về Triển khai thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của TTgCP về việc phê duyệt Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030. * Kế hoạch số 224/KH-UBND ngày 31/03/2022 triển khai thực hiện Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”. * Kế hoạch số 230/KH-UBND ngày 06/04/2022 triển khai hóa đơn điện tử đối với doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trên địa bàn tỉnh. * Kế hoạch số 1878/KH-UBND ngày 29/04/2022 của UBND tỉnh về chuyển đổi số, phát triển kinh tế số du lịch tỉnh Bắc Giang. * Kế hoạch số 1879/KH-UBND ngày 29/4/2022 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Đề án nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. * Kế hoạch số 273/KH-UBND ngày 29/04/2022 của UBND tỉnh triển khai Đề án xác định chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh. * Kế hoạch số 2281/KH-UBND ngày 22/5/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang về việc thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở giáo dục, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh. * Kế hoạch số 4221/KH-UBND ngày 29/8/2022 về bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cho Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh năm 2022. | | |
| **b)** | Hạ tầng, dữ liệu số | | |
|  | * Trung tâm THDL tỉnh Gồm: (1) Hệ thống giải quyết TTHC tỉnh; (2) Hệ thống thông tin báo cáo; (3) Hệ thống QLVB&ĐHCV; (4) Hệ thống Cổng TTĐT; (5) Hệ thống thư công vụ; (6) Hệ thống ký số; (7) Hệ thống Truyền hình hội nghị. * Đường truyền số liệu chuyên dùng; lắp đặt, kết nối 789 camera, 10/10 Trung tâm giám sát cấp huyện với Trung tâm lưu trữ, xử lý dữ liệu của tỉnh. * Nền tảng, tích hợp chia sẻ dữ liệu tỉnh Bắc Giang (LGSP) đã kết nối, chia sẻ dữ liệu NGSP 9 dịch vụ; kết nối nội tỉnh thông qua LGSP 03 dịch vụ. * Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh (IOC). * Kho dữ liệu số tỉnh. * Cổng thông tin không gian (SDI) quản lý phát triển đô thị. * Hệ thống thông tin giải quyết TTHC. * Kết nối, chia sẻ giữa CSDLQG về dân cư với 11 CSDL chuyên ngành về: Bảo hiểm, Thuế, Sổ sức khỏe điện tử, Hộ tịch, An sinh xã hội, Điện lực, Giáo dục, Thông tin truyền thông, Văn phòng, Giấy phép lái xe, Đăng ký doanh nghiệp và tiếp nhận nhu cầu kết nối, chia sẻ, xác thực dân cư của 14 sở, ngành, đơn vị. * Phê duyệt cấp độ an toàn thông tin cho 5 hệ thống thông tin dùng chung tại Trung tâm THDL tỉnh | | |
| **c)** | Tỷ lệ phủ sóng, hạ tầng băng rộng, bưu chính | | |
|  | * Tỷ lệ hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ tới hộ gia đình: 82% * Tỷ lệ hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ tới đơn vị hành chính cấp xã: 100% * Tỷ lệ diện tích được Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G: 100% * Tỷ lệ điện thoại di động thông minh: 100% | | |
| **d)** | Khu công nghệ | | |
|  |  | | |
| **đ)** | Nền tảng số địa phương | | |
|  |  | | |
| **e)** | Nhân lực số | | |
|  | * Tập huấn, bồi dưỡng về chuyển đổi số cho hơn 600 học viên là chủ tịch UBND, cán bộ, công chức UBND 209 xã, thị trấn; bồi dưỡng năng lực xử lý sự cố an toàn thông tin cho 40 cán bộ chuyên trách CNTT các cơ quan, đơn vị; tổ chức 37 lớp đào tạo, bồi dưỡng khác về sử dụng các hệ thống thông tin, chuyển đổi số theo nhu cầu của các cơ quan, đơn vị, địa phương; 03 lớp bồi dưỡng, cập nhật ứng dụng CNTT, chuyển đổi số cho đối tượng cán bộ công chức các sở, ngành. * Đào tạo khoảng hơn 1.000 sinh viên tốt nghiệp các chuyên ngành CNTT, điện tử viễn thông chiếm khoảng 40% tổng số sinh viên các ngành đào tạo của trường. * Thành lập 209/209 Tổ Công nghệ số cộng đồng cấp xã, 1.891/1.891 Tổ công nghệ số cộng đồng cấp thôn (đạt 100%) với khoảng 16.000 thành viên; tổ chức Hội nghị trực tuyến bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cho Tổ với khoảng 16.000 thành viên tham dự tại 219 điểm cầu. | | |
| **g)** | Kinh tế số | | |
|  | * Tổ chức 04 hội nghị tập huấn kỹ năng kinh doanh trực tuyến và hỗ trợ tham gia sàn thương mại điện tử cho hơn 500 các, doanh nghiệp, HTX, thanh niên khởi nghiệp, hộ nông dân. * Có 113.670 các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình khởi tạo gian hàng trên Voso.vn, Postmart.vn; 07 sàn ký kết biên bản ghi nhớ hợp tác tiêu thụ vải thiều Bắc Giang gồm Voso.vn, Sendo.vn, Postmart.vn, Alibaba.com, Shopee.vn, Lazada.vn và Felix.sore. * Hỗ trợ hơn 2.000 tổ chức, cá nhân đăng ký thành công tài khoản đăng ký kinh doanh trên Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và tài khoản trên Cổng dịch vụ công quốc gia; * Hướng dẫn, hỗ trợ hơn 5.000 lượt người dân doanh nghiệp thực hiện dịch vụ công trực tuyến qua nhiều hình thức như trực tiếp, qua điện thoại, zalo, ultraview… * Hỗ trợ 342 doanh nghiệp số thành lập mới; cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho 34 dự án công nghệ số với số vốn đăng ký đạt 818,64 triệu USD (*chiếm 77% tổng vốn đầu tư cấp mới năm 2021 và 2022*). * Lựa chọn, giới thiệu 225 doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đăng ký tham gia chương trình hỗ trợ chuyển đối số (SMEDx); hỗ trợ khoảng 30 doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia vào Chương trình Chuyển đổi số doanh nghiệp; nhận được hồ sơ đề xuất hỗ trợ chi phí thuê, mua các giải pháp chuyển đổi số cho 13 doanh nghiệp. * Phối hợp cùng Misa, Base và FPT hỗ trợ cho hơn 90 doanh nghiệp tiên phong trong chuyển đổi số. * Tổ chức tiếp xúc gặp gỡ trực tuyến với một số nhà đầu tư tại các quốc gia (Nhật Bản, Hungary, Thổ Nhĩ Kỳ, Thụy Sỹ …), một số Tập đoàn, doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước, đồng thời cung cấp thông tin cho cơ quan ngoại giao Việt Nam tại Ấn Độ, Hoa Kỳ, Singapore xúc tiến thu hút đầu tư. * Mở chuyên mục “Chuyển đổi số”, có hơn 200 tác phẩm gồm tin, bài, ảnh, clip, emagazine về tuyên truyền đổi mới nhận thức về phát triển doanh nghiệp công nghệ số, ứng dụng sản phẩm công nghệ số trong quản lý nhà nước, phát triển KT-XH trên báo in, Báo Bắc Giang điện tử *(trong đó có 40 tác phẩm phiên bản tiếng Anh).* * Sản xuất và phát sóng hơn 500 tin, bài trên sóng Truyền hình và gần 400 tin, bài trên sóng Phát thanh; hơn 250 phóng sự ngắn trong các chương trình thời sự, các chuyên mục gắn với việc thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số. | | |
| **h)** | Xã hội số | | |
|  | * Giảm 50% mức thu phí, lệ phí đối với các tổ chức, cá nhân thực hiện giải quyết TTHC qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4. * Xử lý hồ sơ và cấp 1.460.214 thẻ CCCD. * 100% các sở, cơ quan tiếp nhận hồ sơ, TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh đã thực hiện số hóa tại chỗ. * Xếp hạng chỉ số chuyển đổi số - DTI tỉnh Bắc Giang năm 2021 tiếp tục giữ hạng, đứng thứ 10/63 tỉnh, thành phố15 về chuyển đổi số. * 25/25 dịch vụ công thiết yếu mức độ 3-4 với tổng số hồ sơ dịch vụ công thiết yếu đã tiếp nhận: 46.249 trường hợp (trong đó nộp trực tuyến 25.556 trường hợp đạt 55,56%). * Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện, có phát sinh hồ sơ lên dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần của tỉnh đạt 42,1% (809/1919 dịch vụ công); tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến đạt 43.5%; tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến đạt 7,22%; kết quả xử lý hồ sơ đúng hạn đạt 93,11%; số lượng tài khoản Cổng dịch vụ công quốc gia được xác thực với CSDL quốc gia về dân cư là 121.120 tài khoản (xếp hạng tỉnh/thành phố là 9/63); số tiền thanh toán trực tuyến đạt trên 59 tỷ đồng. * Mở mới chuyên mục “Bắc Giang chuyển đổi số” với 12 phóng sự 15 phút và phát lại 02 lần vào các ngày kế tiếp; chuyên mục “Tạp chí kinh tế, Xúc tiến công thương” thường xuyên đề cập các thông tin về chuyển đổi số, chính quyền số, doanh nghiệp số, xã hội số; 12 chuyên mục Cải cách hành chính, trong đó có 04 chương trình phản ánh về ứng dụng công nghệ số trong cải cách thủ tục hành chính cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã...; sản xuất 03 phóng sự tuyên truyền về những điển hình, cách làm sáng tạo có hiệu quả trong hoạt động chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. | | |
|  | [**Tỉnh Bắc Kạn**](https://chinhphu.vn/thong-tin-tinh-thanh?city=1163) | Chưa báo cáo |  |
| **a)** | Thể chế | | |
|  |  | | |
| **b)** | Hạ tầng, dữ liệu số | | |
|  |  | | |
| **c)** | Tỷ lệ phủ sóng, hạ tầng băng rộng, bưu chính | | |
|  |  | | |
| **d)** | Khu công nghệ | | |
|  |  | | |
| **đ)** | Nền tảng số địa phương | | |
|  |  | | |
| **e)** | Nhân lực số | | |
|  |  | | |
| **g)** | Kinh tế số | | |
|  |  | | |
| **h)** | Xã hội số | | |
|  |  | | |
|  | [**Tỉnh Bắc Ninh**](https://chinhphu.vn/thong-tin-tinh-thanh?city=1164) | Báo cáo số 192/BC-STTTT ngày 23/12/2022 |  |
| **a)** | Thể chế | | |
|  | * Nghị quyết số 52-NQ/TU ngày 18/3/2022 về Chương trình chuyển đổi số tỉnh Bắc Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; * Kế hoạch số 313/UBND ngày 08/6/2022 về việc Hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TU ngày 18/3/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chương trình chuyển đổi số tỉnh Bắc Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; * Kế hoạch số 217/KH-UBND ngày 04/4/2022 về thực hiện Đề án “Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại” trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2022-2025; * Kế hoạch số 250/KH-UBND ngày 27/04/2022 về việc thực hiện Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; * Kế hoạch số 358/KH-UBND ngày 04/07/2022 Triển khai thực hiện Quyết định số 21/QĐ-TTg ngày 06/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin giai đoạn 2021 - 2025” tỉnh Bắc Ninh; * Công văn số 1571/UBND-VX ngày 01/6/2022 về việc triển khai Tổ công nghệ số cộng đồng tại cấp thôn trên địa bàn tỉnh; * Quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 24/5/2022 về việc phê duyệt kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2022; * Kế hoạch số 430/KH-UBND ngày 09/9/2022 về việc Thực hiện chương trình chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; * Quyết định số 130/QĐ-UBND ngày 23/03/2022 Phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh triển khai thực hiện dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính và nâng cấp Hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu về công chứng, chứng thực” trên địa bàn tỉnh; * Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 thành lập Tổ công tác triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030; Quyết định số 463/QĐ-UBND ngày 23/5/2022 kiện toàn Tổ công tác triển khai Đề án 06 tỉnh Bắc Ninh; Quyết định số 01/QĐ-TCT ngày 24/01/2022 về ban hành Quy chế hoạt động của Tổ công tác triển khai Đề án 06; * Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 28/01/2022 về Kế hoạch hành động triển khai Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030; * Kế hoạch số 233/KH-UBND ngày 15/4/2022 về việc Triển khai thực hiện Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; * Kế hoạch số 852/KH-UBND ngày 31/3/2022 về việc triển khai hóa đơn điện tử trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; * Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 22/3/2022 về việc thành lập Ban chỉ đạo và Tổ trường trực triển khai hóa đơn điện tử tỉnh Bắc Ninh. | | |
| **b)** | Hạ tầng, dữ liệu số | | |
|  | * Các hệ thống thông tin dùng chung gồm có: Hệ thống Quản lý văn bản và Điều hành; Hệ thống thư điện tử; hệ thống một cửa điện tử tích hợp dịch vụ công trực tuyến (nay được hợp nhất thành Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh); Ứng dụng phản ánh kiến nghị trên thiết bị di động; hệ thống camera giám sát; hệ thống hội nghị truyền hình; nền tảng tích hợp LGSP…Ngoài ra có một số nền tảng phần mềm được thuê dưới dạng dịch vụ như mạng xã hội, quản lý tài sản, phần mềm kế toán. * Nghiên cứu phương án thuê Nền tảng trung tâm giám sát điều hành an toàn thông tin mạng (SOC) từ năm 2023 * Nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) đã kết nối với: Dịch vụ Bưu chính công ích – VNPost, Cấp mã số cho đơn vị có quan hệ ngân sách, CSDL Bảo hiểm xã hội, CSDL Dân cư quốc gia, CSDL đăng ký doanh nghiệp, Danh mục dùng chung, Hệ thống hỗ trợ thanh toán DVC trực tuyến toàn quốc (PayGOV), Văn bản quy phạm pháp luật, Hộ tịch điện tử…. * Kết nối CSDLQG về dân cư; tích hợp, kết nối cung cấp phương thức thanh toán nghĩa vụ tài chính với các thủ tục hành chính về đất đai tại các Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai ... * Hệ thống quản lý văn bản và điều hành được thử nghiệm tích hợp chức năng “họp không giấy tờ”; Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến. * Gần 1.000 camera giám sát được quản lý tại Trung tâm dữ liệu tỉnh. * Kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng. * Trung tâm dữ liệu (Data center) tỉnh. * Chuyển đổi IPv6 trên địa bàn tỉnh. * 100% cán bộ, công chức cấp tỉnh, 100% cán bộ công chức cấp huyện, khoảng 85% cán bộ, công chức cấp xã có máy tính sử dụng trong công việc. * Trung tâm dữ liệu thành phố thông minh đã được phê duyệt cấp độ an toàn thông tin cấp độ 3. * Hệ thống tiếp nhận và giải quyết phản ánh, kiến nghị, phản ánh hiện trường của người dân. | | |
| **c)** | Tỷ lệ phủ sóng, hạ tầng băng rộng, bưu chính | | |
|  | * Xây dựng kế hoạch triển khai nâng cấp mạng di động 4G, phát triển hạ tầng mạng di động 5G; hơn 50 điểm phát wifi miễn phí. | | |
| **d)** | Khu công nghệ | | |
|  | * Khu CNTT tập trung tỉnh Bắc Ninh | | |
| **đ)** | Nền tảng số địa phương | | |
|  | * Ứng dụng “Phản ánh kiến nghị”. * Fanpage, Facebook, Youtube, Zalo của Sở thông tin và Truyền thông. | | |
| **e)** | Nhân lực số | | |
|  | * Thành lập 733 Tổ công nghệ số cộng đồng đến 100% cấp thôn trên địa bàn tỉnh (733/733 thôn) với 3.252 thành viên được tập huấn, hướng dẫn các kỹ năng số. * Tất cả các huyện, thành phố đã thành lập, kiện toàn Ban chỉ đạo chuyển đổi số. * 32 thành viên Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng; đào tạo kỹ năng đảm bảo an toàn thông tin 30 cán bộ, 12 nhân sự phát triển nguồn nhân lực. * Tổ chức Hội nghị Chuyển đổi số tỉnh Bắc Ninh cho hơn 250 đại biểu; bồi dưỡng đội ngũ nòng cốt về chuyển đổi số của tỉnh (04 công chức); Chương trình bồi dưỡng về chuyển đổi số cho Lãnh đạo UBND cấp xã (201 cán bộ); Thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng (211 thành viên) | | |
| **g)** | Kinh tế số | | |
|  | * Tỷ trọng doanh thu thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt 9,80% (ước đạt 5.928 tỷ đồng). * 100% giao dịch nộp thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện qua ngân hàng.   cấp phát chữ kí số công cộng cho 2.558 doanh nghiệp với số tiền: khoảng 4.192 triệu đồng.   * Tỷ lệ doanh nghiệp, tổ chức đang hoạt động đăng ký áp dụng hóa đơn điện tử đạt 100%; Tỷ lệ hộ kê khai thuế đăng ký áp dụng hóa đơn điện tử đạt 100%. Số lượng hóa đơn điện tử đã được tạo lập: 3.472.857 hóa đơn. * Doanh thu thương mại điện tử B2C (tính cho cả hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng trực tuyến) trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh khoảng 7.821 tỷ đồng; ước đạt khoảng 10,15% so với tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của tỉnh * 01 lớp tập huấn chuyên sâu về TMĐT cho doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh và 01 Hội nghị tuyên truyền phổ biến pháp luật về TMĐT cho cán bộ công chức; phát hành 500 cuốn “Hỏi đáp pháp luật về TMĐT”; 02 bài báo và 01 chương trình tọa đàm về TMĐT; 01 chương trình Khởi nghiệp về TMĐT cho sinh viên. * Triển khai mô hình thanh toán không dùng tiền mặt tại chợ. * Đào tạo cho 200 hộ tham gia sàn TMĐT PostMart với 118 sản phẩm; tổng số giao dịch phát sinh trên sàn là 12 giao dịch. * Hướng dẫn doanh nghiệp, hộ kinh doanh, người dân trên địa bàn đăng ký tham gia mở tài khoản thanh toán điện tử; hướng dẫn người dân sử dụng nền tảng số, công nghệ số để đăng ảnh, quảng bá sản phẩm... và cam kết cung cấp sản phẩm đúng chất lượng cho khách hàng; hướng dẫn ứng dụng công nghệ số trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của từng địa phương. | | |
| **h)** | Xã hội số | | |
|  | * 100% trường đại học, cao đẳng, bệnh viện, điện lực, cấp nước trên địa bàn chấp nhận thanh toán phí qua ngân hàng; Tỷ lệ chi trả các chế độ bảo hiểm xã hội một lần thực hiện qua ngân hàng về số lượt người và về giá trị chi trả đạt trên 75%. Nhiều nghiệp vụ được số hóa 100% (phát hành thẻ ngân hàng, mở tài khoản, gửi tiết kiệm trực tuyến, chuyển tiền,...). * 119% dân số trưởng thành có điện thoại thông minh. * 77% hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang. * Có 2.583.090 người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại các ngân hàng trên tổng số 780.373 người dân từ 15 tuổi trở lên, đạt tỷ lệ là 331%. Bình quân một người dân từ 15 tuổi trở lên sinh sống và làm việc tại Bắc Ninh có từ 3 tài khoản ngân hàng trở lên. * Tuyên truyền cho người dân về chính quyền số, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến; sử dụng các dịch vụ số và tương tác với chính quyền qua các nền tảng số được đánh giá và lựa chọn; 50.000 tờ rơi, 06 video clip với các chủ đề về chính quyền số, xã hội số, kinh tế số; mua 350 bộ sách: “Cẩm nang Chuyển đổi số” và “Chuyển đổi số thế nào” phục vụ bồi dưỡng cho Tổ Công nghệ số cộng đồng. * Tuyên truyền tổ chức, công dân đến nộp và nhận kết quả trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh trực quan bằng pano, standee, tờ rơi tuyên truyền (2000 tờ rơi) và qua các video clips, file âm thanh; Tổ chức quầy thanh niên trực tiếp hỗ trợ người dân đăng ký tài khoản để sử dụng dịch vụ công trực tuyến. | | |
|  | [**Tỉnh Bến Tre**](https://chinhphu.vn/thong-tin-tinh-thanh?city=1165) | Báo cáo số 2495/BC-STTTT ngày 15/12/2022 |  |
| **a)** | Thể chế | | |
|  | * Quyết định số 1881/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Phê duyệt Kế hoạch hỗ trợ chuyển đổi số 1.000 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bến Tre. * Quyết định số 1518/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về ban hành danh sách các nền tảng số quốc gia sử dụng trên địa bàn tỉnh Bến Tre năm 2022 và những năm tiếp theo. * Kế hoạch số 5837/KH-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch (Điều chỉnh) triển khai thực hiện Đề án chuyển đổi số sử dụng vốn ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác trong từng thời kỳ trung hạn. * Kế hoạch 248/KH-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Bến Tre sử dụng kinh phí chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh năm 2022. * Kế hoạch 258/KH-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về thực hiện Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bến Tre. * Kế hoạch 1388/KH-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030. * Kế hoạch số 1577/KH-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về xác định chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Bến Tre giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030. * Kế hoạch 2919/KH-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về triển khai thí điểm Tổ chuyển đổi số cộng đồng tại các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Bến Tre năm 2022. * Kế hoạch 6748/KH-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về xây dựng Chính quyền số, phát triển kinh tế số và xã hội số trên địa bàn tỉnh Bến Tre đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. | | |
| **b)** | Hạ tầng, dữ liệu số | | |
|  | * Cổng Dịch vụ công Quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh. * Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh, ứng dụng di động, cổng thông tin điện tử tỉnh. * Trung tâm điều hành thông minh (IOC) ngành giáo dục và đào tạo kết nối thông tin với Trung tâm điều hành thông minh tỉnh Bến Tre (IOC tỉnh). * Cổng thành phần Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Trang thông tin điện tử du lịch Bến Tre (https://dulich.bentre.gov.vn), Cổng thông tin điện tử Du lịch (Ứng dụng du lịch thông minh - http://bentretourism.vn) và các kênh quảng bá trên nền tảng mạng xã hội. * Hệ thống du lịch thông minh được tích hợp các công nghệ mới hiện nay (như: thực tế ảo, thực tế tăng cường, trí tuệ nhân tạo). * Tổng đài tự động giải đáp dịch vụ hành chính công đầu số 19008673. * Ứng dụng công nghệ số trong lĩnh vực giao thông, vận tải: Hệ thống phần mềm quản lý giấy phép lái xe, Hệ thống quản lý phương tiện kinh doanh vận tải hàng hóa và hành khách bằng xe ô tô. Hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý tình trạng mặt đường PMS đã thu thập dữ liệu tình trạng mặt đường của 284,97 km làn đường Quốc lộ; Hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý cầu quốc lộ VBMS đã thu thập dữ liệu tình trạng cầu của 68 cầu trên quốc lộ, tích hợp với hệ thống quản lý tài sản đường bộ, tiến hành thu thập các loại tài sản đường bộ trên tổng 284,97 Km đường quốc lộ; tích hợp thông tin với hệ thống quản lý mặt đường PMS, quản lý cầu VBMS; Hệ thống Cơ sở dữ liệu quản lý cầu trên đường địa phương LBMS đã thu thập dữ liệu tình trạng cầu của 41 cầu trên các đường địa phương do Sở Giao thông vận tải quản lý, khai thác. | | |
| **c)** | Tỷ lệ phủ sóng, hạ tầng băng rộng, bưu chính | | |
|  | * Có 14 đơn vị cung ứng dịch vụ bưu chính, chuyển phát; 199 điểm phục vụ bưu chính, trong đó có 65 bưu cục, 108 bưu điện văn hóa; 13 chi nhánh, văn phòng đại diện, bưu cục của các doanh nghiệp bưu chính, chuyển phát; 11 điểm phục vụ của Viettel Post; 07 doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông, 1.580 trạm thu phát sóng viễn thông (BTS), 100% các ấp đã được phủ sóng băng rộng di động (3G, 4G). * Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cáp quang đạt 63,29%. | | |
| **d)** | Khu công nghệ | | |
|  |  | | |
| **đ)** | Nền tảng số địa phương | | |
|  | * Zalo của Sở Thông tin và Truyền thông. * Sàn thương mại điện tử Đặc sản Bến Tre. * App phản ánh hiện trường. * App dịch vụ công. * App cảnh báo độ mặn. * Ứng dụng du lịch thông minh Bến Tre | | |
| **e)** | Nhân lực số | | |
|  | * Thành lập 09 Tổ Chuyển đổi số cộng đồng cấp huyện, 157 tổ chuyển đổi số cộng đồng cấp xã và 450 tổ chuyển đổi số cộng đồng cấp khu phố/ấp với hơn 5.100 thành viên được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về chuyển đổi số. | | |
| **g)** | Kinh tế số | | |
|  | * 66% doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử. * 35% doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số. * Có 177 doanh nghiệp công nghệ số cung cấp dịch vụ viễn thông - công nghệ thông tin, hơn 1.000 doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh có sử dụng nền tảng số, hơn 90% doanh nghiệp đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử, tỷ lệ doanh nghiệp có website sử dụng tên miền .vn đạt 30%. * Hỗ trợ doanh nghiệp trải nghiệm, sử dụng các nền tảng số hóa đơn điện tử; Hỗ trợ xây dựng website thương mại điện tử chuyên nghiệp; Hỗ trợ tổng đài chăm sóc khách hàng CloudFone; Hỗ trợ phần mềm Microsoft Teams; Hỗ trợ giải pháp tăng nhận diện thương hiệu doanh nghiệp; Hỗ trợ chữ ký số doanh nghiệp; Tổ chức 04 lớp đào tạo, tập huấn kỹ năng sử dụng, khai thác các nền tảng số để chuyển giao sử dụng cho khoảng 150 doanh nghiệp; tổ chức 02 Hội thảo giải pháp chuyển đổi số doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh; hỗ trợ triển khai miễn phí 10 website thương mại điện tử cho 10 doanh nghiệp, hợp tác xã nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế số của địa phương. * Tổ chức 37 lớp tập huấn, hướng dẫn trực tiếp với hơn 1.600 người và 02 lớp tập huấn trực tuyến với 152 người tham gia. Kết quả đến nay có 08 hợp tác xã tham gia sàn thương mại điện tử Postmart và Voso. * Triển khai Đề án “Xây dựng và hỗ trợ doanh nghiệp các bộ giải pháp chăm sóc và quản trị khách hàng (CRM, AI, Big Data) theo lĩnh vực, ngành hàng”; tổ chức 04 lớp tập huấn chuyên đề về thương mại điện tử cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh. * Sàn thương mại điện tử Đặc sản Bến Tre có gần 73 gian hàng và 240 sản phẩm. * Có 184.830 hộ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh được đào tạo, tập huấn về kỹ năng số trong quá trình giao dịch trên sàn thương mại điện tử, có 3.886 hộ sản xuất nông nghiệp tham gia triển khai sản phẩm trên sàn thương mại điện tử, đã đưa lên 2 sàn thương mại điện tử (Postmart, Vỏ sò) với 4.142 sản phẩm nông nghiệp, 68 sản phẩm OCOP trên sàn thương mại điện tử Vỏ sò, 100% sản phẩm OCOP năm 2022 trên sàn thương mại điện tử Postmart; tổng số giao dịch trên 2 sàn đạt hơn 1.500 giao dịch. * Thí điểm mô hình Chợ 4.0 thanh toán không dùng tiền mặt tại ít nhất 10 chợ; tổ chức thành công các hoạt động hưởng ứng Ngày không tiền mặt 16/6. | | |
| **h)** | Xã hội số | | |
|  | * Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 71%, Tỷ lệ hộ gia đình có người có điện thoại thông minh đạt 75%. * 35% dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác. * 31% dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân. * 65% người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản. * 17% dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến. * Tuyên truyền hơn 180.000 tin nhắn đến thuê bao di động của người dân về TTHC; 76.500 tờ rơi tuyên truyền dịch vụ công trực tuyến, 76.500 tờ rơi tuyên truyền đẩy mạnh không dùng tiền mặt và 76.500 tờ rơi tuyên truyền đẩy mạnh sử dụng ứng dụng phát triển xã hội số đến thành viên Tổ Chuyển đổi số cộng đồng; Chiếu clip trên màn hình LED Đại lội Đồng khởi với hơn 200 lần/ngày phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số. * Xây dựng 04 tác phẩm: 01 phóng sự, 01 tiểu phẩm truyền hình và 01 phóng sự phát thanh, 01 câu chuyện truyền thanh truyền hình phục vụ Hội nghị Công bố ngày Chuyển đổi số Quốc gia và tỉnh Bến Tre; dẫn nguồn hơn 10 tin bài liên quan đến Ngày Chuyển đổi số trên 02 trang thông tin điện tử và trên trang mạng zalo của Sở Thông tin và Truyền thông. * 100% các phản ánh của người dân được xử lý đúng hạn. | | |
|  | [**Tỉnh Bình Dương**](https://chinhphu.vn/thong-tin-tinh-thanh?city=1166) | Báo cáo số 05/BC-UBND ngày 09/01/2023 |  |
| **a)** | Thể chế | | |
|  | * Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 19/5/2022 của Tỉnh ủy về Chuyển đổi số tỉnh Bình Dương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. * Quyết định số 767/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai lắp đặt camera giám sát, điều hành giao thông, an ninh trật tự và xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh. * Quyết định số 790/QĐ-UBND ngày 01/4/2022 của UBND tỉnh ban hành Danh sách mã định danh phiên bản 2.0 các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh. * Quyết định số 937/QĐ-UBND ngày 19/4/2022 của UBND tỉnh về việc thành lập Trung tâm Giám sát, Điều hành thông minh tỉnh Bình Dương. * Quyết định số 20/2022/QĐ-UBND ngày 12/7/2022 của UBND tỉnh quy định định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình trên địa bàn tỉnh. * Kế hoạch số 1201/KH-UBND ngày 18/03/2022 của UBND tỉnh về công tác thông tin đối ngoại tỉnh Bình Dương năm 2022. * Kế hoạch số 1751/KH-UBND ngày 18/04/2022 của UBND tỉnh tổ chức Ngày Sách và Văn hóa đọc Việt Nam năm 2022. * Kế hoạch số 1906/KH-UBND ngày 26/4/2022 của UBND tỉnh về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh năm 2022. * Kế hoạch số 2403/KH-UBND ngày 20/5/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Đề án nâng cao hiệu quả hoạt động thông tin cơ sở dựa trên ứng dụng CNTT đến năm 2025, tầm nhìn 2030. * Kế hoạch số 3959/KH-UBND ngày 03/8/2022 của UBND tỉnh hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh. * Kế hoạch số 4862/KH-UBND ngày 19/9/2022 triển khai Tổ công nghệ số cộng đồng tỉnh Bình Dương. * Kế hoạch số 5374/KH-UBND ngày 13/10/2022 tổ chức hội nghị và bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyển đổi số cho CBCCVC tỉnh Bình Dương năm 2022. | | |
| **b)** | Hạ tầng, dữ liệu số | | |
|  | * Hạ tầng mạng Truyền số liệu chuyên dùng (TSLCD) với hơn 184 điểm kết nối, đảm bảo kết nối đến ứng dụng nội bộ của tỉnh như phần mềm quản lý văn bản, hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến… * 01 trung tâm dữ liệu tập trung lưu trữ ứng dụng dùng chung như: hệ thống thư điện tử công vụ, hệ thống dịch vụ công (DVC), hệ thống một cửa, hệ thống quản lý văn bản, hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến... * Đã hình thành một phần hạ tầng mạng Internet vạn vật (IoT) để truyền tải dữ liệu camera và IoT. * Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính hợp nhất Cổng DVC và Hệ thống thông tin một cửa điện tử cài đặt đồng bộ 144 dịch vụ công trực tuyến mức 3 và 1.015 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4; kết nối với cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia về dân cư; thí điểm Mô hình số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC. * Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành liên thông 4 cấp, với 279 cơ quan sử dụng; sử dụng chữ ký số của cơ quan hoặc cá nhân. Tính đến nay, đã cấp được 1.403 chứng thư số cá nhân, 225 chứng thư số cơ quan. Trong năm 2022 đã cấp mới 153 chứng thư số cơ quan và 141 chứng thư số cá nhân. * Hệ thống thư công vụ được quản lý, vận hành hoạt động ổn định. Tính đến nay, đã cấp được 7.136 hộp thư điện tử và 297 tài khoản định danh. Trong năm 2022 đã cấp mới 474 hộp thư cơ quan và 367 hộp thư cá nhân. * Hệ thống Đường dây nóng 1022 với 54 cơ quan đầu mối, 460 bộ phận xử lý thông tin. * Cổng thông tin điện tử tỉnh. * 100% cơ quan hoàn chỉnh hệ thống mạng nội bộ; thiết bị phần cứng, đường Internet, * Hệ thống truyền hình trực tuyến với 120 điểm cầu; kết nối 4 cấp. * Trung tâm dữ liệu tỉnh. * Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh kết nối dữ liệu và tích hợp lên hệ thống IOC. * Các hệ thống dùng chung và các hệ thống thông tin chuyên ngành kết nối 13/17 hệ thống thông tin/CSDL Quốc gia. * CSDL phục vụ công tác quản lý chuyên ngành, trong đó ưu tiên các CSDL có tính chất nền tảng như: thông tin đất đai; thông tin quy hoạch đô thị; doanh nghiệp của tỉnh; cán bộ công chức viên chức; hộ tịch; ngành Công Thương; thông tin quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo; thông tin quản lý dữ liệu ngành Y tế. * Công khai danh mục CSDL dùng chung, danh mục các dịch vụ chia sẻ dữ liệu. * Hệ thống mạng cấp xã đã được trang bị thiết bị tường lửa cho 100% UBND các xã, phường, thị trấn; hầu hết các cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện đã được trang bị các giải pháp an toàn thông tin như: tường lửa, phần mềm lọc thư rác, phần mềm bảo mật, diệt vi rút, hệ thống cảnh báo truy cập trái phép. * Triển khai Trung tâm giám sát an toàn thông tin mạng tập trung (SOC); Phần mềm phòng, chống mã độc tập trung. | | |
| **c)** | Tỷ lệ phủ sóng, hạ tầng băng rộng, bưu chính | | |
|  | * 2.530 trạm thu phát sóng thông tin di động 3G, 4G. * Thí điểm 04 trạm 5G; | | |
| **d)** | Khu công nghệ | | |
|  |  | | |
| **đ)** | Nền tảng số địa phương | | |
|  | * Ứng dụng “Bình Dương Số” và “Chính quyền số Bình Dương”. | | |
| **e)** | Nhân lực số | | |
|  | * Thành lập 585 Tổ công nghệ số cộng đồng với tổng số thành viên là 2.992 người; được bồi dưỡng kỹ năng số. * Thành lập 101 đội hình thanh niên tình nguyện với 771 cán bộ gồm 01 đội hình hỗ trợ tại Trung tâm Hành chính công tỉnh, 09 đội hình tình nguyện tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công/Bộ phận Một cửa cấp huyện và 91 đội hình tình nguyện tại Bộ phận Một cửa cấp xã. * Bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đối số cho đối tượng là Lãnh đạo Sở (12 người); đội ngũ nòng cốt trong triển khai chuyển đổi số (11 người); Lãnh đạo UBND cấp xã (300 người); tiếp cận nền tảng trong triển khai chuyển đổi số (307 người); bảo đảm an toàn thông tin cho người dùng cuối (37 người); cán bộ, công chức, viên chức (100 người). * Hội thảo triển khai, tập huấn công tác chuyển đổi số cho 140 CCVC phụ trách CNTT; Hội thảo hướng dẫn xây dựng và triển khai bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; Hội thảo “Định hướng chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Bình Dương. | | |
| **g)** | Kinh tế số | | |
|  | * Ban hành các Kế hoạch phát triển kinh tế số. * 06 Hội nghị, hội thảo liên quan đến phát triển kinh tế số gồm: Hội thảo “Ứng dụng công n​ghệ 4.0 vào hoạt động chuyển đổi số”; Hội thảo định hướng “Chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Bình Dương”; Hội thảo “Định hướng chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Bình Dương”; Hội thảo “Chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Bình Dương - Góc nhìn người triển khai”; Hội thảo khoa học “Tiếp nối truyền thống, tỉnh Bình Dương chặng đường một phần tư thế kỷ: Thành tựu và Triển vọng”; Hội nghị hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận chuyển đổi số. * Triển khai Tháng tiêu dùng số: Nâng cao kỹ năng số cho người dân; chuyên trang trên Internet về Chuyển đổi số; trên 350 tin, bài tuyên truyền hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia, Đề án 06 và 45 ngày đêm Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử. | | |
| **h)** | Xã hội số | | |
|  | * Số thuê bao điện thoại di động đạt 138,75 thuê bao/100 dân. * 85% hộ gia đình có sử dụng cáp quang băng rộng. * 99,9% khu vực có dân cư sinh sống được phủ sóng di động 3G, 4G. * Tỷ lệ thuê bao Internet cáp quang băng rộng di động đạt 101,43 thuê bao/100 dân. * Tiếp nhận 6.144 hồ sơ TTHC, trong đó bao gồm: 5.434 hồ sơ nộp trực tuyến; thực hiện đồng bộ lên Cổng DVC Quốc gia là 1.927 TTHC, 320 lĩnh vực và 9.656 biểu mẫu giấy tờ. * Khoảng 65.287 cuộc gọi trên đường dây nóng 1022. Tỷ lệ xử lý thông tin hỗ trợ từ người dân, doanh nghiệp đạt 81% trên tổng số phiếu yêu cầu. * Thu thập, cập nhật và bổ sung dữ liệu thông tin địa chỉ số cho 286.947 đối tượng, trong đó đã có 237.570 hộ gia đình được gán địa chỉ số và gắn với bản đồ VMAP và NDAS. * Lực lượng tình nguyện viên tại Trung tâm Hành chính công tỉnh đã hỗ trợ, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp thực hiện dịch vụ công trực tuyến trên 35.227 lượt. Riêng tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công/Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã, tính đến ngày 30/11/2022 đã hỗ trợ, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp thực hiện dịch vụ công trực tuyến đạt trên 558.432 lượt. | | |
|  | [**Tỉnh Bình Định**](https://chinhphu.vn/thong-tin-tinh-thanh?city=1337) | Chưa báo cáo |  |
| **a)** | Thể chế | | |
|  |  | | |
| **b)** | Hạ tầng, dữ liệu số | | |
|  |  | | |
| **c)** | Tỷ lệ phủ sóng, hạ tầng băng rộng, bưu chính | | |
|  |  | | |
| **d)** | Khu công nghệ | | |
|  |  | | |
| **đ)** | Nền tảng số địa phương | | |
|  |  | | |
| **e)** | Nhân lực số | | |
|  |  | | |
| **g)** | Kinh tế số | | |
|  |  | | |
| **h)** | Xã hội số | | |
|  |  | | |
|  | [**Tỉnh Bình Phước**](https://chinhphu.vn/thong-tin-tinh-thanh?city=1338) | Báo cáo số 347/BC-STTTT ngày 16/12/2022 | Kế hoạch số 280/KH-UBND ngày 30/9/2022 |
| **a)** | Thể chế | | |
|  | - Kế hoạch số 110/KH-UBND ngày 25/04/2022 về Triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số và đề án “ Xác định chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số” trên địa bàn tỉnh Bình Phước.  - Kế hoạch số 297/KH-UBND ngày 17/9/2021 về việc đưa sản phẩm nông sản của tỉnh lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2021-2025.  - Quyết định số 673/QĐ-UBND ngày 14/4/2022 của UBND tỉnh Phê duyệt đề án “Triển khai hóa đơn điện tử trên địa bàn tỉnh Bình Phước”.  - Kế hoạch số 240/KH-UBND ngày 24/8/2022 triển khai thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.  - Kế hoạch số 139/KH-UBND ngày 11/5/2022 về thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh.  - Kế hoạch số 131/KH-UBND ngày 09/5/2022 Triển khai thử nghiệm nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số trên địa bàn tỉnh Bình Phước.  - Kế hoạch số 284/KH-UBND ngày 05/10/2022 về tổ chức Ngày Chuyển đổi số tỉnh Bình Phước năm 2022.  - Kế hoạch số 51/KH-UBND ngày 01/3/2022 về triển khai thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025 tầm nhìn đến năm 2030.  - Kế hoạch số 70/KH-STTTT ngày 30/8/2022.  - Kế hoạch Số 261/KH-UBND về việc tổ chức thí điểm Phiên chợ không dùng tiền mặt tại thành phố Đồng Xoài năm 2022. | | |
| **b)** | Hạ tầng, dữ liệu số | | |
|  | - Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh được thiết kế và thuê vận hành với tiêu chuẩn, sử dụng công nghệ ảo hóa, bảo đảm năng lực tính toán và dung lượng lưu trữ phục vụ xây dựng CQĐT và đang được nâng cấp, mở rộng để triển khai các ứng dụng ĐPTM. Được trang bị các hệ thống giám sát bảo đảm an toàn thông tin (SOC), quản lý vận hành theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 27001:2013, triển khai mô hình “4 lớp” an toàn thông tin; kết nối, chia sẻ dữ liệu giám sát an toàn thông tin với Trung tâm Giám sát không gian mạng quốc gia.  - Hoàn thành xây dựng phương án triển khai ứng dụng IPv6 cho mạng chuyên dùng, Trung tâm tích hợp dữ liệu và các cổng thông tin điện tử, cổng dịch vụ công trực tuyến.  - Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến cho phép kết nối 150 điểm cầu.  - Đài Phát phanh – Truyền hình và Báo Bình Phước đã số hóa, được đầu tư hệ thống lưu trữ phim, phóng sự, ảnh; đang triển khai hạ tầng phục vụ Toà soạn số hội tụ, phim trường S4 và hệ thống Tổng khống chế; chuyển đổi công nghệ phát thanh công nghệ tương tự sang công nghệ số.  - Đảm bảo duy trì kết nối Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, Cổng dịch vụ công trực tuyến, Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh với các hệ thống tương ứng của Chính phủ; kết nối Hệ thống dịch vụ công của tỉnh với hệ thống của các Bộ, ngành (Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, VNPOST, Bảo hiểm xã hội Việt Nam); kết nối Cổng dịch vụ công tỉnh với nền tảng thanh toán trực tuyến PayGov quốc gia và Hệ thống thu thập, đánh giá sử dụng dịch vụ công trực tuyến (EMC); hoàn thành triển khai kết nối thử nghiệm Cổng dịch vụ công, Cổng dịch vụ công của tỉnh với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.  - Xây dựng, triển khai nền tảng LGSP; đã triển khai kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu của 05 hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia  - Đầu tư hạ tầng, xây dựng Kho cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Bình Phước.  - Cập nhật dữ liệu hạ tầng trên nền tảng hệ thống thông tin địa lý quản lý quy hoạch hạ tầng của tỉnh tại địa chỉ (https://gis.binhphuoc.gov.vn).  - Đang hình thành và chuẩn bị bắt đầu đưa vào sử dụng danh mục dữ liệu dùng chung toàn tỉnh để thu thập, làm sạch, chuẩn hóa các CSDL nền và một số CSDL chuyên ngành (có cấu trúc). | | |
| **c)** | Tỷ lệ phủ sóng, hạ tầng băng rộng, bưu chính | | |
|  | - Hoàn thành phủ sóng mạng 3G, 4G, Internet băng rộng cố định, truyền hình số mặt đất  - Triển khai mạng chuyên dùng toàn tỉnh, kết nối 180 cơ quan, đơn vị  - Có hơn 14 doanh nghiệp và 213 bưu cục, chi nhánh phục vụ bưu chính, chuyển phát; đảm bảo mỗi xã có 01 điểm phục vụ bưu chính.  - Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng (thuê bao internet): 93% | | |
| **d)** | Khu công nghệ | | |
|  |  | | |
| **đ)** | Nền tảng số địa phương | | |
|  | - Sàn giao dịch điện tử hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của tỉnh tại địa chỉ https://ecombinhphuoc.com.vn  - Ứng dụng số của tỉnh “Binhphuoctoday  - Kênh Zalo OA “Chính quyền số tỉnh Bình Phước”  - Nền tảng học kỹ năng trực tuyến mở đại trà (MOOCs)  - Hình thành nền tảng dữ liệu địa lý của tỉnh (gis.binhphuoc.gov.vn).  - Nền tảng định danh người dân và xác thực điện tử  - Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu ( LGSP)  - Nền tảng trung tâm giám sát điều hành thông minh (IOC)  - Nền tảng trung tâm giám sát điều hành an toàn thông tin mạng (SOC) | | |
| **e)** | Nhân lực số | | |
|  | - Tổ chức Hội thảo “ Thúc đẩy chuyển đổi số ” vào ngày 26/4/2022 (với trên 300 đại biểu tham dự trực tiếp và hơn 100 doanh nghiệp tham dự bằng hình thức trực tuyến).  - Tuyên truyền, khuyến khích các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tham gia đánh giá mức độ chuyển đổi số trên Cổng thông tin đánh giá mức độ chuyển đổi số của doanh nghiệp (https://dbi.gov.vn);  - Tham gia các hội nghị về chuyển đổi số doanh nghiệp, thương mại điện tử do Bộ, ngành, hiệp hội tổ chức.  - Tổng số lao động trong các doanh nghiệp công nghệ số khoảng 500 người.  - Tổ chức Hội nghị phổ biến kiến thức về thương mại điện tử cho đối tượng quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh  - Tổ chức 04 lớp tập huấn về kỹ năng kinh doanh trên Sàn thương mại điện tử cho đối tượng hộ nông dân, tổ hợp tác, chủ trang trại trên địa bàn tỉnh  - Tổ chức các lớp tập huấn thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt cho các cơ sở giáo dục (từ mầm non đến phổ thông)  - Tổ chức bồi dưỡng kiến thức chuyển đổi số trên nền tảng MOOCs cho đối tượng lãnh đạo UBND cấp xã với 378 tài khoản học viên tham gia; Phổ cập kỹ năng số đến Tổ công nghệ số cộng đồng và người dân với 6415 tài khoản thành viên Tổ.  - 100% cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện có chuyên trách hoặc giao phụ trách công nghệ thông tin. Chuyên trách công nghệ thông tin có trình độ chuyên ngành CNTT, cụ thể: đại học là 86 /94, đạt tỷ lệ 91 %; cao đẳng: 08/94, đạt tỷ lệ 09%.  - Tổ chức Hội nghị tập huấn Nâng cao năng lực chuyển đổi số - Hướng đến một quốc gia số toàn diện cho 200 đại biểu là lãnh đạo các cơ quan Đảng, Nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã; 50 đại biểu là đại diện của các doanh nghiệp vừa và nhỏ, hộ sản xuất kinh doanh, hợp tác xã; khoảng 5.426 đại biểu chủ yếu là thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng tại cấp huyện và cấp xã (hình thức trực tiếp và trực tuyến)  - Tổ chức Hội nghị công bố ngày chuyển đổi số với chủ đề “chuyển đổi số vì một cuộc sống tốt đẹp hơn” được tổ chức theo hình thức trực tiếp và trực tuyến tại 122 điểm cầu cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh.  - Hoàn thành chương trình đào tạo về chuyển đổi số cho lãnh đạo cấp xã, theo đó, số lượng học viên hoàn thành là 362/377 người, đạt tỷ lệ 96%.  - Tổ chức hội nghị tập huấn “Nâng cao năng lực chuyển đổi số cho Chính quyền địa phương, doanh nghiệp và người dân - Hướng đến một Quốc gia số toàn diện” trên địa bàn tỉnh Bình Phước cho hơn 200 đại biểu là lãnh đạo các cơ quan Đảng, Nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã; 50 đại biểu là đại diện của các doanh nghiệp vừa và nhỏ, hộ sản xuất kinh doanh, hợp tác xã; khoảng hơn 5 nghìn đại biểu chủ yếu là thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng tại cấp huyện và cấp xã (hình thức trực tiếp và trực tuyến).  - Bồi dưỡng về chuyển đổi số trên Nền tảng học trực tuyến mở đại trà One touch cho gần 10.000 cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh, huyện, xã và Tổ công nghệ số cộng đồng với 03 lớp, 09 chuyên đề. | | |
| **g)** | Kinh tế số | | |
|  | - Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP: 8%  - Số doanh nghiệp cung cấp dịch vụ về công nghệ số đang hoạt động trên địa bàn tỉnh gần 100 doanh nghiệp; trong đó có 04 chi nhánh của tập đoàn về Viễn thông, công nghệ thông tin, doanh nghiệp kinh doanh, phân phối các sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin.  - Có 54.537 tổ chức, cá nhân có tài khoản mua bán hàng trên 02 sàn này, với 1.182 sản phẩm được đăng ký bán trên Sàn giao dịch thương mại điện tử tỉnh (ecombinhphuoc.com.vn).  - Có khoảng 215 đơn vị tham gia Sàn; với 370 sản phẩm trưng bày trên Sàn giao dịch thương mại điện tử tỉnh (ecombinhphuoc.com.vn)  - Tổ chức thành công Phiên chợ không dùng tiền mặt tại thành phố Đồng Xoài năm 2022  - Hỗ trợ 02 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tham gia kinh doanh trên Sàn thương mại điện tử quốc tế (Alibaba.com).  - Hỗ trợ 20 lượt doanh nghiệp, HTX, HKD tham gia kinh doanh trên các Sàn thương mại điện tử uy tín trong nước (Sendo, Shope, Lazada, Tiki).  - 100% các siêu thị, trung tâm thương mại và cửa hàng tiện lợi trên địa bàn tỉnh có thiết bị chấp nhận thẻ thanh toán  - Một số chợ lớn Bình Long, Phước Bình, Đồng Xoài,.. đã cùng các doanh nghiệp công nghệ số, ngân hàng thương mại triển khai đến các tiểu thương ứng dụng rộng rãi thanh toán Mobile Money.  - Có 6.714 NNT( trong đó có 6.490 tổ chức, 224 hộ kinh doanh đã đăng ký thành công việc sử dụng hóa đơn điện tử theo định dạng mới, 1.149 doanh nghiệp đăng ký lần đầu), triển khai áp dụng hóa đơn điện tử đạt 100% theo kế hoạch đề ra  - Đẩy mạnh triển khai ứng dụng Thuế điện tử (Tax Mobile)  - Tổ chức Hội nghị “Chuyển đổi số giải quyết các vấn đề của xã hội vì một cuộc sống tốt đẹp hơn cho người dân” có mặt hơn 300 đại biểu tham dự và trực tuyến tại 11/11 cấp huyện, 111 cấp xã, phường với hơn 4000 người tham dự; trưng bày các gian hàng giới thiệu các dịch vụ, giải pháp, tiện ích phục vụ cho công cuộc chuyển đổi số của các cơ quan, doanh nghiệp và cá nhân.  - Mạng lưới chuyển phát rộng khắp địa bàn tỉnh, nhiều đơn vị liên kết với các doanh nghiệp bán lẻ đều có văn phòng đại điện, các điểm phục vụ, kho vận trên địa bàn tỉnh. Sản lượng bưu chính ước tính trong năm 2022 đạt khoảng 30,085 tỷ. Các doanh nghiệp đều hỗ trợ người dùng tra cứu vận đơn trực tuyến.  - Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hoá đơn điện tử: 100% | | |
| **h)** | Xã hội số | | |
|  | - Số thuê bao di động/100 dân: 112%  - Tỷ lệ dân số có điện thoại thông minh: 63%  - Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 (đối với các dịch vụ công đủ điều kiện khi được rà soát trong năm 2022): 100%  - Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ (đối với dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ): 95%  - Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến: 60%  - Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính (đối với thủ tục hành chính tiếp nhận tại Bộ phận một cửa cấp tỉnh từ ngày 01/6/2022; đối với thủ tục hành chính tiếp nhận tại Bộ phận một cửa cấp huyện từ ngày 01/12/2022): 100%  - Dân số có tài khoản thanh toán điện tử: 81%  - Tỷ lệ người dân sử dụng ứng dụng định danh số (VNEID): 4%  - Tỷ lệ cơ sở y tế phường, xã, phòng khám khu vực trên địa bàn tỉnh sử dụng Nền tảng quản lý tiêm chủng cho hoạt động tiêm chủng vắc xin: 100%.  - Xây dựng và đưa vào vận hành ứng dụng số của tỉnh Binhphuoctoday với 27.000 lượt tải, Tổng đài 1022 (qua đầu số 0271 1022), Hệ thống tiếp nhận và xử lý phản ánh kiến nghị (https://1022.binhphuoc.gov.vn), đây là kênh tương tác giữa chính quyền với người dân trên môi trường số.  - Triển khai ứng dụng Zalo phục vụ thông tin tuyên truyền, chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Qua đó, duy trì vận hành kênh “binhphuoctoday”, tạo kênh Zalo OA cho 100% UBND cấp huyện, UBND cấp xã để cung cấp thông tin chính thống của cơ quan hành chính nhà nước phục vụ người dân, doanh nghiệp.  - Tuyên truyền, hỗ trợ người dân sử dụng nền tảng, dịch vụ số (dịch vụ công trực tuyến, ứng dụng “Binhphuoc today”, Mobile Money...).  - 100% các xã, thôn, ấp đã hoàn thành việc thành lập các Tổ công nghệ số cộng đồng (đến nay đã triển khai 111/111 xã, phường thị trấn với 1080 thành viên; 845 tổ các cấp với 5.426 thành viên)  - Chuyên trang Chuyển đổi số tỉnh Bình Phước tại địa chỉ: https://cds.binhphuoc.gov.vn, OA chuyển đổi số tỉnh Bình Phước trên Zalo, các cơ quan báo chí địa phương tăng cường phổ cập kỹ năng số cho người dân, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số của cơ quan nhà nước  - Triển khai thí điểm hệ thống truyền thanh thông minh và nhân rộng triển khai đồng bộ 100% toàn tỉnh; phối hợp đưa các sản phẩm lên sàn thương mại điện tử…  - Đã thực hiện triển khai 25 dịch vụ công thiết yếu theo Đề án 06; triển khai cấp tài khoản định danh điện tử, tích hợp các loại giấy tờ cho cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh  - Đẩy nhanh tiến độ triển khai toàn trình và một phần với 25 thủ tục hành chính thiết yếu liên quan đến người dân trên các lĩnh vực (quản lý cư trú, giao thông, quản lý xuất nhập cảnh, phòng cháy chữa cháy)  - 100% các xã, thôn, ấp đã hoàn thành việc thành lập các Tổ công nghệ số cộng đồng (đến nay đã triển khai 111/111 xã, phường thị trấn với 1080 thành viên; 845 tổ các cấp với 5.426 thành viên); hiện nay đã tiến hành sáp nhập được 69 tổ cấp xã và 503 tổ thôn, ấp.  - Phổ cập công nghệ số cộng đồng trên Nền tảng học trực tuyến mở đại trà (MOOCs) với 1052 Tài khoản là thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã và 5363 Tài khoản được mở cho thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng cấp thôn, ấp. | | |
|  | [**Tỉnh Bình Thuận**](https://chinhphu.vn/thong-tin-tinh-thanh?city=1339) | Báo cáo số 277 /BC-UBND ngày 16/12/2022 | Kế hoạch số 4181/KH-UBND ngày 07/12/2022 |
| **a)** | Thể chế | | |
|  | * Quyết định số 27/QĐ-UBQGCĐS ngày 15/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số. * Kế hoạch số 2698/KH-UBND ngày 21/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai Hồ sơ sức khỏe điện tử giai đoạn 2020 - 2025 trên địa bàn tỉnh. * Kế hoạch số 3588/KH-UBND ngày 25/10/2022 thực hiện truyền thông về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030. * Kế hoạch số 1252/KH-UBND ngày 28/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực Chuyển đổi số Quốc gia trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”. * Kế hoạch số 1282/KH-UBND ngày 04/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU, ngày 18/3/2022 của Ban chấp hành Đảng Bộ tỉnh (khóa XIV) về chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. | | |
| **b)** | Hạ tầng, dữ liệu số | | |
|  | * Trang thông tin điện tử về chuyển đổi số của tỉnh (<https://chuyendoiso.binhthuan.gov.vn/>). * Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành kết nối Trục liên thông văn bản quốc gia. | | |
| **c)** | Tỷ lệ phủ sóng, hạ tầng băng rộng, bưu chính | | |
|  | * Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ tới 80% hộ gia đình, trường học, bệnh viện. * Tỷ lệ hộ gia đình có đường truyền internet cáp quang băng rộng đạt 88,59%. | | |
| **d)** | Khu công nghệ | | |
|  |  | | |
| **đ)** | Nền tảng số địa phương | | |
|  |  | | |
| **e)** | Nhân lực số | | |
|  | * 2.447 người là thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng; được bồi dưỡng kỹ năng số. * Hầu hết các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đều bố trí 01 chuyên viên phụ trách công nghệ thông tin (quản trị mạng) tại đơn vị mình; 100% cán bộ, công chức, viên chức các đơn vị, địa phương được đào tạo tin học căn bản. * Tập huấn, phổ biến về công nghệ IPv6 cho quản trị mạng các cơ quan, đơn vị; tổ chức 01 lớp bồi dưỡng kiến thức về chuyển đổi số, xây dựng quy trình làm việc số và phương thức triển khai nền tảng công nghệ số cho 106 cán bộ, công chức và lãnh đạo các sở, ngành và các địa phương; tổ chức 02 lớp tập huấn về chuyển đổi số cho gần 80 lãnh đạo và công chức, viên chức làm nhiệm vụ quản trị mạng các sở, ngành, địa phương trong tỉnh; tập huấn về chuyển đổi số qua nền tảng Onetouch cho 20 công chức, viên chức nòng cốt chuyển đổi số, 342 cán bộ lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã. * Tổ chức diễn tập an toàn thông tin cho Đội Ứng cứu an toàn thông tin mạng và cán bộ công chức chuyên trách công nghệ thông tin. | | |
| **g)** | Kinh tế số | | |
|  |  | | |
| **h)** | Xã hội số | | |
|  | * Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 80%. * Tỷ lệ dân số có điện thoại thông minh đạt 72,69%. * Khởi tạo hồ sơ sức khỏe điện tử của người dân tỉnh Bình Thuận là 1.143.373 hồ sơ/1.246.306 người (dân số thống kê năm 2021), đạt tỷ lệ 92% tổng dân số. * Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt 80%; Tính đến ngày 20/11/2022, Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản thanh toán đang còn hoạt động tại các chi nhánh ngân hàng trên địa bàn tỉnh đạt khoảng 85% và tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản thanh toán đang còn hoạt động có đăng ký sử dụng các dịch vụ thanh toán điện tử đạt khoảng 50% (ước tính). * Tổ chức 8 hội thảo, hội nghị chuyên đề nhằm truyền thông, tuyên truyền thúc đẩy chuyển đổi số; đăng tải hơn 100 tin, bài viết, phóng sự tuyên tuyền, phổ biến nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ công chức, viên chức, người dân và doanh nghiệp về ý nghĩa, vai trò, lợi ích của chuyển đổi số. * Tổ chức cuộc thi “Sáng kiến, giải pháp nâng cao hiệu quả, tần suất sử dụng dịch vụ công trực tuyến và dịch vụ bưu chính công ích năm 2022”. * Gần 100% văn bản đến, đi được gửi, nhận qua hệ thống. Đến ngày 25/11/2022 có 1.325.405 văn bản đến, 431.073 văn bản đi. | | |
|  | [**Tỉnh Cao Bằng**](https://chinhphu.vn/thong-tin-tinh-thanh?city=1340) | Báo cáo số 3362/BC-UBND ngày 21/12/2022 |  |
| **a)** | Thể chế | | |
|  | - Kế hoạch số 1406/KH-UBND ngày 07/6/2022 thực hiện Nghị quyết 11-NQ/TU với các mục tiêu và giải pháp cụ thể về xây dựng Chính quyền số, thúc đẩy phát triển kinh tế số và xã hội số trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.  - Kế hoạch số 1990/KH-UBND ngày 04/8/2022 về phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021-2025.  - Kế hoạch số 1127/KH-UBND ngày 12/5/2022 về thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.  - Kế hoạch số 1534/KH-UBND ngày 16/6/2022 thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.  - Kế hoạch số 535/KH-UBND ngày 10/3/2022 triển khai Chương trình xác định chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.  - Kế hoạch số 2529/KH-UBND ngày 21/9/2021 về triển khai hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn và đảm bảo cung cấp hàng hóa thiết yếu trong tình hình dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.  - Kế hoạch số 2222/KH-UBND ngày 24/8/2022 về tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. | | |
| **b)** | Hạ tầng, dữ liệu số | | |
|  | - Triển khai thí điểm Trung tâm giám sát, điều hành của UBND tỉnh (IOC), với 06 dịch vụ thí điểm: phát triển kinh tế - xã hội; phản ánh hiện trường; theo dõi điều hành dịch vụ hành chính công, Hệ thống theo dõi, điều hành văn bản điện tử; theo dõi, điều hành dịch vụ y tế thông minh; theo dõi, điều hành hệ thống giáo dục thông minh; hệ thống camera giám sát an ninh…"  - Chuẩn hóa CDSL, xây dựng và hình thành Hệ sinh thái giáo dục, thúc đẩy và phổ cập các nền tảng dạy và học trực tuyến; số hóa hồ sơ, dữ liệu ngành giáo dục, hình thành và làm giàu thư viện số ngành giáo dục. | | |
| **c)** | Tỷ lệ phủ sóng, hạ tầng băng rộng, bưu chính | | |
|  | - 47,13% hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng  - 47,13% (66.164/140.391) hộ gia đình có internet cáp quang  - 1.136 vị trí trạm BTS (trong đó có: 806 trạm 2G; 939 trạm 3G và 1071 trạm 4G)  - 1.026 thôn/1.462 thôn được phủ sóng di động, còn 436 thôn chưa có sóng di động | | |
| **d)** | Khu công nghệ | | |
|  |  | | |
| **đ)** | Nền tảng số địa phương | | |
|  | - Nền tảng Công dân số  - Nền tảng khám chữa bệnh từ xa  - Nền tảng trạm y tế xã | | |
| **e)** | Nhân lực số | | |
|  |  | | |
| **g)** | Kinh tế số | | |
|  | - 83% (1.208/1.452) doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử.  - 42,72% người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng.  - có 3.739 sản phẩm được đưa lên sàn thương mại điện tử.  - 93.955 tài khoản đăng ký và kích hoạt trên các sàn thương mại điện tử.  - 18.985 giao dịch trên sàn thương mại điện tử.  - Hoạt động của sàn thương mại điện tử Postmart trong năm 2022: 13.545 lượt giao dịch, 29.797 hộ (đạt 21,22%) sản xuất kinh doanh đưa sản phẩm lên sàn; 29.797 hộ (21,22%) sản xuất kinh doanh được đào tạo, tập huấn, hướng dẫn thực hiện quy trình đóng gói - kết nối - giao nhận; 2.278 Số/loại sản phẩm được đưa lên sàn.  - Hoạt động của sàn thương mại điện tử Voso trong 9 tháng đầu năm 2022: 2.818 lượt giao dịch: 15.521 hộ (11,06%) sản xuất kinh doanh đưa sản phẩm lên sàn; 9.251 hộ (6,59%) sản xuất kinh doanh được đào tạo, tập huấn, hướng dẫn thực hiện quy trình đóng gói - kết nối - giao nhận: 1.123 số/loại sản phẩm được đưa lên sàn (hiện nay sàn thương mại điện tử Voso đang trong quá trình nâng cấp).  - Các bệnh viện tuyến tỉnh, Trung tâm Y tế huyện, thành phố đã triển khai thanh toán điện tử không dùng tiền mặt. | | |
| **h)** | Xã hội số | | |
|  | - 60% dân số trưởng thành có điện thoại di động thông minh.  - 100% các trường học có ứng dụng công nghệ số trong công tác dạy học và hoạt động quản lý.  - 100% các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện kết nối với bệnh viện tuyến trên phục vụ khám chữa bệnh qua nền tảng công nghệ số.  - 97,43% cơ quan, tổ chức, hộ gia đình có địa chỉ số.  - 1.462 Tổ công nghệ số cộng đồng.  - Có trên 387.863 hồ sơ sức khỏe điện tử.  - 100% các bệnh viện tuyến tỉnh, Trung tâm Y tế huyện thành phố có hệ thống quản lý bệnh viện và sử dụng nền tảng trạm y tế xã. | | |
|  | [**Tỉnh Cà Mau**](https://chinhphu.vn/thong-tin-tinh-thanh?city=1341) | Báo cáo số 522/BC-STTTT ngày 12/12/2022 |  |
| **a)** | Thể chế | | |
|  | * Quyết định số 1929/QĐ-UBND ngày 01/8/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Đề án Chuyển đổi số tỉnh Cà Mau đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; * Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 14/7/2022 của Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Cà Mau đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. * Kế hoạch số 165/KH-UBND ngày 06/9/2022 triển khai thực hiện Đề án Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. * Kế hoạch số 118/KH-UBND ngày 16/8/2021 phát triển doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2021 – 2025 và 2026 – 2030. * Kế hoạch số 69/KH-UBND ngày 30/3/2022 triển khai Đề án xác định chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Cà Mau. * Kế hoạch số 157/KH-UBND ngày 15/11/2021 hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2022; * Kế hoạch số 174/KH-UBND ngày 16/9/2022 hỗ trợ doanh doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2023 và giai đoạn 2023 – 2025 trên địa bàn tỉnh Cà Mau. * Kế hoạch số 192/KH-UBND ngày 05/10/2022 triển khai thực hiện Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2022 – 2025. * Kế hoạch số 175/KH UBND ngày 19/9/2022 tổ chức hoạt động ngày Chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Cà Mau năm 2022. | | |
| **b)** | Hạ tầng, dữ liệu số | | |
|  | * Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) đã kết nối: CSDL văn bản quy phạm pháp luật; CSDL về danh mục dùng chung; CSDL về đăng ký doanh nghiệp; CSDL về đất đai; CSDL về bảo hiểm; CSDL về giá; Hệ thống mã bưu chính Vpostcode; CSDL nông nghiệp; Cổng dịch vụ công tỉnh; kết nối liên thông dữ liệu giữa ngành tài nguyên môi trường với ngành thuế... * Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC), bao gồm các chức năng nền tảng giám sát, điều hành thông minh; tổng hợp, phân tích dữ liệu; giám sát dữ liệu trực tuyến . * Tiếp nhận Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số. * Kho dữ liệu của công dân * Phát triển cơ sở dữ liệu chuyên ngành như công thương; xây dựng; giao thông. * Phần mềm Cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ sản xuất nông nghiệp tỉnh Cà Mau. * Hệ thống thông tin quản lý đất đai VNPT iLIS. | | |
| **c)** | Tỷ lệ phủ sóng, hạ tầng băng rộng, bưu chính | | |
|  | * 100% xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh đã triển khai hệ thống cáp quang và phủ sóng mạng di động 3G/4G; 100% trường học, bệnh viện có kết nối internet băng rộng cáp quang. * Số lượng thuê bao Internet của tỉnh là 1.188.319 thuê bao. Trong đó, Internet băng rộng cố định là 191.270 thuê bao; Internet băng rộng di động sử dụng dữ liệu trên mạng 3G, 4G có 907.895 thuê bao. * 62% hộ gia đình có thuê bao cáp quang internet. * Đang triển khai thí điểm 03 trạm phát sóng di động 5G. | | |
| **d)** | Khu công nghệ | | |
|  |  | | |
| **đ)** | Nền tảng số địa phương | | |
|  | * Hiện đang thử nghiệm phần mềm Truy xuất nguồn gốc thủy sản. * Bản đồ số GIS trong nông nghiệp. * Cổng thông tin Du lịch Cà Mau. * Sàn thương mại điện tử tỉnh (madeincamau.com). * Chính quyền điện tử (CaMau-G). * Dịch vụ công trực tuyến tỉnh Cà Mau” trên zalo. * Trang thông tin tỉnh Cà Mau trên Facbook. | | |
| **e)** | Nhân lực số | | |
|  | * Ngày 30/9/2022, Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình dạy học về kỹ năng số và STEM/STEAM trong giáo dục phổ thông đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. * Thí điểm Tổ công nghệ số cộng đồng cho 14/101 xã, phường, thị trấn; thành lập tổng cộng 93 Tổ công nghệ số cộng đồng khóm/ấp, với 472 thành viên tham gia và được tập huấn, hướng dẫn trực tuyến, trực tiếp các chủ trương, chính sách, pháp luật về chuyển đổi số; chuyển giao, hướng dẫn cài đặt, sử dụng nền tảng số, công nghệ số, kỹ năng số và các ứng dụng trên Chính quyền điện tử (CaMau-G). | | |
| **g)** | Kinh tế số | | |
|  | * Tỷ lệ doanh nghiệp SMEs tiếp cận nền tảng CĐS ước tính khoảng 45% (năm 2021 là 37,22%) * Số lượng doanh nghiệp công nghệ số đạt khoảng 04 doanh nghiệp. * Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hoá đơn điện tử đạt 100%. * Tỷ trọng TMĐT trong tổng mức bán lẻ ước khoảng 7%. * Cổng thông tin Du lịch Cà Mau đã cập nhập dữ liệu thông tin 49 cơ sở lưu trú; 15 nhà hàng; giới thiệu 126 món ẩm thực đặc sản Cà Mau, 13 tour du lịch được đăng bán và 117 điểm đến du lịch; đã có hơn 35.500 lượt truy cập. * Sàn TMĐT của tỉnh madeincamau.com có 460 tài khoản thành viên, 202 gian hàng và 542 sản phẩm hàng hóa, dịch vụ; có hơn 200 đơn hàng phát sinh, tổng giá trị giao dịch hơn 200 triệu đồng, hàng hóa giao dịch chủ yếu là mật ong, tôm khô, chà bông tôm, bánh phồng tôm, bánh phồng hàu, muối tôm và trà xạ đen. * Có trên 130 gian hàng với 539 sản phẩm OCOP, nông sản được giới thiệu trưng bày trên các sàn thương mại điện tử: voso.vn, postmart.vn. * Hỗ trợ xây dựng website TMĐT cho 11 doanh nghiệp, HTX, cơ sở sản xuất kinh doanh * Triển khai mô hình chợ 4.0 tại 14 điểm chợ trên địa bàn tỉnh, cung cấp trên 1.200 điểm chấp nhận thanh toán không dùng tiền mặt, có hơn 2.200 lượt giao dịch với tổng giá trị giao dịch gần 800 triệu đồng; tư vấn triển khai giải pháp hợp đồng điện tử cho một số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh dùng thử nghiệm. * 100% doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, hộ kinh doanh triển khai sử dụng hóa đơn điện tử; * Có trên 21.000 tài khoản dịch vụ Mobile Money của VNPT và Viettel. | | |
| **h)** | Xã hội số | | |
|  | * 100% trường học sử dụng phần mềm quản trị trường học; * Kho học liệu số mở đang triển khai thí điểm. * Có 75% người dân sử dụng điện thoại thông minh. * Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản và thường xuyên giao dịch thanh toán điện tử khoảng 35%. * Có tổng cộng 318.821 địa chỉ số. * Có hơn 19.580 chữ ký số cá nhân đã triển khai trong các đơn vị hành chính sự nghiệp và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. * Tổ công nghệ số cộng đồng đã trực tiếp làm mẫu, hướng dẫn kỹ năng số cho khoảng trên 20% số hộ gia đình trong ấp/khóm thuộc xã/phường/thị trấn được chọn thí điểm. * Thu nhận hồ sơ cấp định danh điện tử mức độ 2 là 209.281/1.216.330 người từ đủ 14 tuổi trở lên, đạt 17,20%. * Tạo lập 1.154.771 hồ sơ sức khỏe điện tử, chiếm 87,8% dân số tỉnh; triển khai thí điểm hệ thống đặt lịch, tư vấn, khám chữa bệnh từ xa - vnCare cho 14 đơn vị (gồm Bệnh viện, Trung tâm y tế), đã có 3.682 lượt đăng ký, đến khám thực tế 2.459 lượt; có 02 bệnh viện đã triển khai áp dụng thanh toán không dùng tiền mặt trong thu viện phí. * 100% trường học sử dụng phần mềm vnEdu của VNPT và Smas của Viettel để quản trị trường học; đã thẩm định và đưa lên kho học liệu 2.782 giáo án điện tử; có 317 đơn vị trường học đã triển khai mở sổ liên lạc điện tử, với tổng cộng 144.670 phụ huynh đăng ký sử dụng. * Tuyên truyền về chuyển đổi số: 247 tấm băng rôn, 06 pano cụm; trên 300 tin, bài, ảnh; ưu đãi, khuyến mãi, giảm giá cước dịch vụ, các sản phẩm chuyển đổi số;… * Chuyên mục “Chuyển đổi số” trên Cổng thông tin điện tử tỉnh đã đăng tải trên 39 tin, bài và các văn bản; chuyên mục “IT-Today” của Đài Phát thanh - Truyền hình Cà Mau đã phát hành 21 video clip. | | |
|  | [**Thành phố Cần Thơ**](https://chinhphu.vn/thong-tin-tinh-thanh?city=1342) | Báo cáo số 2526/BC-STTTT ngày 13/12/2022 |  |
| **a)** | Thể chế | | |
|  | * Kế hoạch số 216/KH UBND ngày 21 tháng 10 năm 2022 phát triển hạ tầng số trên địa bàn thành phố Cần Thơ đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. * Kế hoạch số 206/KH-UBND ngày 05/10/2022 về Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số Quốc gia năm 2022 trên địa bàn thành phố Cần Thơ. * Kế hoạch số 127/KH-UBND ngày 07/6/2022 triển khai thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030. * Kế hoạch số 95/KH-UBND ngày 27/4/2022 về tổ chức thực hiện Quyết định số 895/QĐ-TTg về việc thành lập Khu Công nghệ thông tin tập trung Cần Thơ. * Quyết định số 3813/QĐ-UBND ngày 04/11/2022 phê duyệt danh mục ngành, nghề ưu tiên đầu tư vào Khu Công nghệ thông tin tập trung thành phố Cần Thơ. * Kế hoạch số 139/KH-UBND ngày 22/6/2022 về phát triển doanh nghiệp công nghệ số thành phố Cần Thơ đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. * Kế hoạch số 135/KH-UBND ngày 30/6/2021 về Hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thành phố giai đoạn 2021 – 2015, định hướng đến năm 2030. * Chương trình số 05/Ctr-UBND ngày 17/02/2022 về phát triển thương mại điện tử năm 2022. | | |
| **b)** | Hạ tầng, dữ liệu số | | |
|  | * Hạ tầng IOT được đầu tư với 02 thiết bị giám sát chất lượng không khí và chất lượng nước mặt; Số liệu tự động tích hợp từ các trạm quan trắc nước đặt giữa sông theo thời gian thực được cập nhật liên tục 1h lấy dữ liệu 01 lần. * Phần mềm truy xuất nguồn gốc các sản phẩm đặc trưng thông qua mã QR. * Hệ thống Ecosys.gov.vn cấp chứng nhận xuất xứ C/O điện tử cho các doanh nghiệp. | | |
| **c)** | Tỷ lệ phủ sóng, hạ tầng băng rộng, bưu chính | | |
|  | * Tổng số thuê bao Internet 1.246.524 thuê bao, mật độ thuê bao Internet đạt tỷ lệ 98 thuê bao/100 dân. * Có trên 72% hộ gia đình có kết nối mạng cáp quang. * Phủ sóng truyền hình số mặt đất tới 100% dân cư. * Phủ sóng thông tin di động và thông tin di động băng rộng (3G, 4G) đến 100% dân cư. * Mạng băng rộng đến 100% xã, phường. * Có khoảng 300 điểm phục vụ dịch vụ viễn thông, 1.990 trạm BTS. * Mạng 5G Viettel đã triển khai thí điểm tại khu vực bến Ninh Kiều, đại lộ Hòa Bình. * 32 điểm với 254 đầu phát wifi công cộng * 216 điểm phục vụ bưu chính, bán kính phục vụ là 1,44 km/1điểm và bình quân 5.745người/1 điểm phục vụ. * 250 đại lý Internet. | | |
| **d)** | Khu công nghệ | | |
|  | * Khu CNTT tập trung thành phố Cần Thơ | | |
| **đ)** | Nền tảng số địa phương | | |
|  | * App Cần Thơ Smart City. * Cổng dịch vụ công thành phố Cần Thơ. * Tổng đài 1022 Cần Thơ. * Chuyên trang về chuyển đổi số https://chuyendoiso.cantho.gov.vn/. * Youtube Cần Thơ TV. * Trang thương mại điện tử <http://canthotrade.com>. * Ứng dụng Việc làm số; Cổng thông tin việc làm Cần Thơ tại địa chỉ [www.vieclamcantho.vn](http://www.vieclamcantho.vn). * Facebook, Zalo của Trung tâm Dịch vụ việc làm Cần Thơ. * Ứng dụng di động du lịch thông minh. * Ứng dụng di động cho công dân (Cần Thơ Smartcity). | | |
| **e)** | Nhân lực số | | |
|  | * Số lượng sinh viên đang theo học của ngành công nghệ thông tin, điện tử, viễn thông và thương mại điện tử - kinh tế số là 8.401 sinh viên. * Hơn 90% cơ quan nhà nước cấp thành phố có công chức phụ trách công nghệ thông tin với trình độ chuyên môn tin học từ cao đẳng và tương đương trở lên, 80% có bằng đại học, sau đại học về CNTT. | | |
| **g)** | Kinh tế số | | |
|  | * Tổ chức nhiều hội thảo, hội nghị liên quan đến phát triển kinh tế số địa phương “ Hội nghị chính sách phát triển thương mại điện tử và định hướng tiêu dùng trong bối cảnh mới”; “Hội thảo chuyển đổi số yếu tố thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong kinh doanh cho các doanh nghiệp”, “ Hội thảo chuyển đổi số yếu tố thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong kinh doanh cho các doanh nghiệp”, “Hội thảo chuyên đề chuyển đổi số và kết nối doanh nghiệp năm 2022”… * Mô hình chợ 4.0 thanh toán không dùng tiền mặt tại hơn 9 điểm chợ. * Hỗ trợ Chủ đầu tư Khu CNTT và các doanh nghiệp đầu tư theo quy định. * Có 33 doanh nghiệp công nghệ số thành lập mới và 9 doanh nghiệp chuyển đổi hình thức kinh doanh nâng tổng số lên 670 doanh nghiệp công nghệ số với tổng doanh thu là 6.718 tỷ đồng tăng trưởng 40% so với năm 2021. * Tổ chức các sự kiện hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo: Diễn đàn Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo vùng đồng bằng sông Cửu Long – Lần 2 kết hợp triển lãm các sản phẩm, dự án với chủ đề “Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo – tận dụng cơ hội, tạo đà bức phá”; Gian trưng bày giới thiệu sản phẩm, dự án startups store; Ngày hội khởi nghiệp Đổi mới sáng tạo vùng đồng bằng sông Cửu Long năm 2022 - TECHFEST Mekong 2022 với chủ đề “Khát vọng vùng đất Chín Rồng”; duy trì diễn đàn trực tuyến về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại tên miền www.castihub.vn và trang fanpage castihub.vn5 và các hoạt động phối hợp khác. * Phối hợp với các Thương vụ Việt Nam tại nước ngoài, các cơ quan, tổ chức để hỗ trợ cung cấp 85 thông tin thị trường, cung cấp hơn 1086 tin tức và kết nối nhu cầu đặt mua hàng hóa của đối tác nước ngoài đến các doanh nghiệp xuất khẩu; đưa 92 sản phẩm OCOP của thành phố lên trang thương mại điện tử http://canthotrade.com. | | |
| **h)** | Xã hội số | | |
|  | * 73% người dân trưởng thành có thiết bị di động thông minh và 90% hộ gia đình có người có điện thoại thông minh. * 80% dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác. * 60% dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân. * 80% người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản. * 72% hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang. * 60% người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản. * 35% dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến. * 10% dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa. * 90% người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử. * 80% cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở. * 70% cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở. * Tổ công nghệ số cộng đồng phối hợp với doanh nghiệp công nghệ thông tin, viễn thông hướng dẫn kỹ năng số tại hơn 10 điểm chợ. * Tuyên truyền Ngày Chuyển đổi số Quốc gia; chia sẻ, phổ biến câu chuyện chuyển đổi số; có chuyên trang về chuyển đổi số, đăng tải hơn 100 tin, bài, 38 văn bản với tần suất ít nhất 1 tin, bài/tuần tại địa chỉ: https://chuyendoiso.cantho.gov.vn/. * Chuyên mục Chuyển đổi số phát sóng 04 kỳ hàng tháng trên Đài Phát thanh và Truyền hình TPCT; Các chuyên đề về chuyển đổi số tích hợp trên Youtube Cần Thơ TV; Hệ thống truyền thanh cơ sở chuyedoisoradio cũng có các chuyên đề về chuyển đổi số phát định kỳ hàng tuần; Báo địa phương có chuyên mục chuyển đổi số Canthoonline. * Triển khai áp dụng mô hình giáo dục STEM/STEAM cho 117 trường thuộc hệ giáo dục phổ thông. * Hỗ trợ chi trả hàng tháng cho 1.900 đối tượng bảo trợ xã hội tại Ninh Kiều và Thới Lai qua thẻ Viettel pay. | | |
|  | [**Thành phố Hải Phòng**](https://chinhphu.vn/thong-tin-tinh-thanh?city=1344) | Báo cáo số 708/BC-STTTT ngày 12/12/2022 | Kế hoạch số 144/KH- UBND ngày 17/6/2022 |
| **a)** | Thể chế | | |
|  | * Quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị Quyết số 03/NQ/TU ngày 26/10/2021 của Ban Thường vụ Thành ủy về Chuyển đổi số thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; * Kế hoạch số 66/KH-UBND ngày 16/3/2022 về việc triển khai chương trình xác định chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số, phát triển kinh tế; * Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 11/3/2022 về thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ việc chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030; * Kế hoạch số 72/KH-UBND ngày 23/3/2022 về việc triển khai Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn thành phố Hải Phòng; * Kế hoạch số 74/KH-UBND ngày 24/3/2022 về việc chuyển đổi số thành phố năm 2022; * Kế hoạch số 81/KH-UBND ngày 30/3/2022 về triển khai Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; * Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 05/4/2022 về cải thiện và nâng cao chỉ số chuyển đổi số thành phố Hải Phòng năm 2022; * Kế hoạch số 128/KH-UBND ngày 27/5/2022 về đẩy mạnh sử dụng dịch vụ công trực tuyến, nâng cao tỷ lệ hồ sơ trực tuyến, giảm tỷ lệ hồ sơ quá hạn trong cơ quan nhà nước; * Kế hoạch 157/KH-UBND ngày 01/7/2022 thực hiện Chương trình phối hợp hành động thúc đẩy chuyển đổi số thành phố Hải Phòng giai đoạn 2022 - 2025 giữa Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Thống tin và Truyền thông; * Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 09/02/2022 truyền thông về chuyển đổi số trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2022-2025; * Kế hoạch số 85/KH-UBND ngày 05/4/2022 truyền thông chuyển đổi số trên địa bàn thành phố Hải Phòng năm 2022; * Kế hoạch số 234/KH-UBND ngày 03/10/2022 về Triển khai Ngày Chuyển đổi số thành phố Hải Phòng * 100% các Sở, ngành, quận, huyện đã ban hành kế hoạch thực hiện chuyển đổi số tại đơn vị. | | |
| **b)** | Hạ tầng, dữ liệu số | | |
|  | * 100% cơ quan Đảng, Nhà nước có mạng LAN, kết nối Internet; 100% cán bộ công chức được trang bị máy tính để làm việc. * Hoàn thành kết nối kênh truyền số liệu chuyên dùng tới 251/253 Sở, ngành, quận, huyện, xã, phường, thị trấn trên địa bàn thành phố (đạt 99,2%). * Hệ thống Hội nghị truyền hình từ thành phố kết nối đến 100% các xã, phường thị trấn trên địa bàn thành phố. * 100% các cơ quan nhà nước tích hợp chữ ký số chuyên dùng, 100% văn bản được gửi trên môi trường mạng. * Chuyển đổi IPv4 sang IPv6 cho hai hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến thành phố và Cổng thông tin điện tử thành phố và đang triển khai tiếp các hệ thống thông tin khác. * Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu thành phố (LGSP), kết nối Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; Hệ thống thông tin Quản lý hộ tịch, quản lý lý lịch tư pháp; Cơ sở dữ liệu đăng ký doanh nghiệp, hệ thống Cấp mã quan hệ ngân sách. * Cơ sở dữ liệu đất đai, kết nối liên thông giữa phần mềm đất đai VBDLIS tại Hải Phòng với hệ thống Một cửa điện tử và dịch vụ công trực tuyến thành phố với 100% các quận, huyện đã sử dụng; đã tiếp nhận 50.553 hồ sơ, đang xử lý 9.957 hồ sơ và đã giải quyết 40.501 hồ sơ. * Khai trương và ra mắt Cổng thông tin đất đai Thành phố Hải Phòng tại địa chỉ: https://hph.mplis.gov.vn/og/. * Cập nhật cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức đối với 36 đơn vị; số hoá tài liệu lưu trữ lịch sử 944,38 mét giá tài liệu lưu trữ, bao gồm 49.367 hồ sơ bằng tổng số 3.966.396 trang tài liệu trong kho lưu trữ lịch sử. * Hệ thống phần mềm diệt virus, chống mã độc tập trung cho hệ thống máy tính trong các cơ quan nhà nước. * Trung tâm giám sát, điều hành an toàn thông tin mạng (SOC) tại Trung tâm dữ liệu thành phố. * Đang xem xét 35/48 hồ sơ cấp độ hệ thống thông tin, đã phê duyệt 13/48 hồ sơ đủ điều kiện hồ sơ cấp độ hệ thống thông tin. * Phần mềm Thông tin Phản ánh hiện trường thuộc hệ thống Giám sát, điều hành đô thị thông minh thành phố Hải Phòng. * Hệ thống Hải quan điện tử VNACCS/VCIS. * Phần mềm Quản lý bệnh viện, kết nối dữ liệu liên thông với Cổng thông tin Giám định Bảo hiểm xã hội. * Đang triển khai hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục và đào tạo. * Thí điểm triển khai hệ thống quản lý nhắc nợ thuế trên địa bàn thành phố. | | |
| **c)** | Tỷ lệ phủ sóng, hạ tầng băng rộng, bưu chính | | |
|  | * 2.293 trạm BTS 4G, hạ tầng băng thông rộng di động 4G đã được phủ đến 100% cấp huyện và cấp xã. * Lắp đặt trạm thu phát sóng thông tin di động công nghệ 5G thử nghiệm tại 02 Cảng Tân Vũ và Đình Vũ 01 trạm công nghệ 5G tại Quán Hoa thuộc dải Trung tâm thành phố. * Số thuê bao điện thoại ước đạt 2.408.500 thuê bao; số thuê bao Internet phát triển mới ước đạt 42.560 thuê bao. * Khai thác, sử dụng hệ thống truy cập Internet vô tuyến băng rộng miễn phí tại một số một số địa điểm của thành phố như dải vườn hoa Trung tâm thành phố, Trung tâm Hội nghị thành phố, khu du lịch Cát Bà. * Triển khai Hệ thống truy nhập Internet không dây miễn phí tại 79 khu nhà trọ của công nhân lao động trên địa bàn thành phố, phục vụ nhu cầu truy nhập Internet trong cùng một thời điểm cho gần 4.000 công nhân. | | |
| **d)** | Khu công nghệ | | |
|  |  | | |
| **đ)** | Nền tảng số địa phương | | |
|  | * Kênh truyền thông “chuyển đổi số" trên zalo tới 15 quận, huyện và 217 xã phường thị trấn, 02 Sở | | |
| **e)** | Nhân lực số | | |
|  | * 100% (44 học viên) cán bộ, công chức, viên chức Sở Thông tin và Truyền thông Hải Phòng tham gia khóa bồi dưỡng về chuyển đổi số. * 11 cán bộ, công chức của thành phố tham gia chương trình đào tạo và phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin; 1.304 học viên tham gia khóa đào tạo cán bộ chuyển đổi số cho Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã; * Triển khai sử dụng Nền tảng học trực tuyến mở đại trà Haiphong.onetouch.edu.vn, đã tạo tài khoản học cho khoảng 13.000 cán bộ, công chức, viên chức. * Tổ chức 17 tập huấn, hướng dẫn cho hơn 700 cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, cán bộ, công chức, viên chức sử dụng chức năng thanh toán trực tuyến, ký số cá nhân khi nộp hồ sơ trên cổng Dịch vụ công và ký số kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên phần mềm Một cửa điện tử. * Tổng hợp, biên soạn các tài liệu hướng dẫn cho Tổ công nghệ số cộng đồng và người dân, các tài liệu đưa lên website: <https://onetouch.mic.gov.vn/pho-cap-ky-nang-so> và <https://uutru.haiphonginfo.vn/index.php/s/zoX9Y2fgHiCEdWr> * Bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cho Tổ công tác Đề án 06/CP và 2.439 Tổ Công nghệ số cộng đồng; hướng dẫn sử dụng Cổng Dịch vụ công trực tuyến thành phố, phần mềm Thông tin Phản ánh hiện trường thuộc hệ thống Giám sát, điều hành đô thị thông minh thành phố Hải Phòng. * Kiện toàn Ban chỉ đạo chuyển đổi số thành phố Hải Phòng, các Sở, ngành, quận, huyện và Tổ giúp việc. * Đã tổ chức hơn 40 hội nghị, hội thảo, chương trình, sự kiện về chuyển đổi số, thúc đẩy hình thành chuỗi đô thị thông minh, mô hình công dân số, đại học số, hoạt động logistics, phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, đất đai với số lượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan, địa phương tham dự hơn 20.000 người; | | |
| **g)** | Kinh tế số | | |
|  | * Triển khai Hải quan điện tử với hơn 99,65% doanh nghiệp tham gia. (thời gian tiếp nhận, thông quan đối với tờ khai luồng xanh từ 1-3 giây). * Thúc đẩy chuyển đổi số trong các doanh nghiệp vận tải với gần 500 xe khách đã áp dụng các nền tảng số trong hoạt động kinh doanh. * Tổ chức hướng dẫn các doanh nghiệp đăng ký tài khoản thực hiện quy trình nộp phí hạ tầng cảng biển bằng hình thức nộp phí thông qua cổng thanh toán điện tử của Hải quan và bằng chuyển khoản qua ngân hàng. * Số lượng doanh nghiệp công nghệ thông tin đang hoạt động hiện nay là 901 doanh nghiệp, trong đó: Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm phần cứng, điện tử là: 216; Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm phần mềm là: 80; Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm nội dung số là: 4; Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin (trừ kinh doanh, phân phối) là:150; Doanh nghiệp kinh doanh, phân phối các sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin là: 451. * Triển khai Hải quan điện tử với hơn 99,65% doanh nghiệp tham gia, thời gian tiếp nhận, thông quan đối với tờ khai luồng xanh từ 1-3 giây. * Một số doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ dân sản xuất đã áp dụng hệ thống tưới tự động, tưới nhỏ giọt, tự động điều chỉnh nhiệt độ trong nhà kính, nhà màn, ứng dụng công nghệ chiếu sáng bằng hệ thống đèn LED trong trồng trọt. * Một số cơ sở chăn nuôi, trang trại chăn nuôi đã áp dụng hệ thống cảm biến điều tiết tiểu khí hậu chuồng nuôi, máng ăn tự động, hệ thống nước uống tự động; quản lý, theo dõi chăn nuôi, bán hàng, xuất xứ động vật trên máy tính; áp dụng công nghệ dây chuyền giết mổ công nghiệp, hiện đại; quản lý, theo dõi giết mổ, bán hàng trên máy tính. * Ứng dụng hệ thống giám sát hành trình, phần mềm Vnfishbase để quản lý tàu cá và hỗ trợ ngư dân 4 trong quá trình khai thác trên biển; một số chủ tàu đã áp dụng thiết bị dò tìm luồng cá. * Các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp đã áp dụng nuôi thủy sản trong nhà bạt, hệ thống quạt nước xục khí tự động, ứng dụng công nghệ quản lý môi trường ao nuôi. * Cơ sở chế biến, kinh doanh nông sản đã triển khai truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông nghiệp bằng tem gắn mã QR và tham gia sản thương mại điện tử. * Kết nối, giới thiệu đưa trên 250 mã sản phẩm nông sản lên các sàn thương mại điện tử: Vỏ sò, Postmart, Shopee, Ladaza, ...; * Trên 100 sản phẩm thực hiện truy xuất nguồn gốc bằng mã QR thông qua các hệ thống: traceverified.com, agricheck.net, icheck.com.vn, trace.icheck.vn, smartcheck.vn... * Hỗ trợ, hướng dẫn doanh nghiệp đăng ký tên miền 8.578 tên miền .vn và bán hàng qua các website. * Tổng doanh thu hoạt động bưu chính, viễn thông ước đạt: 2.970 tỷ đồng. * Thí điểm hoá đơn điện tử, đạt gần 100% doanh nghiệp đã triển khai thực hiện, các hộ kinh doanh cá thể đạt trên 30%. * Có trên 500 máy ATM; 3.400 máy POS, trong đó trên 3.326 máy đã kết nối liên thông giữa các tổ chức tín dụng, số máy POS được lắp đặt trên 2.000 đơn vị chấp nhận thẻ, chủ yếu là tại khách sạn, nhà hàng, siêu thị, địa điểm bán xăng dầu, bệnh viện,... * Doanh số hoạt động thanh toán qua POS hàng tháng đạt trên 650 tỷ đồng. * Các tổ chức tín dụng hỗ trợ trả lời khách hàng thông qua các trợ lý ảo và chatbox, dịch vụ rút tiền bằng mã code, gửi tiền và mở số tiết kiệm qua hệ thống giao dịch trực tuyến Autobank, Livebank, dịch vụ đăng ký vay tiêu dùng trên môi trường số. | | |
| **h)** | Xã hội số | | |
|  | * Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến tăng trung bình 55%/năm; Cổng dịch vụ công quốc gia đánh giá dịch vụ công trực tuyến của Hải Phòng có tỷ lệ giải quyết đúng hạn trên 98% cao nhất toàn quốc. * Số trạm phát sóng tăng 12%, tốc độ di động tăng khoảng 20 bậc. * Tổng số người sử dụng ứng dụng I-Speed đạt 46.056 người dùng; số lượng mẫu do dat 83.334. * 100% các bệnh viện triển phần mềm Quản lý bệnh viện, kết nối dữ liệu liên thông với Cổng thông tin Giám định Bảo hiểm xã hội. * Nền tảng LGSP thực hiện 14.595.782 lượt giao dịch (với Cổng dịch vụ công quốc gia, Hộ tịch tư pháp, lý lịch Tư pháp, thanh toán trực tuyến, liên thông VNPOST...) tăng 4,6 lần so với cùng kỳ năm 2021 (3.167.727 lượt giao dịch). * 100% các bệnh viện triển phần mềm Quản lý bệnh viện; 01bệnh viện triển khai Hồ sơ bệnh án điện tử. * Kết nối dữ liệu 100% các cơ sở kinh doanh dược lên cổng thông tin dược quốc gia. * 24/25 các cơ sở khám chữa bệnh đã triển khai thanh toán thu viện phí không dùng tiền mặt. * Có 957.890 trường hợp đồng bộ xác thực căn cước công dân từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với thẻ Bảo hiểm y tế có hiệu lực, đã có 139 cơ sở khám chữa bệnh Bảo hiểm y tế thực hiện tra cứu thông tin thẻ Bảo hiểm y tế bằng căn cước công dân với 25.172 lượt tra cứu, trong đó có 17.535 lượt tra cứu thành công phục vụ khám chữa bệnh bảo hiểm y tế bằng căn cước công dân gắn chíp. * Có 5.144 trẻ em dưới 6 tuổi thực hiện việc liên thông dữ liệu khai sinh được cấp thẻ Bảo Hiểm y tế. * Cung cấp được 24/24 bộ thủ tục dịch vụ công trực tuyến về bảo hiểm xã hội mức độ 4 trên Cổng dịch vụ công của ngành và 13 thủ tục dịch vụ công trên Cổng dịch vụ công Quốc gia. * Có 12.766/12.953 đơn vị sử dụng lao động thực hiện giao dịch điện tử về bảo hiểm xã hội, đạt tỷ lệ 98,6%. Có 139.980 hồ sơ được nhận qua giao dịch điện tử và dịch vụ công. * Có trên 800 cơ sở giáo dục, trên 32.000 giáo viên và 521.000 học sinh có mã định danh riêng; dần thay thế sử dụng văn bản điện tử, học bạ điện tử, sổ điểm điện; triển khai chữ ký số.   Các cơ quan báo chí đã đăng tải 3.500 tin, bài truyền về chuyển đổi số gắn với tuyên truyền cải cách hành chính nhà nước; khoảng 100 chương trình, phóng sự về chuyển đổi số thực hiện truyền thông trên hệ thống kênh phát thanh, truyền hình, trên các nền tảng mạng xã hội; trung bình 2-3 lượt/tuần truyền thanh.   * Tổ chức Cuộc thi tìm hiểu về Chương trình chuyển đổi số ghi nhận 7.262 người dự thi với 10.065 lượt dự thi hợp lệ của các thí sinh tại 13 tỉnh, thành phố khác trong cả nước; Giải báo chí đã nhận được 184 tác phẩm, với đủ các loại hình: báo nói, báo hình, báo phát thanh và báo điện tử, với sự tham gia của 3 cơ quan báo chí thành phố và 24 cơ quan báo chí Trung ương. | | |
|  | [**Thành phố Đà Nẵng**](https://chinhphu.vn/thong-tin-tinh-thanh?city=1345) | Báo cáo số 46/STTTT-CNTT ngày 06/01/2023 | Kế hoạch số 142/KH-UBND ngày 28/7/2022 |
| **a)** | Thể chế | | |
|  | * Kế hoạch số 76/KH-UBND ngày 13/4/2022 triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn thành phố Đà Nẵng năm 2022. * Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 17/6/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố về chuyển đổi số trên địa bàn thành phố đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. * Chương trình số 112/CTr-UBND ngày 14/6/2022 xác định Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số, phát triển kinh tế số trên địa bàn thành phố. * Kế hoạch số 76/KH-UBND ngày 13/04/2022 về Triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn thành phố Đà Nẵng năm 2022. * Kế hoạch số 46/KH-UBND ngày 10/3/2022 triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025 tầm nhìn đến năm 2030. * Quyết định số 858/QĐ-UBND ngày 31/03/2022 ban hành Danh mục dữ liệu không gian dùng chung thành phố Đà Nẵng. * Kế hoạch số 65/KH-UBND ngày 31/3/2022 Số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực thuộc phạm vi, chức năng quản lý của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn thành phố. * Kế hoạch số 136/KH-UBND ngày 20/7/2022 về thúc đẩy chuyển đổi số và thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở đào tạo và các bệnh viện, cơ sở y tế. * Kế hoạch số 193/KH-UBND ngày 07/11/2022 phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số trên địa bàn thành phố đến năm 2025. * Quyết định số 2780/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 ban hành Đề án Truyền thông Chuyển đổi số trên địa bàn thành phố giai đoạn 2022-2025. | | |
| **b)** | Hạ tầng, dữ liệu số | | |
|  | * Cơ sở hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin được chú trọng đầu tư khá đồng bộ; hình thành các cơ sở dữ liệu nền và chuyên ngành phục vụ triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin và dịch vụ chính quyền điện tử. * Mỗi người dân có 01 Kho dữ liệu số. * Tập đoàn Viettel đang nghiên cứu triển khai thủ tục đầu tư Trung tâm dữ liệu tiêu chuẩn quốc tế tại Khu CNTT tập trung Đà Nẵng. * Cổng Thông tin Chuyển đổi số thành phố (https://dx.danang.gov.vn hoặc <https://chuyendoiso.danang.gov.vn>). * Trung tâm dữ liệu thành phố lưu trữ đến 170 TB. * Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến. * Hình thành các Trung tâm giám sát chuyên ngành như giám sát an ninh trật tự, giám sát giao thông, ... * Đã hình thành các CSDL nền như công dân, doanh nghiệp, nhân hộ khẩu, đất đai, cán bộ công chức, xây dựng CSDL không gian đô thị, an toàn thực phẩm ... và 560 CSDL chuyên ngành; triển khai Phần mềm CSDL và QLNN chuyên ngành các sở, ngành, quận, huyện. * Bước đầu hình thành CSDL hạ tầng đô thị trên nền GIS với các lớp dữ liệu đất đai, quy hoạch xây dựng, giao thông, cấp nước, thoát nước. * Triển khai mở rộng Kho dữ liệu dùng chung phục vụ xử lý dữ liệu phi/bán cấu trúc, phân tích hỗ trợ ra quyết định. * Đưa vào sử dụng Cổng dữ liệu mở với gần 600 tập dữ liệu trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội với đa dạng kênh tra cứu, khai thác (API, web, SMS, Zalo). \ * Nền tảng Chính quyền điện tử, Nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu LGSP liên thông quốc gia NGSP, có 47 dịch vụ API, 115 đơn vị, gần 2,5 triệu lượt giao dịch qua Nền tảng. * Cổng Dịch vụ công kết nối với Cổng Dịch vụ công quốc gia; tích hợp Cổng thanh toán trực tuyến phí, lệ phí thủ tục hành chính. * Nền tảng Báo cáo điện tử và điều hành, các thông tin chỉ tiêu kinh tế xã hội từ năm 2019 đến nay đã nhập liệu trên hệ thống và đồng bộ, chia sẻ với Hệ thống thông tin Báo cáo Chính phủ. * Nền tảng quan trắc tích hợp dữ liệu của hơn 50 trạm quan trắc môi trường nước, không khí toàn thành phố và 03 trạm quan trắc công trình cầu (cầu Thuận Phước, cầu Rồng, cầu Trần Thị Lý). * Nền tảng quản lý camera. * Nền tảng giám sát đỗ xe tích hợp 25 bãi đỗ xe, hơn 80 tuyến đường cấm đậu đỗ xe (theo giờ, theo ngày chẵn lẽ,...). * Nền tảng giám sát hành trình xe tích hợp dữ liệu hành trình của 19 xe cứu thương, 43 xe cứu hỏa, 19 xe rác. * Nền tảng giám sát tàu thuyền ra vào Âu thuyền Thọ Quang; tích hợp chức năng nhận dạng biển hiệu tàu thuyền. Đến nay đã triển khai 70 camera giám sát tại khu vực Âu thuyền. * Hệ thống phòng chống mã độc tập trung với 3.000 máy tính cài đặt. * Hệ thống thông tin Chính quyền điện tử (cấp độ 4 – mức cao nhất) và 12 hệ thống thành phần; phê duyệt hồ sơ cấp độ an toàn thông tin đối với 11 hệ thống chuyên ngành (cấp độ 3). * Trung tâm công nghệ cao phục vụ công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao. * Tự phát triển sản phẩm chuyên dụng Tường lửa bằng nguồn lực và công nghệ trong nước và chuyển giao cho Ban Cơ yếu Chính phủ sử dụng. * Đảm bảo điều kiện kết nối với CSDL quốc gia về dân cư. * Kho dữ liệu Kết quả giải quyết thủ tục hành chính số thành phố (01 phân hệ trên Hệ thống eGov) với 02 nhóm chức năng chính. * Hệ thống quản lý văn bản điều hành triển các phân hệ xác nhận văn/xác thực bản điện tử giữa các cơ quan Đảng và Nhà nước với các tổ chức, doanh nghiệp để phục vụ giao dịch điện tử. * Hình thành Trung tâm Giám sát thông minh Mini IOC với 6 dịch vụ thông minh cơ bản và 12 dịch vụ tăng thêm khác * Trung tâm giám sát điều hành thành phố thông minh, * Trung tâm tích hợp kiểm soát khả năng phục hồi đô thị xanh và thông minh Đà Nẵng từ nguồn viện trợ không hoàn lại của KOICA Hàn Quốc. * Cổng dữ liệu mở, Ứng dụng truy xuất nguồn gốc thực phẩm theo chuỗi... | | |
| **c)** | Tỷ lệ phủ sóng, hạ tầng băng rộng, bưu chính | | |
|  | * 11 trạm phát sóng 5G tại khu vực trung tâm thành phố, diện tích phủ sóng được 1.5km2; đang triển khai thêm 41 trạm tại khu vực Liên Chiểu và Khu CNTT. * Mạng 3G, 4G phủ sóng 100% khu vực dân cư trên địa bàn thành phố. * Thí điểm 08 trạm truyền dẫn vô tuyến sử dụng công nghệ LoRa. Tập đoàn Viettel đã đưa vào khai thác hạ tầng kết nối vạn vật (IoT) với 208 trạm Nb-IoT/ 07 quận huyện. * Mạng đô thị thành phố (Mạng MAN) với tổng chiều dài gần 400 km cáp quang ngầm, mở rộng kết nối 145 cơ quan, đơn vị, đang tiếp tục được nâng cấp, mở rộng. * Mở rộng kết nối Hệ thống WiFi thành phố tại các chợ, trung tâm y tế, các khu vực tập trung đông công nhân. | | |
| **d)** | Khu công nghệ | | |
|  | * 02 Khu CNTT tập trung gồm: Khu CVPM Đà Nẵng đã lấp đầy 100%; Khu CNTT Đà Nẵng thu hút thêm ít nhất 01 dự án đầu tư với tổng vốn đầu tư 100 triệu USD. * Khu CNTT tập trung FPT Complex. * Đang đầu tư xây dựng Khu CVPM số 2; đang xúc tiến, thu hút đầu tư Khu Không gian sáng tạo tại phường Hòa Xuân, Cẩm Lệ; xúc tiến triển khai Tòa nhà phần mềm và công nghệ cao của Tập đoàn Viettel; Khu CNTT Da Nang Bay của Tập đoàn VNPT. | | |
| **đ)** | Nền tảng số địa phương | | |
|  | * Nền tảng công dân số thành phố Danang Smart City, * Tổng đài 1022, trang Fanpage Tổng đài 1022, Zalo 1022. * Nền tảng công dân số MyPortal. * Cổng Góp ý Đà Nẵng và Cứu hộ * Ứng dụng Cho và Nhận; ứng dụng Chatbot tự động tư vấn hướng dẫn thủ tục hành chính, dịch vụ công. * Sàn Thương mại điện tử thành phố và ứng dụng di động. | | |
| **e)** | Nhân lực số | | |
|  | * 100% phường, xã đã thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng tại từng thôn, tổ dân phố với gần 2.500 Tổ và 13.000 thành viên. * Từng sở, ban, ngành và UBND các quận, huyện, phường, xã đã thành lập Ban Chỉ đạo/Tổ công tác chuyển đổi số trong ngành, địa phương. * Tập huấn chuyển đổi số cho 07/07 quận, huyện và 56/56 phường xã với hơn 14.000 đại biểu; tổ chức “Chương trình tập huấn Tổ công nghệ số cộng đồng năm 2022 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng” với sự tham gia của gần 10.000 thành viên Tổ; triển khai khóa học phổ cập kỹ năng số trên Nền tảng MOOCS đến 100% đoàn viên thanh niên, Tổ. * Tổng nhân lực CNTT thành phố khoảng 47.500 người, chiếm 7,7% trong tổng lực lượng lao động toàn thành phố (cao hơn tỷ lệ toàn quốc là 2,1%). * Có 38 cơ sở đào tạo về lĩnh vực CNTT, tổng số chỉ tiêu tuyển sinh chuyên ngành CNTT là 6.000 học sinh, sinh viên trong đó trình độ đại học, cao đẳng khoảng 4.500 sinh viên. | | |
| **g)** | Kinh tế số | | |
|  | * Kinh tế số ước tính đóng góp khoảng 17% GRDP thành phố. * Tỷ trọng công nghiệp ICT trong GRDP khoảng 12,85% GRDP thành phố; Doanh thu toàn ngành thông tin và truyền thông năm 2022 ước đạt 34.293 tỷ đồng, tăng 9,6% so với năm 2021. Kim ngạch xuất khẩu phần mềm ước đạt 132 triệu USD, tăng 11,9% so với năm 2021. * 100% doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử. * Tỷ trọng doanh thu thương mại điện tử: doanh thu bán lẻ hàng hóa năm 2022 ước đạt 66.223 tỷ đồng; tăng 15,7% so với cùng kỳ năm 2021. * Có 2,3 doanh nghiệp công nghệ số/1000 dân (đứng thứ hai sau TP. Hồ Chí Minh; gấp 03 lần tỷ lệ trung bình cả nước là 0,7 doanh nghiệp CNS/1000 dân). * Đã thu hút thêm 01 dự án đầu tư về Trung tâm dữ liệu thông minh (với tổng vốn đầu tư 100 triệu USD) trong Khu CNTT Đà Nẵng. * Doanh nghiệp công nghệ số thành phố có nhiều sản phẩm chủ lực và đạt giải thưởng lớn, như: Nền tảng Cảng Chuyển đổi số ePort và Giải pháp tự động hóa ứng dụng công nghệ RPA của Công ty Irtech đạt Giải thưởng Sao Khuê 2022; Nền tảng chuyển đổi số ngành dệt may của Công ty Retex là 1 trong 5 sản phẩm đạt Giải thưởng Viet Solutions 2022; 04 sản phẩm được trao Giải thưởng Sản phẩm Make in Viet Nam năm 2022 gồm: Giải pháp Green Data của Công ty Cổ phần CNTT Toàn cầu Xanh, Giải pháp ERP của Công ty CP Phần mềm quản lý Doanh nghiệp, Sản phẩm công tơ điện tử và Trạm sạc nhanh cho ôtô điện Tổng công ty Điện lực miền Trung; Nền tảng Cổng Dữ liệu mở đạt Giải thưởng Chuyển đổi số Việt Nam năm 2020; Nền tảng quản lý camera thông minh thuộc Top 10 Giải pháp số xuất sắc thuộc Giải thưởng Sản phẩm công nghệ số Make in Viet Nam 2020; Nền tảng Kho dữ liệu dùng chung đạt Giải thưởng Chuyển đổi số Việt Nam 2021; Nền tảng Công dân số đạt Giải thưởng Chuyển đổi số Việt Nam năm 2022. * Doanh nghiệp công nghệ số có sản phẩm và triển khai hầu hết tại các tỉnh thành toàn quốc; thị trường Nhật Bản và Mỹ vẫn là 02 thị trường mà các doanh nghiệp CNTT chú trọng phát triển kinh doanh nhất (chiếm tỷ lệ 36% tại mỗi thị trường), thị trường các nước liên minh châu Âu - EU (chiếm 16%), và các nước châu Á khác như: Trung Quốc, Singapore, Đài Loan (chiếm 12%). * Phát triển các sản phẩm Make in Da Nang và đã nhân rộng thành công tại các địa phương khác như Hệ thống đo mưa tự động (triển khai toàn quốc với 2.000 trạm), CSDL cán bộ công chức (20 tỉnh thành); Cổng dịch vụ công, Hệ thống một cửa điện tử, Hệ thống camera giao thông thông minh, Hệ thống quan trắc môi trường nước/không khí công nghệ IoT, Tường lửa,... * Hơn 1.770 doanh nghiệp và 2.582 sản phẩm tham gia trên Sàn TMĐT thành phố; triển khai giải pháp triển lãm ảo và hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã xúc tiến bán hàng trực tuyến. * Triển khai mô hình chợ 4.0 tại 07 chợ lớn trên địa bàn với hơn 2000 tiểu thương tham gia; trang bị mã VietQR kết nối với 37 ngân hàng và các ví điện tử, tạo tài khoản Viettel Money, bố trí điểm Bưu chính Viettel tại chợ. * 16/16 bệnh viện (công) đa khoa, chuyên khoa, trung tâm y tế quận, huyện; 100% trường học triển khai thanh toán viện phí trực tuyến không dùng tiền mặt. * Xây dựng Công cụ đánh giá mức độ sẵn sàng chuyển đổi số doanh nghiệp (tích hợp trên Cổng Thông tin Chuyển đổi số thành phố). * Hoàn thiện Đề án xây dựng Đà Nẵng trở thành Trung tâm tài chính quốc tế quy mô khu vực theo chủ trương thống nhất của Thủ tướng Chính phủ. * Tổ chức Hội thảo chuyển đổi số trong lĩnh vực tài chính ngân hàng; Hội thảo quốc tế “Đô thị thông minh: Kinh nghiệm của một số nước Tây, Bắc Âu và tầm nhìn Đà Nẵng”; Đối thoại Chuyên đề: Đà Nẵng Chuyển đổi số để phát triển; Hội thảo “Bộ giải pháp tổng thể các nền tảng chuyển đổi số”; Hội nghị tập huấn chuyển đổi số cho doanh nghiệp thành phố; Hội nghị tập huấn hướng dẫn chuyển đổi số cho doanh nghiệp lĩnh vực giao thông vận tải và lĩnh vực nông nghiệp. | | |
| **h)** | Xã hội số | | |
|  | * Tỷ lệ dân số của Đà Nẵng có điện thoại thông minh đạt 84,46%; riêng người dân trưởng thành ước đạt 100%. * Tỷ lệ 276 máy điện thoại di động/100 dân; điện thoại thông minh 105 máy/100 dân; trung bình gần 2 tài khoản mạng xã hội/1 người dân. * Số tài khoản giao dịch đang còn hoạt động tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác của người từ 15 tuổi trở lên là 2.324.287 tài khoản; gấp 4 lần số người dân từ 15 tuổi trở lên (579.541 người). * Cơ bản mỗi người dân có 01 hồ sơ sức khoẻ điện tử kết hợp với mã (ID) duy nhất; mỗi học sinh có 01 mã (ID) duy nhất gắn với học bạ điện tử. * Số người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch ngân hàng là 2.324.287 người; gấp 4 lần số người dân từ 15 tuổi trở lên (579.541 người). * 7,7% (47.500/579.000) nhân lực công nghệ số trong lực lượng lao động. * 100% hộ gia đình đã kết nối Internet cáp quang băng rộng. * Ứng dụng Da Nang Smart City đã có gần 1,2 triệu lượt tải, sử dụng; có hơn 260.000 tài khoản MyPortal (43% dân số trưởng thành); tỷ lệ hồ sơ DVCTT trong tháng 01-06/2022, tỷ lệ hồ sơ tăng từ 50% lên 53%; tháng 07-11/2022; tỷ lệ hồ sơ tăng từ 53% lên 71%). * 100% dịch vụ công trực tuyến mức 4. Trong đó 91% dịch vụ phát sinh hồ sơ trực tuyến (gấp 1,7 lần so với trung bình toàn quốc); tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt 71% (gấp 1,3 lần so với trung bình toàn quốc; vượt chỉ tiêu tại Kế hoạch hành động năm 2022 của Ủy ban quốc gia về chuyển đổi số là 50%). Bắt đầu đưa thủ tục ngoài một cửa và dịch vụ sự nghiệp công lên cung cấp trực tuyến mức 4 trên Cổng dịch vụ công thành phố. * Giải thưởng Thành phố thông minh (duy nhất) Việt Nam năm 2022; Thành phố Giao thông và Logistics thông minh; Ứng dụng thông minh phục vụ người dân và doanh nghiệp; Thành phố hấp dẫn khởi nghiệp đổi mới sáng tạo năm 2022. * Cổng Thông tin Chuyển đổi số đã đăng tải hơn 60 tin, bài liên quan đến hoạt động chuyển đổi số của thành phố Đà Nẵng; truyền thông thông điệp Ngày Chuyển đổi số quốc gia là “Chuyển đổi số giải quyết các vấn đề của xã hội vì một cuộc sống tốt đẹp hơn cho người dân” trên môi trường số và các báo, đài truyền thanh cơ sở; treo các băng rôn, khẩu hiệu hưởng ứng; truyền thông qua các kênh Tổng đài 1022 (hơn 200 tin, bài; gửi thông tin đến hơn 564.000 tài khoản Zalo và cung cấp hơn 20.000 lượt thông tin cho người dùng Facebook qua Fanpage mỗi ngày), Cổng Thông tin Chuyển đổi số thành phố, trang Fanpage Tổng đài 1022, Danang Smart City, Zalo 1022; hơn 300 infographic, 24 clip, 04 backdrop, 30 phướn tuyên truyền ngày chuyển đổi số quốc gia 10/10 quanh Trung tâm hành chính thành phố Đà Nẵng; 600 phướn, 50 băng rôn tuyên truyền 365 câu trích dẫn về chuyển đổi số trên địa bàn các quận, huyện; in 65.000 tờ rơi tuyên truyền nội dung chuyển đổi số; 41 đợt tập huấn, hướng dẫn chuyển đổi số cho CBCCVC, tổ công nghệ số cộng đồng và khu dân cư tại 34 xã, phường; 1.000 quyển Sổ tay thông tin chuyển đổi số dành cho Tổ công nghệ số cộng đồng. * Các cơ quan thành phố đã bắt đầu khai thác, sử dụng một số dữ liệu số trong cung cấp dịch vụ số, thay thành phần hồ sơ giấy trong cung cấp dịch vụ công như: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Sổ hộ khẩu, Giấy đăng ký kinh doanh,... * Cổng Góp ý Đà Nẵng và Cứu hộ (1.000 lượt góp ý, phản ánh/tháng), ứng dụng Cho và Nhận và Tổng đài 1022 (10.000 lượt/tháng); ứng dụng Chatbot tự động tư vấn hướng dẫn thủ tục hành chính, dịch vụ công (hơn 4.000 lượt tư vấn/tháng), Cổng dữ liệu mở, Ứng dụng truy xuất nguồn gốc thực phẩm theo chuỗi... * Phát hiện 183 xe có dấu hiệu vi phạm và đã xử phạt nguội 23 xe vi phạm thông qua các nền tảng; có hơn 42.500 lượt tàu thuyền ra vào, 840.000 lượt xe ra vào Cảng Cá. | | |
|  | [**Tỉnh Gia Lai**](https://chinhphu.vn/thong-tin-tinh-thanh?city=1346) | Báo cáo số 181/BC-STTTT ngày 12/12/2022 | Kế hoạch số 1331/KH-UBND ngày 22/6/2022 |
| **a)** | Thể chế | | |
|  | - Kế hoạch số 952/KH-UBND ngày 16/5/2022 triển khai nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số trên địa bàn tỉnh Gia Lai.  - Kế hoạch số 183/KH-UBND ngày 26/01/2022 thực hiện Đề án 06.  - Kế hoạch số 350/KH-UBND ngày 01/3/2022 triển khai Đề án thanh toán không dùng tiền mặt. | | |
| **b)** | Hạ tầng, dữ liệu số | | |
|  | - Kết nối nền tảng LGSP với NGSP.  - Duy trì Cổng dịch vụ công tỉnh Gia Lai kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia.  - Hệ thống danh mục điện tử dùng chung của cơ quan nhà nước để khai báo mã định danh của các đơn vị.  - Kết nối thử nghiệm thành công dịch vụ xác thực số chứng minh nhân dân của công dân trên Hệ thống một cửa điện tử tỉnh Gia Lai.  - Hệ thống CSDL thông tin các ngành, lĩnh vực dựa trên nền Hệ thống thông tin địa lý GIS  - CSDL chuyên ngành: giá, công tác dân tộc, du lịch, tên đường, giấy phép lái xe, quy hoạch sử dụng đất, môi trường, tài nguyên nước, khoáng sản, quan trắc môi trường, người có công, …  - Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh. | | |
| **c)** | Tỷ lệ phủ sóng, hạ tầng băng rộng, bưu chính | | |
|  | - 100% xã, phường, thị trấn được kết nối cáp quang đến trung tâm; phủ sóng 3G, 4G đến thôn, làng.  - 100% xã đã phủ điểm bưu chính có người phục vụ.  - 50% hộ gia đình sử dụng cáp quang.  - 57% người dân sử dụng Internet.  - 17/21 thôn, làng được kết nối internet di động. | | |
| **d)** | Khu công nghệ | | |
|  |  | | |
| **đ)** | Nền tảng số địa phương | | |
|  | - Kết nối liên thông các nền tảng số của Tổng cục Du lịch: Vietnam Travel, Quản trị và kinh doanh du lịch, hệ thống cơ sở dữ liệu du lịch Việt Nam, hệ thống thẻ-vé điện tử, thẻ du lịch thông minh, hệ thống thuyết minh đa phương tiện, kênh truyền thông trên các nền tảng số.  - Nền tảng Quản lý trường học SMAS tại các cơ sở giáo dục.  - Sàn Giao dịch thương mại điện tử Gia Lai; OCOP Gia Lai.  - Triển khai nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số trên địa bàn tỉnh Gia Lai.  - 100% UBND cấp xã thiết lập kênh giao tiếp trên nền tảng Zalo. | | |
| **e)** | Nhân lực số | | |
|  | - Tổ chức lớp Bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý nhà nước về du lịch 4.0.  - Tổ chức tập huấn cho 1.604 Tổ công nghệ số cộng đồng với 5.007 thành viên.  - Tổ chức các khóa tập huấn về chuyển đổi số ngành giao thông vận tải, giáo dục và đào tạo, thông tin và truyền thông.  - Tổ chức 02 Hội nghị tập huấn về thương mại điện tử cho 200 cán bộ.  - Đào tạo kiến thức về khởi sự kinh doanh và quản trị kinh doanh, kiến thức Giám đốc điều hành doanh nghiệp, hướng dẫn áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc đối với các sản phẩm OCOP.  - Hội nghị tập huấn hỗ trợ hoạt động chuyển đổi số cho doanh nghiệp phát triển.  - Tổ chức tập huấn về khai thác, mở rộng mạng lưới phân phối, bán lẻ trên sàn thương mại điện tử cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh.  - Tổ chức tập huấn về kỹ năng số và đưa sản phẩm lên Postmart và Voso đạt hơn 87.742 hộ với hơn 503 sản phẩm (trong đó, OCOP hơn 42/214 sản phẩm) và phát sinh hơn 2.500 giao dịch, doanh thu hơn 1,1 tỷ đồng.  - Tỷ trọng doanh thu TMĐT trên tổng mức bán lẻ 9 tháng đầu năm ước đạt 6,5%  - 1.522 doanh nghiệp có giao dịch TMĐT chiếm 20%  - Chỉ số thương mại điện tử 2022 đứng thứ 40/63 tỉnh, thành phố. | | |
| **g)** | Kinh tế số | | |
|  | - 100% (5.340 doanh nghiệp; 850 hộ, cá nhân) sử dụng hóa đơn điện tử.  - 100% doanh nghiệp thực hiện nộp thuế qua mạng.  - Hỗ trợ hơn 300 doanh nghiệp, nhiều hộ sản xuất nông nghiệp và các sản phẩm được chứng nhận OCOP 3-4 sao lên sàn TMĐT.  - Tham gia Chương trình Gian hàng Việt trực tuyến quốc gia.  - Hỗ trợ xây dựng 180 trang web, phần mềm ứng dụng thương mại điện tử cho các doanh nghiệp, hợp tác xã để giới thiệu, mua bán sản phẩm, hàng hóa.  - Doanh thu ước đạt trên 100 tỷ đồng trên các sàn TMĐT lớn như Voso, Postmart, Shopee, Sendo,… chủ yếu là các mặt hàng nông sản, sản phẩm OCOP, hàng thực phẩm, đồ dùng gia đình. | | |
| **h)** | Xã hội số | | |
|  | - 80% dân số trưởng thành có tài khoản thanh toán trực tuyến.  - Hơn 906.565 tài khoản ngân hàng của người dân từ 15 tuổi trở lên.  - 61% dân số trưởng thành sử dụng điện thoại di động, thiết bị thông minh. | | |
|  | [**Tỉnh Hòa Bình**](https://chinhphu.vn/thong-tin-tinh-thanh?city=1347) | Báo cáo số 2244/STTTT-CNTT ngày 12/12/2022 | Kế hoạch số 163/KH-UBND ngày 15/9/2022 |
| **a)** | Thể chế | | |
|  | * Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 18/02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao chỉ tiêu hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3, 4 cho các Sở, Ban, Ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố năm 2022 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình; * Quyết định số 888/QĐ-UND ngày 06/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 thực hiện trên địa bàn tỉnh Hòa Bình; * Quyết định số 928/QĐ-UBND ngày 13/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Hòa Bình; * Quyết định số 785/QĐ-UBND ngày 08/6/2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Ban hành Đề án “Chuyển đổi số tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”; * Quyết định số 1144/QĐ-UND ngày 15/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 thuộc phạm vi quản lý tỉnh Hòa Bình tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia năm 2022; * Quyết định số 1165/QĐ-UND ngày 16/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Mã định danh điện tử của các cơ quan, đơn vị phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu trên địa bàn tỉnh Hòa Bình; * Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 03/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh h về triển khai thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyên đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình; * Chương trình số 49/CTR-UBND ngày 21/03/2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh xác định Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Hòa Bình; * Kế hoạch số 72/KH-UBND ngày 26/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2022 – 2025. * Kế hoạch số 83/KH-UBND ngày 11/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, kinh tế số, xã hội số trên địa bàn tỉnh Hòa Bình; * Kế hoạch số 85/KH-UBND ngày 17/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Triển khai thực hiện Quyết định số 2222/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; * Kế hoạch số 115/KH-UBND ngày 09/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Hòa Bình năm 2022; * Kế hoạch số 147/KH-UBND ngày 22/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Hòa Bình; * Kế hoạch số 161/KH-UBND ngày 12/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số Quốc gia năm 2022 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình; * Kế hoạch số 205/KH-UBND ngày 26/10/2022 Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Hòa Bình; * Kế hoạch số 231/KH-UBND ngày 02/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Hòa Bình năm 2023; * Ký kết Thỏa thuận hợp tác số 1103/2022/TTHT/UBND-VIETTEL về chuyển đổi số giai đoạn 2022-2025 giữa Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình và Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội; * Công văn số 417/UBND-NVK ngày 21/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tăng cường hiệu quả quản lý, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số sử dụng ngân sách nhà nước; * Công văn số 75/BCĐCĐS-NVK ngày 23/3/2022 của Ban chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Hòa Bình về việc triển khai kế hoạch hoạt động của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số năm 2022; * Công văn 1916/UBND-NVK ngày 03/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về triển khai Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 13/10/2022 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh triển khai các hoạt động ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng Việt Nam. | | |
| **b)** | Hạ tầng, dữ liệu số | | |
|  | * Mạng Truyền số liệu chuyên dùng cấp II đã được triển khai đến tất cả tại các cơ quan nhà nước. * Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến hiện có 162 điểm cầu. * Thí điểm Trung tâm thông tin chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân dân tỉnh (IOC). * Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp. * Đã cấp được 6.185 chứng thư số, chữ ký số cho tổ chức và cá nhân, trong đó: 1.074 chứng thư số cho tổ chức; 5.108 chữ ký số cho cá nhân. * Hệ thống thư điện tử công vụ trên 13.000 tài khoản. * Hệ thống thông tin báo cáo thực hiện được 2.291 biểu mẫu báo theo chế độ báo cáo định kỳ. * Phần mềm quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức. * Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) đã kết nối chính thức được 09/17 hệ thống thông tin, CSDL (Lý lịch tư pháp; Đăng ký kinh doanh; Hộ tịch; Cấp mã số đơn vị quan hệ ngân sách; Bảo hiểm xã hội; Danh mục dùng chung; CSDLQG về văn bản quy phạm pháp luật; Thanh toán dịch vụ công; Hệ thống mã bưu chính VpostCode) và 08/17 hệ thống đang thực hiện kết nối thử nghiệm. * Hệ thống phòng chống mã độc tập trung toàn tỉnh (hệ thống SOC). * Có 83 hệ thống thông tin do các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quản lý, vận hành được phân loại cấp độ an toàn thông tin cấp độ 2 và cấp độ 3. Kết quả, có 38 hệ thống đã được phê duyệt cấp độ (trong đó có 10 hệ thống cấp độ 3) và 45 hệ thống đang phân loại lập hồ sơ, dự kiến sẽ phê duyệt cấp độ trong Quý I/2023. * Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Hòa Bình với tên miền [dichvucong.hoabinh.gov.vn](file:///F:/12.%20Trien%20khai%20411/4.%20Báo%20cáo%20tổng%20kết%202022/5.%20Đốc%20thúc%2002.2023/dichvucong.hoabinh.gov.vn). * Kết nối các hệ thống thông tin của các cơ quan trung ương: Đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp; Thông báo hoạt động khuyến mại; Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam; Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam); Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú ở Việt Nam); Cấp mã số ngân sách (ngành Tài chính); Đất đai (lĩnh vực tài nguyên và môi trường); cấp phép xây dựng ... * Cổng Dịch vụ công của tỉnh đã được kết nối với Hệ thống thông tin của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam (VNPost) để triển khai tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Hòa Bình qua dịch vụ Bưu chính công ích. * Cổng thông tin điện tử của tỉnh tại địa chỉ [hoabinh.gov.vn](file:///F:/12.%20Trien%20khai%20411/4.%20Báo%20cáo%20tổng%20kết%202022/5.%20Đốc%20thúc%2002.2023/hoabinh.gov.vn) gồm 01 Cổng chính và 181 Trang thông tin điện tử thành viên (20 sở, ban, ngành; 10 UBND cấp huyện và 151 xã, phường, thị trấn). * Hệ thống du lịch thông minh tỉnh Hòa Bình với 04 thành phần gồm: Cổng Du lịch thông minh với tên miền hoabinhtourism.vn; Ứng dụng Du lịch Hòa Bình trên thiết bị di động (APP Hoabinh Tourism); Tạo lập cơ sở dữ liệu về khu, điểm du lịch, cơ sở dịch vụ du lịch và khách du lịch và kết nối liên thông giữa cơ quan nhà nước về du lịch với doanh nghiệp du lịch; Hệ thống wifi công cộng tại các điểm du lịch trọng điểm của tỉnh. | | |
| **c)** | Tỷ lệ phủ sóng, hạ tầng băng rộng, bưu chính | | |
|  | * Dịch vụ điện thoại cố định hữu tuyến, vô tuyến gồm 01 HOST lắp đặt tại thành phố Hòa Bình với 25 tổng đài chuyển mạch cố định. * Trên 510 trạm truy nhập Internet băng thông rộng cố định. * Hạ tầng truyền dẫn băng thông rộng cáp quang đã được triển khai rộng khắp đến 100% trung tâm các xã, phường, thị trấn. * Hạ tầng mạng thông tin di động đã phát triển 57 vị trí trạm BTS, nâng tổng số vị trí trạm BTS hiện nay là 1.360 vị trí với 3.236 trạm (Cụ thể: trạm 2G là 853; trạm 3G là 1.207; trạm 4G là 1.176). Theo đó đã phủ sóng đến 100% trung tâm các xã, phường, thị trấn và hầu hết các thôn, bản, cụm dân cư, tỷ lệ dân số được phủ sóng thông tin di động đạt 99,6% thôn, bản, cụm dân cư. Trong đó mạng băng thông rộng 3G phủ sóng đến 91% thôn, bản, cụm dân cư; mạng băng thông rộng 4G phủ sóng đến 81% thôn, bản, cụm dân cư. Số xã có cáp quang đến trung tâm là 151 xã, đạt tỷ lệ 100% với trên 8.231 km cáp quang. * Thiết lập các hệ thống wifi thông minh công cộng lắp đặt cố định tại trường THPT chuyên Hoàng Văn Thụ, trường THPT Dân tộc nội trú tỉnh và trường THPT 19/5 và 8 điểm du lịch trọng điểm trong tỉnh. * Hệ thống điều hành giao thông thông minh, bảo đảm trật tự an toàn giao thông. * Hệ thống giám sát bảo vệ các mục tiêu quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hóa. | | |
| **d)** | Khu công nghệ | | |
|  |  | | |
| **đ)** | Nền tảng số địa phương | | |
|  | * Kênh truyền thông “Chuyển đổi số quốc gia” trên Zalo: Kênh truyền thông “Chính quyền điện tử tỉnh Hoà Bình” tích hợp các nền tảng như: Dịch vụ công trực tuyến, khai báo y tế, bản đồ COVID, app Công dân số. Đồng thời, kết nối với Kênh truyền thông “Chuyển đổi số quốc gia” trên Zalo và chuyên Trang thông tin điện tử Chuyển đổi số của tỉnh. * Ứng dụng Du lịch Hòa Bình trên thiết bị di động | | |
| **e)** | Nhân lực số | | |
|  | * Đã kiện toàn Ban chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh; 30/30 Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố đã kiện toàn Ban Chỉ đạo chuyển đổi số và ban hành quy chế, kế hoạch triển khai hoạt động của Ban chỉ đạo. * Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp tỉnh, cấp huyện thường xuyên sử dụng máy tính để xử lý công việc đạt 100%, cấp xã 80%. Tỷ lệ cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin là 1,3% (chủ yếu là kiêm nhiệm, xấp xỉ so với trung bình cả nước là 1,4%); trong đó, tỷ lệ cán bộ chuyên trách có trình độ cử nhân về công nghệ thông tin trở lên đạt 100% (cao hơn so với trung bình cả nước là 88,5%). Tỷ lệ cán bộ, công chức đã được đào tạo về kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, quản trị chuyên sâu về công nghệ thông tin đạt 80%. * Tổ chức 01 lớp tập huấn nâng cao kỹ năng đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho Đội Ứng cứu sự cố an toàn, an ninh thông tin tỉnh Hoà Bình với 41 học viên; 01 chương trình bồi dưỡng chuyển đổi số cho các Tổ công nghệ số cộng đồng; 01 cuộc diễn tập ứng cứu sự cố cho cán bộ, công chức, viên chức. * Thành lập 1.482 Tổ công nghệ số cộng đồng cấp xóm, 151 tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã với gần 13.000 thành viên. | | |
| **g)** | Kinh tế số | | |
|  | * Có 90% cán bộ và doanh nghiệp nhận thức được lợi ích ứng dụng thương mại điện tử, 80% doanh nghiệp tiến hành giao dịch thương mại điện tử (trong đó: 70% doanh nghiệp sử dụng thư điện tử trong hoạt động sản xuất kinh doanh, trên 30% doanh nghiệp có trang thông tin điện tử cập nhật thường xuyên thông tin hoạt động và quảng bá sản phẩm, trên 30% doanh nghiệp tham gia các website thương mại điện tử để mua bán các sản phẩm hàng hóa và dịch vụ liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, trên 20% doanh nghiệp ứng dụng phần mềm chuyên dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh). * Khoảng 30% doanh nghiệp vừa và nhỏ có website riêng. * 70% các siêu thị, trung tâm mua sắm và cơ sở phân phối hiện đại cho phép người tiêu dùng thanh toán bằng thẻ thanh toán và thanh toán qua phương tiện điện tử; 100% các đơn vị cung cấp dịch vụ điện, nước, viễn thông trên địa bàn tỉnh đã thực hiện thanh toán phí dịch vụ của các hộ gia đình qua phương tiện điện tử; 20% cơ sở kinh doanh trong các lĩnh vực thương mại dịch vụ như vận tải, văn hoá, thể thao và du lịch phát triển các kênh giao dịch điện tử phục vụ người tiêu dùng.Viettel Pay đạt 70.000 tài khoản khách hàng cài đặt ứng dụng lên máy điện thoại cá nhân với 30.500 khách hàng sử dụng thường xuyên, phát sinh giao dịch qua ứng dụng; VNPT Pay đạt 25.000 tài khoản khách hàng cài đặt ứng dụng lên máy điện thoại cá nhân với trên 15.000 khách hàng sử dụng thường xuyên, phát sinh giao dịch qua ứng dụng. | | |
| **h)** | Xã hội số | | |
|  | * Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính hiện đang cung cấp 1.629 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 (trong đó có 627 dịch vụ công mức 3 và 1.002 dịch vụ công mức 4). * Cổng Dịch vụ công của tỉnh đã tiếp nhận 401.000 hồ sơ nộp trực tuyến trên tổng số gần 461.000 hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính, chiếm tỷ lệ 87%. * Tích hợp 1.387 dịch vụ công trực tuyến với Cổng dịch vụ công quốc gia; tích hợp dùng chung hệ thống thanh toán trực tuyến của tỉnh với Cổng Dịch vụ công Quốc gia. | | |
|  | [**Tỉnh Hà Giang**](https://chinhphu.vn/thong-tin-tinh-thanh?city=1348) | Báo cáo số 499/BC-STTTT ngày 15/12/2022 |  |
| **a)** | Thể chế | | |
|  | * Kế hoạch số 293/KH-UBND ngày 07/12/2021 thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TU ngày 29/10/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030, bao gồm 3 trụ cột: chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. * Kế hoạch số 238/KH-UBND ngày 21/10/2020 của UBND tỉnh về phát triển thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2020-2025; * Kế hoạch số 51/KH-UBND ngày 21/02/2022 của UBND tỉnh về thực hiện “Đề án đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại 2022-2025” trên địa bàn tỉnh Hà Giang; * Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 02/3/2022 của UBND tỉnh triển khai hỗ trợ hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, phát triển kinh tế nông nghiệp nông thôn; * Kế hoạch số 304/KH-UBND ngày 21/12/2021 của UBND tỉnh về triển khai Đề án không dùng tiền mặt giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Hà Giang. | | |
| **b)** | Hạ tầng, dữ liệu số | | |
|  | * Các phần mềm ứng dụng chuyên ngành y tế như: phần mềm báo cáo HIV/AIDS; phần mềm báo cáo bệnh không lây nhiễm; phần mềm báo cáo môi trường y tế; phần mềm báo cáo viên đa vi chất; thống kê y tế, quản lý cán bộ; các phần mềm báo cáo thống kê; phần mềm báo cáo nhân lực; phần mềm quản lý cán bộ; phần mềm quản lý y tế xã phường liên thông; phần mềm kế toán; phần mềm khám chữa bệnh từ xa; phần mềm quản lý tài sản. * 100% cơ sở khám chữa bệnh liên thông dữ liệu lên cổng tiếp nhận dữ liệu hệ thống thông tin giám định bảo hiểm y tế. * Hệ thống thông tin quản lý giáo dục, hệ thống Quản lý hồ sơ, sổ sách điện tử; triển khai nền tảng dạy học và thi trực tuyến. * Phần mềm Quản lý và giám sát chế độ, chính sách cho học sinh các trường bán trú, nội trú; Tiếp tục duy trì hệ thống quản lý văn bản; Hệ thống quản lý nhà trường. * Phần mềm quản lý chuyên ngành Lao động, Thương binh và Xã hội: Phần mềm quản lý hộ nghèo; phần mềm quản lý trẻ em; phần mềm quản lý lao động; phần mềm dữ liệu quản lý đối tượng bảo trợ xã hội, phần mềm quản lý người có công; Phần mềm Misposasoft (thực hiện quản lý và chi trả cho đối tượng BTXH); Hệ thống quản lý thông tin trẻ em tại cơ sở; Phần mềm quản lý hồ sơ người có công và kế toán chi trả. * Các ứng dụng như quản lý vi phạm hành chính về an toàn giao thông bằng hệ thống camera lắp đặt tại trục đường quốc lộ trung tâm các huyện, website khai báo lịch trình di chuyển cho công dân, tích hợp camera hành trình các xe ô tô, camera an ninh tại các hộ dân; phần mềm mô phỏng trong hoạt động đào tạo, sát hạch cấp giấy phép lái xe. * Hệ thống quản lý thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa của tỉnh (hagiangtrace.com) và kết nối với cổng thông tin truy xuất quốc gia. | | |
| **c)** | Tỷ lệ phủ sóng, hạ tầng băng rộng, bưu chính | | |
|  | * Tỷ lệ phủ sóng di động trên địa bàn tỉnh đạt 97,5% (hiện còn 53 thôn trắng sóng). * Tỷ lệ hộ gia đình internet cáp quang băng rộng đạt 37,30%. | | |
| **d)** | Khu công nghệ | | |
|  |  | | |
| **đ)** | Nền tảng số địa phương | | |
|  | * Sàn thương mại điện tử tỉnh Hà Giang tại địa chỉ dacsanhagiang.net. | | |
| **e)** | Nhân lực số | | |
|  | * Thành lập 2.071 Tổ công nghệ số cộng đồng với 12.131 hội viên tham gia; 100% các thôn, bản, tổ dân phố có Tổ công nghệ số cộng đồng. * Biên tập các nội dung về chuyển đổi số, chủ trương, nghị quyết của Đảng thành ngôn ngữ dân tộc thiểu số (như dân tộc: Mông, Dao, Tày, Nùng…) để phát sóng, thông tin, tuyên truyền trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. | | |
| **g)** | Kinh tế số | | |
|  | * 100% các sản phẩm OCOP và hộ sản xuất nông nghiệp được đào tạo, tập huấn, hỗ trợ đưa lên sàn giao dịch thương mại điện tử Voso.vn, Postmat.vn. * Tổ chức hội nghị trực tuyến về chuyển đổi số doanh nghiệp với chủ đề “Chìa khoá để tăng trưởng và Phát triển bền vững” * Tổ chức 02 lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về chuyển đổi số trong lĩnh vực xúc tiến thương mại và thương mại điện tử cho gần 200 lượt các doanh nghiệp, hợp tác xã. * Thành lập Tổ điều phối và Nhóm hỗ trợ đưa các sản phẩm nông sản của tỉnh lên các sàn TMĐT tại 100% huyện, thành phố. * Hỗ trợ cho 8 doanh nghiệp/HTX xây dựng Website bán hàng điện tử kết nối với các sàn TMĐT để quảng bá, giới thiệu và sản phẩm. * Có 141 doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh tham gia chuyển đổi số mô hình kinh doanh; có 04 doanh nghiệp chuyển đổi số mô hình quản trị (01 doanh nghiệp đã hoàn thành). * Mô hình chợ 4.0 về các dịch vụ thanh toán trực tuyến không dùng tiền mặt như: chợ Trung tâm huyện Mèo Vạc, chợ Phố Cổ tại Thị trấn Đồng Văn; Chợ Trung tâm huyện Hoàng Su Phì, Thị trấn Cốc Pài huyện Xín Mần… * Triển khai thí điểm chuyển đổi số tại một số địa phương với các ứng dụng như: thu phí, vé chợ các hộ kinh doanh, doanh nghiệp thông qua tài khoản ngân hàng; triển khai hóa đơn điện tử; in mã QR thanh toán tại các gian hàng tiểu thương; đưa sản phẩm đặc trưng lên sàn; hỗ trợ cài đặt tài khoản ngân hàng phục vụ giao dịch điện tử. * Có 1.651 doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử (số lượng hóa đơn sử dụng là 2.422.144 hóa đơn, tổng doanh thu theo hóa đơn là 6.833 tỷ đồng), đạt 94,1%. Thực hiện đăng ký khai thuế qua mạng với 1.737/1.754 DN, HTX, đạt 99% số DN, HTX đang hoạt động thuộc diện phải nộp hồ sơ khai thuế theo quy định. Có 1.581/1.754 DN, HTX đăng ký nộp thuế điện tử với số tiền nộp thuế điện tử là 1.111 tỷ đồng. * Một số ngân hàng thương mại đã khai trương robot gửi, rút tiền tự động; triển khai sử dụng đồng bộ hóa đơn điện tử. * Đã cập nhật thông tin, hướng dẫn và cấp mã QR code truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa cho 142 Doanh nghiệp, HTX với 379 thành viên và 589 sản phẩm tiêu biểu của tỉnh. | | |
| **h)** | Xã hội số | | |
|  | * Tỷ lệ người dân có điện thoại thông minh đạt 63,20%. * 100% các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện kết nối với bệnh viện tuyến trên phục vụ khám chữa bệnh qua nền tảng công nghệ số. 100% các bệnh viện tuyến tỉnh, Trung tâm Y tế huyện, thành phố triển khai thanh toán điện tử không dùng tiền mặt. * 203.525 điểm địa chỉ trên nền tảng địa chỉ số, số lượng địa chỉ có số nhà là 51.393 địa chỉ, số lượng địa chỉ không có số nhà là 152.132 địa chỉ. * 344.771 lượt người dự thi Cuộc thi tìm hiểu về Chuyển đổi số; Biểu dương, khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất trong công tác chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh. * Truyền thông số, quảng bá, giới thiệu hình ảnh về Hà Giang, những di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, nét văn hoá đặc sắc của các dân tộc... * 100% các cơ sở khám chữa bệnh bảo hiểm y tế triển khai sử dụng căn cước công dân gắn chíp trong khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế. * 50% các cơ sở giáo dục triển khai nền tảng dạy học và thi trực tuyến; 100% cơ sở giáo dục áp dụng Hệ thống quản lý nhà trường. * Kết quả nhập thông tin cung lao động trên phần mềm lao động - việc làm trong toàn tỉnh là 285.003 người. | | |
|  | [**Tỉnh Hà Nam**](https://chinhphu.vn/thong-tin-tinh-thanh?city=1349) | Báo cáo số 1457/BC-STTTT ngày 09/12/2022 | Kế hoạch số 1539/KH-UBND ngày 16/6/2022 |
| **a)** | Thể chế | | |
|  | * Kế hoạch số 3705/KH-UBND ngày 10/12/2020 về triển khai thực hiện Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 tỉnh Hà Nam; * Kế hoạch số 2575/KH-UBND ngày 29/9/2021 về triển khai thực hiện Quyết định số 942/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; * Kế hoạch số 1233/KH-UBND ngày 13/5/2022 về hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Hà Nam năm 2022; * Chương trình số 1247/CTr-UBND ngày 16/5/2022 về xác định Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Hà Nam; * Kế hoạch số 1796/KH-UBND ngày 15/7/2022 về triển khai Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số trên địa bàn tỉnh Hà Nam... * Nghị quyết số 24-NQ/TU ngày 25/4/2022 về Chuyển đổi số tỉnh Hà Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; * Quyết định số 1516/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 phê duyệt Đề án Chuyển đổi số tỉnh Hà Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. | | |
| **b)** | Hạ tầng, dữ liệu số | | |
|  | * Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông lâm thủy sản thực phẩm tỉnh Hà Nam (<https://hna.check.net.vn>). * Hệ thống tiếp nhận và giải quyết phản ánh, kiến nghị của người dân qua hình thức trực tuyến: chuyên mục Hỏi đáp trên Cổng Thông tin điện tử, Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử... * Tích hợp chữ ký số công cộng lên Cổng Dịch vụ công và Hệ thống một cửa điện tử; đang triển khai tích hợp chữ ký số công cộng từ xa. * Kết nối, khai thác chính thức cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. * Phần mềm quản lý khám chữa bệnh và thanh toán Bảo hiểm y tế; Hệ thống thông tin quản lý trạm y tế (thử nghiệm); Phần mềm quản lý nhà thuốc trên địa bàn tỉnh; Trung tâm điều hành y tế tỉnh (Phân hệ của Trung tâm điều hành thông minh). * Phần mềm ứng dụng phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ như: Quản lý tài sản nhà nước, hệ thống TABMIS, Quản lý tổng hợp báo cáo tình hình quyết toán dự án hoàn thành,... * Sử dụng phần mềm nhập dữ liệu hồ sơ đào tạo mô tô, ô tô, tàu sông; phần mềm quản lý giáo viên dạy thực hành lái xe toàn quốc; hệ thống xử lý và khai thác sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình đối với phương tiện giao thông vận tải. * Đối với lưới truyền tải ở cấp điện áp 220kV, cấp điện áp 110kV: tất cả các trạm biến áp truyền tải đều được lắp đặt hệ thống điều khiển, giám sát thu thập dữ liệu từ xa SCADA/EMS. * Phần mềm MicroStation SE bản đồ số, mapinfo, phần mềm quản lý tài nguyên và môi trường, hệ thống quản lý thông tin thông tin đất đai cấp huyện (Vilis)… | | |
| **c)** | Tỷ lệ phủ sóng, hạ tầng băng rộng, bưu chính | | |
|  | * Có 133/134 điểm phục vụ của mạng bưu chính công cộng có kết nối Internet băng rộng cố định. * 860 điểm thu phát sóng thông tin di động BTS. * Tỷ lệ phủ sóng thông tin di động 3G, 4G đã đạt 95% xã, phường, thị trấn; độ bao phủ Internet băng thông rộng trên địa bàn tỉnh là 100%. | | |
| **d)** | Khu công nghệ | | |
|  |  | | |
| **đ)** | Nền tảng số địa phương | | |
|  | * Sàn giao dịch thương mại điện tử tỉnh Hà Nam | | |
| **e)** | Nhân lực số | | |
|  | * Thành lập 100% Tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã, cấp thôn (109 Tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã với 555 thành viên, 686 Tổ công nghệ số cộng đồng cấp thôn với 3.430 thành viên); tổ chức 31 lớp đào tạo, tập huấn trên 1.600 người; Hội nghị tập huấn về chuyển đổi số, kỹ năng số bằng hình thức trực tuyến với khoảng 4.200 thành viên Tổ. | | |
| **g)** | Kinh tế số | | |
|  | * Có trên 40 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin, điện tử viễn thông. * Số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận, tham gia chương trình hỗ trợ chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ và vừa ước tính là 2.697 doanh nghiệp. Khoảng 2.777 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh sử dụng nền tảng số. * Nâng cấp Sàn giao dịch thương mại điện tử tỉnh Hà Nam, xây dựng App trên điện thoại di động; xây dựng, phát triển bộ thương hiệu trực tuyến, hỗ trợ cho 10 doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, trong đó có 04 đơn vị sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp; đào tạo phát triển nguồn nhân lực thương mại điện tử. * Hỗ trợ cho 10 doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình sản xuất nông nghiệp tham gia và có tài khoản bán hàng/gian hàng trên sàn, có tài khoản thanh toán điện tử; tổ chức hội nghị tập huấn cho 31 doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh về phát triển thương hiệu, nhãn hiệu, kỹ năng ứng dụng thương mại điện tử trong kinh doanh; khai thác, mở rộng mạng lưới phân phối, bán lẻ trên sàn giao dịch thương mại điện tử cho các đơn vị sản xuất kinh doanh. * Có trên 40 hộ/cơ sở tham gia sàn thương mại điện tử với hơn 240 sản phẩm được giới thiệu quảng bá, truy xuất nguồn gốc. * 98,5% số doanh nghiệp đã nộp thuế điện tử; 100% số doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử. * Ứớc tính có 2.960 doanh nghiệp sử dụng tên miền .vn. * 100% cơ sở giáo dục áp dụng thanh toán không dùng tiền mặt; tỷ lệ giao dịch không dùng tiền mặt đạt trên 90% trong tổng số các giao dịch, nhiều cơ sở giáo dục có 100% phụ huynh áp dụng thanh toán không dùng tiền mặt với các khoản đóng góp. * Tích hợp thanh toán trực tuyến trên Hệ thống Quản lý khám, chữa bệnh và thanh toán bảo hiểm y tế. * Cán bộ công chức viên chức được trả lương, thanh toán tiền điện, nước, cước viễn thông, học phí,...không dùng tiền mặt. * Có khoảng trên 1.000 máy POS. * Có 18 hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hoạt động trong lĩnh vực trồng trọt và chăn nuôi. Trong đó có nhiều hợp tác xã hoạt động hiệu quả, như: Hợp tác xã Nông sản sạch Bảo An, Hợp tác xã Nông sản sạch Cát Lại, Hợp tác xã Thủy sản sông trong ao Hải Đăng, Hợp tác xã Rau hữu cơ Trác Văn... * Ứng dụng công nghệ tự động hóa trong giám sát các chỉ số môi trường đất, nước, không khí liên quan cây trồng thông qua các cảm biến; tự động hóa trong điều khiển tưới, bơm, quạt... và cảnh báo diễn biến bất thường trong môi trường nhà lưới. * Sử dụng công nghệ quan trắc trên đồng ruộng để tự động đo đạc và báo cáo các chỉ số môi trường; tự động trong điều khiển, theo dõi và quản lý đồng ruộng. * Ứng dụng công nghệ truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông nghiệp. * Dịch vụ chuyển phát, giao nhận, thu hộ đã hình thành. * Điện lực thực hiện thanh toán tiền điện không dùng tiền mặt qua SMS hoặc App CSKH EVNSPC hoặc cài ứng dụng CSKH EVNSPC trên Zalo hoặc truy cập website <http://cskh.npc.com.vn/>; sử dụng công tơ điện tử. | | |
| **h)** | Xã hội số | | |
|  | * 940.755 tài khoản giao dịch của cá nhân và tổ chức mở tại các tổ chức tín dụng. * 68,7% hộ gia đình được phủ mạng Internet băng thông rộng cáp quang. * Số lượng dân số ở độ tuổi trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân khoảng 1.840 chữ ký. * Tỷ lệ người dân biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông ước tính là 47,3%. * Định hướng các cơ quan báo đài của tỉnh tuyên truyền, phổ biến các văn bản về chuyển đổi số, phát triển kinh tế số và xã hội số; phổ biến, nhân rộng các điển hình đổi mới công nghệ, chuyển đổi số thành công; nâng cao sự tiếp cận thông tin cho người dân trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là các khu vực nông thôn. * Phần mềm quản lý khám chữa bệnh và thanh toán Bảo hiểm y tế triển khai ở 100% tuyến xã và tuyến huyện, liên thông cơ sở dữ liệu khám chữa bệnh bảo hiểm y tế toàn tỉnh; Nhiều bệnh viện tuyến tỉnh và huyện ứng dụng các hệ thống phần mềm vào khám và chữa bệnh từng bước hướng đến bệnh viện thông minh, y tế thông minh; bệnh viện tuyến tỉnh tăng cường ứng dụng công nghệ, kỹ thuật mới trong nước và thế giới vào điều trị như: can thiệp mạch vành, phẫu thuật nội soi, điều trị đột quỵ, triển khai kỹ thuật chụp mạch máu số hóa xóa nền (DSA). * 100% các trường học cấp trung học phổ thông có phòng máy và đưa bộ môn tin học vào giảng dạy cho học sinh; 100% cán bộ công chức ngành Giáo dục sử dụng hệ thống e-mail phục vụ công vụ; trường học ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ quản lý, giảng dạy như quản lý học sinh, phiếu liên lạc điện tử; dạy và học trực tuyến,… | | |
|  | [**Tỉnh Hà Tĩnh**](https://chinhphu.vn/thong-tin-tinh-thanh?city=1350) | Chưa báo cáo |  |
| **a)** | Thể chế | | |
|  |  | | |
| **b)** | Hạ tầng, dữ liệu số | | |
|  |  | | |
| **c)** | Tỷ lệ phủ sóng, hạ tầng băng rộng, bưu chính | | |
|  |  | | |
| **d)** | Khu công nghệ | | |
|  |  | | |
| **đ)** | Nền tảng số địa phương | | |
|  |  | | |
| **e)** | Nhân lực số | | |
|  |  | | |
| **g)** | Kinh tế số | | |
|  |  | | |
| **h)** | Xã hội số | | |
|  |  | | |
|  | [**Tỉnh Hưng Yên**](https://chinhphu.vn/thong-tin-tinh-thanh?city=1351) | Báo cáo số 1426/BC-STTTT ngày 22/12/2022 | Kế hoạch số 184/KH-UBND ngày 16/11/2022 |
| **a)** | Thể chế | | |
|  | * Kế hoạch số 84-KH/TU ngày 06/4/2022 của Tinh ủy Hưng Yên về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2022 – 2025; * Quyết định số 571/QĐ-UBND ngày 25/02/2022 về Phê duyệt Đề án Chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030; * Quyết định số 443/QĐ-UBND ngày 18/02/2022 của UBND tỉnh về thành lập Tổ công tác triển khai đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư định danh và xác thực hiện điện tử chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 -2025, tầm nhìn đến năm 2030; * Kế hoạch số 68/KH-UBND ngày 08/4/2022 về Triển khai thực hiện Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; * Kế hoạch số 75/KH-UBND ngày 13/4/2022 về Triển khai thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” của Thủ tướng Chính phủ; * Kế hoạch số 78/KH UBND ngày 20/4/2022 về Triển khai xác định chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; * Kế hoạch số 98/KH-UBND ngày 27/5/2022 về Thúc đẩy sử dụng nền tảng số quốc gia về quản trị và kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; * Kế hoạch số 99/KH-UBND ngày 27/5/2022 về Hỗ trợ các hộ sản xuất nông nghiệp tham gia sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; * Kế hoạch số 114/KH-UBND ngày 16/6/2022 về Triển khai thực hiện Chương trình “Bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng giai đoạn 2021-2025”; * Kế hoạch số 157/KH-UBND ngày 23/9/2022 về tổ chức các hoạt động Ngày chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên và hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số Quốc gia năm 2022; * Kế hoạch số 122/KH-UBND ngày 08/6/2022 về triển khai nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số tại tỉnh Hưng Yên; * Kế hoạch số 119/KH-UBND ngày 17/6/2022 về Hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2022-2025. | | |
| **b)** | Hạ tầng, dữ liệu số | | |
|  | * 100% cơ quan, đơn vị có hệ thống mạng nội bộ (LAN), kết nối Internet băng thông rộng, đường truyền dữ liệu chuyên dùng. * Tỷ lệ máy tính/cán bộ, công chức cấp tỉnh, huyện đạt 100%; cấp xã đạt khoảng 90%, tỷ lệ máy tính kết nối Internet băng thông rộng đạt 100%; tỷ lệ dịch vụ hành chính công được cung cấp trên mạng Internet đạt 100%. * Triển khai hệ thống camera giám sát an ninh trật tự, an toàn giao thông trên các tuyến đường chính của tỉnh và tại thành phố Hưng Yên, thị xã Mỹ Hào. * 06 hệ thống thông tin dùng chung gồm: Cổng thông tin điện tử tỉnh Hưng Yên và 31 cổng/ trang thông tin của sở, ban, ngành, địa phương; Cổng Dịch vụ công trực tuyến và Hệ thống một cửa điện tử của tỉnh Hưng Yên; Hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh; Hệ thống quản lý văn bản và điều hành; Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến; Hệ thống cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức. * 24 hệ thống thông tin, cơ sở dữ liêu phục vụ hoạt động chuyên môn của các đơn vị, trong đó có 23 hệ thống thông tin, cơ sở dữ liêu có thể được được chia sẻ dùng chung; đã thực hiện phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ 2, 3 cho 22 hệ thống thông tin. * Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh; cổng thông tin điện tử và các cổng thành phần, hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc, hệ thống thư điện tử công vụ, hệ thống cổng dịch vụ công trực tuyến; phần mềm quản lý chuyên ngành của ngành kế hoạch và đầu tư, nông nghiệp, tài chính, nội vụ, tư pháp. * Trung tâm Giám sát an toàn, an ninh thông tin mạng (SOC); 100% sở, ban, ngành, huyện, thành phố được cài đặt phần mềm phòng, chống mã độc theo mô hình quản lý tập trung. * Hệ thống Quản lý, truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa tỉnh Hưng Yên (https://hy.check.net.vn) | | |
| **c)** | Tỷ lệ phủ sóng, hạ tầng băng rộng, bưu chính | | |
|  | * Mạng lưới cáp quang được lắp đặt đến 100% thôn, tổ dân phố, trong đó trên 90% hộ gia đình sử dụng dịch vụ truy cập Internet băng rộng, tốc độ cao. * Có 1.136 trạm thu phát sóng thông tin di động, truy cập Internet đến 100% thôn, tổ dân phố, trong đó trên 75% thuê bao có sử dụng dịch vụ truy cập Internet 3G và 4G; * Có trên 1,36 triệu thuê bao điện thoại và 1.085.000 thuê bao internet (Trong đó: thuê bao băng rộng động 840.900; thuê bao băng rộng cố định 244.100) * Thí điểm dịch vụ 5G Viettel. | | |
| **d)** | Khu công nghệ | | |
|  |  | | |
| **đ)** | Nền tảng số địa phương | | |
|  | * Sàn giao dịch thương mại điện tử tỉnh. * Quản lý, truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa https://hy.check.net.vn. | | |
| **e)** | Nhân lực số | | |
|  | * 85 cán bộ chuyên trách và kiêm nhiệm về CNTT; 100% cán bộ có bằng đại học trở lên * Hơn 6.000 thành viên Tổ đề án 06 (Tổ công nghệ cộng đồng) các cấp được tập huấn về CĐS và sử dụng các nền tảng số. * 400 nhân lực CNTT ở các doanh nghiệp kinh doanh lĩnh vực viễn thông, điện tử, CNTT. * Đào tạo kiến thức, kỹ năng đảm bảo an toàn thông tin cho người dùng cuối cho 70 cán bộ, công chức các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện; hơn 200 cán bộ, công chức cấp xã về an toàn thông tin; 350 lượt cán bộ lãnh đạo cấp xã tham gia Chương trình bồi dưỡng chuyển đổi số cho lãnh đạo UBND cấp xã; | | |
| **g)** | Kinh tế số | | |
|  | * 20% dân số tham gia mua sắm trực tuyến. * 15% thanh toán không dùng tiền mặt trong thương mại điện tử. * 25% giao dịch mua hàng trên website/ứng dụng thương mại điện tử có hóa đơn điện tử. * 25% xã và các đơn vị hành chính tương đương trên địa bàn tỉnh có thương nhân thực hiện hoạt động bán hàng hóa hoặc cung ứng dịch vụ trực tuyến. * 19% doanh nghiệp vừa và nhỏ tiến hành hoạt động kinh doanh trên các sàn giao dịch thương mại điện tử. * 100% đơn vị cung cấp dịch vụ điện, nước, viễn thông, truyền hình trả tiền triển khai thu cước, phí theo hình thức không dùng tiền mặt. * 80% dịch vụ vận tải đường bộ triển khai hình thức thu phí không dùng tiền mặt. * Có trên 12.000 doanh nghiệp, trong đó doanh nghiệp có ngành nghề kinh doanh chính là điện tử viễn thông, công nghệ thông tin là khoảng 380 doanh nghiệp; trên 3000 doanh nghiệp có hoạt động sản xuất, kinh doanh liên quan đến chuyển đổi số. * Hình thành thói quen thanh toán không dùng tiền mặt các dịch vụ thiết yếu như: điện, nước, viễn thông, y tế, giáo dục. * Mô hình Chợ công nghệ mới 4.0 tại các chợ trên địa bàn tỉnh. * khoảng 300 lượt doanh nghiệp (Đến nay có 60 doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đã đăng ký tham gia với trên 150 sản phẩm được trưng bày bán), với hơn 30.000 lượt người truy cập sàn giao dịch thương mại điện tử tỉnh. * 10.259 doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tham gia các sàn thương mại điện tử, với 180.494 sản phẩm và 10.946.927 giao dịch. Tổng doanh thu đạt: 1.121.045.754 nghìn đồng. Trong đó: 950 doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tham gia sàn Sendo với 18.327 sản phẩm và 166.293 giao dịch, doanh thu đạt 26.856.527 nghìn đồng; 8.918 doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tham gia sàn Shopee với 161.104 sản phẩm và 10.752.847 giao dịch, doanh thu đạt 1.085.479.226 nghìn đồng; 249 doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tham gia Sàn Voso, với 515 sản phẩm và 4870 giao dịch, doanh thu đạt 4.379.560 nghìn đồng; 4.213 doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tham gia sàn Postmart với 548 sản phẩm và 27.827 giao dịch, doanh thu đạt 4.330.000 ngàn đồng. * Gần 60% doanh nghiệp xây dựng website giới thiệu công ty, cung cấp thông tin sản phẩm; 100% các doanh nhiệp đã thực hiện nộp thuế điện tử và hóa đơn điện tử, tỷ lên giao dịch hợp đồng điện tử khoảng 10%. * 400 người tham gia để cập nhật thông tin nguồn gốc hàng hóa phục vụ công tác truy xuất nguồn gốc hàng hóa <https://hy.check.net.vn>. * Tổ chức tập huấn, hướng dẫn sử dụng cho người dùng sử dụng sàn giao dịch điện tử Postmart, Voso...trong mua bán, trao đổi hàng hóa với hơn 200 người tham gia. | | |
| **h)** | Xã hội số | | |
|  | * Trên 85% người trưởng thành sử dụng điện thoại thông minh. * 86% dân số của tỉnh có tài khoản thanh toán ngân hàng khoảng. * 30% dân số có kỹ năng số cơ bản. * 75% hộ gia đình có địa chỉ Vpostcode. * 75% hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cố định. | | |
|  | [**Tỉnh Hải Dương**](https://chinhphu.vn/thong-tin-tinh-thanh?city=1352) | Chưa báo cáo |  |
| **a)** | Thể chế | | |
|  |  | | |
| **b)** | Hạ tầng, dữ liệu số | | |
|  |  | | |
| **c)** | Tỷ lệ phủ sóng, hạ tầng băng rộng, bưu chính | | |
|  |  | | |
| **d)** | Khu công nghệ | | |
|  |  | | |
| **đ)** | Nền tảng số địa phương | | |
|  |  | | |
| **e)** | Nhân lực số | | |
|  |  | | |
| **g)** | Kinh tế số | | |
|  |  | | |
| **h)** | Xã hội số | | |
|  |  | | |
|  | [**Tỉnh Hậu Giang**](https://chinhphu.vn/thong-tin-tinh-thanh?city=1353) | Báo cáo số 469/BC-STTTT  ngày 16/12/2022 | Kế hoạch số 128/KH-UBND ngày 04/7/2022 |
| **a)** | Thể chế | | |
|  | * Quyết định số 453/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2022 của UBND tỉnh Hậu Giang ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang. * Quyết định số 463/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2022 của UBND tỉnh Hậu Giang thành lập Tổ công tác hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Hậu Giang. * Quyết định số 1815/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh Hậu Giang phê duyệt Đề án thành lập Khu Công nghệ thông tin tập trung tỉnh Hậu Giang. * Kế hoạch số 54/KH-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2022 của UBND tỉnh Hậu Giang triển khai Quyết định số 392/QĐ-BTTTT ngày 02 tháng 3 năm 2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Kế hoạch phát triển Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số tại tỉnh Hậu Giang năm 2022. * Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2022 của UBND tỉnh Hậu Giang triển khai thực hiện Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang. * Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2022 của UBND tỉnh Hậu Giang hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Hậu Giang năm 2022. * Kế hoạch số 103/KH-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2022 của UBND tỉnh Hậu Giang thành lập và tổ chức hoạt động Tổ công nghệ số cộng đồng tại các ấp, khu vực trên địa bàn tỉnh Hậu Giang. * Kế hoạch số 112/KH-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh Hậu Giang tổ chức Tuần lễ thúc đẩy Chuyển đổi số phát triển kinh tế Vùng và xúc tiến đầu tư tỉnh Hậu Giang năm 2022. * Kế hoạch số 124/KH-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh Hậu Giang phát động phong trào thi đua “Người dân Hậu Giang tham gia chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số” năm 2022. * Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2022 của UBND tỉnh Hậu Giang thực hiện công tác chuẩn bị tổ chức Tuần lễ thúc đẩy Chuyển đổi số phát triển kinh tế Vùng và xúc tiến đầu tư tỉnh Hậu Giang năm 2022 * Kế hoạch số 149/KH-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2022 của UBND tỉnh Hậu Giang triển khai nền tảng Bản đồ số trên địa bàn tỉnh Hậu Giang năm 2022. * Kế hoạch số 160/KH-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2022 của UBND tỉnh Hậu Giang tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số Quốc gia năm 2022 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang. * Kế hoạch số 182/KH-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2022 của UBND tỉnh Hậu Giang cải tiến chỉ số chuyển đổi số năm 2022 và những năm tiếp theo. * Kế hoạch số 183/KH-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2022 của UBND tỉnh Hậu Giang triển khai thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Hậu Giang. * Kế hoạch số 189/KH-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh Hậu Giang thực hiện Chương trình “Bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng, giai đoạn 2021 - 2025” trên địa bàn tỉnh Hậu Giang. * Chương trình số 02/CTr-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh xác định Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Hậu Giang. | | |
| **b)** | Hạ tầng, dữ liệu số | | |
|  | * 100% các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh đã có kết nối Internet và mạng nội bộ (LAN). 100% cán bộ, công chức tại cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã được trang bị máy tính. * Mạng truyền số liệu chuyên dùng đảm bảo hoạt động của Trung tâm Dữ liệu, Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến và các hệ thống phần mềm dùng chung của tỉnh phục vụ công tác chỉ đạo và điều hành. * Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh. * Thuê Dịch vụ hạ tầng điện toán đám mây phục vụ các ứng dụng chính gồm: Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh, Tỉnh ủy và Trang thông tin điện tử của các sở, ban, ngành, địa phương, phần mềm quản lý văn bản, hệ thống dịch vụ công trực tuyến, hệ thống báo cáo kinh tế - xã hội... * Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh . * Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh. * Hệ thống Giám sát an toàn an ninh thông tin mạng (SOC). * Hệ thống Giám sát trung tâm báo chí và truyền thông. * Hệ thống phản ánh hiện trường (Hau Giang App). * Hệ thống giám sát giao thông: có 22/61 camera đang hoạt động. * Triển khai phần mềm cho 75/75 TYT (tuyến 4), 7/7 cơ sở KCB tuyến huyện (tuyến 3) và 4/4 cơ sở KCB tuyến tỉnh (tuyến 2), kết xuất dữ liệu, chuyển dữ liệu trong quản lý KCB và thanh toán BHYT theo quy định. Triển khai phần mềm báo cáo thống kê y tế điện tử. * Thí điểm phần mềm tư vấn khám bệnh từ xa tại BVĐK Thành phố Ngã Bảy. * 100% các cơ quan nhà nước sử dụng Hệ thống quản lý văn bản và điều hành (10.000 tài khoản). * Hệ thống, cơ sở dữ liệu các Bộ, ngành: quản lý thống kê ngành nội vụ; khiếu nại tố cáo; quan trắc; Lý lịch tư pháp; đăng ký khai sinh điện tử; văn bản pháp luật; quản lý hồ sơ quốc tịch; đăng ký hộ tịch trực tuyến; thông tin liệt sĩ, mộ liệt sĩ, nghĩa trang liệt sỹ; quản lý đối tượng bảo trợ xã hội; quản lý hộ nghèo; quản lý trẻ em; quản lý cung cầu lao động; đăng ký doanh nghiệp; đăng ký hộ cá thể; thông tin về đầu tư sử dụng vốn nhà nước; đấu thầu quốc gia; quản lý thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài; quản lý ngân sách PMIS; cấp mã số quan hệ ngân sách; báo cáo tài chính; quản lý lưu trú; đề tài dự án khoa học công nghệ; ngành Giáo dục và Đào tạo; khám chữa bệnh; quản lý hồ sơ sức khỏe người dân; quầy thuốc/nhà thuốc; quản lý Y tế cơ sở. * Phần mềm Quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Hậu Giang; Phần mềm Quản lý thi đua - Khen thưởng; Cơ sở dữ liệu quản lý lưu trữ lịch sử; Cơ sở dữ liệu quản trị hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh; Phần mềm luân chuyển hồ sơ đất đai. | | |
| **c)** | Tỷ lệ phủ sóng, hạ tầng băng rộng, bưu chính | | |
|  |  | | |
| **d)** | Khu công nghệ | | |
|  | * Khu Công nghệ thông tin tập trung tỉnh Hậu Giang | | |
| **đ)** | Nền tảng số địa phương | | |
|  | * Hau Giang App | | |
| **e)** | Nhân lực số | | |
|  | * 08 đơn vị cấp huyện thành lập Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số; thành lập 75/75 Tổ công nghệ số cộng đồng tại xã, phường, thị trấn và 518 Tổ công nghệ số cộng đồng tại ấp, khu vực với 3.740 thành viên tham gia; Phổ cập kỹ năng số cho Tổ công nghệ số cộng đồng và người dân tại các địa phương với hơn 36.560 người. * Tổ chức 02 lớp bồi dưỡng nâng cao khả năng phòng, chống tấn công mạng, diễn tập ứng cứu sự cố đảm bảo an toàn thông tin mạng cho 240 học viên; 200 lượt cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, an toàn thông tin tham gia các khóa đào tạo an toàn thông tin, diễn tập ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng. * Đào tạo, tập huấn cho 192 cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của cơ quan, địa phương về chuyển đổi số trên nền tảng Onetouch. | | |
| **g)** | Kinh tế số | | |
|  | * Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt ~17% (351/2.100 doanh nghiệp). * Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt ~24% (502/2.100 doanh nghiệp). * Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động đạt ~0.4 (2.000/521.682 dân trong độ tuổi lao động). | | |
| **h)** | Xã hội số | | |
|  | * Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt ~71% (466.090/621.682 người). * Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt ~72%, (444.769/621.682 người). * Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt ~1% (6.299 chữ ký số/621.682 người dân). * Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt ~25% (~100.000 người/621.682). * Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang đạt ~55% (111.435 hộ/201.000 hộ).   - Tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt 9,6% (69.793/729.780 người).   * Thí điểm hệ thống tư vấn khám bệnh từ xa tại bệnh viện đa khoa thành phố Ngã Bảy. * Khai phần mềm quản lý khám chữa bệnh, y tế cơ sở, hồ sơ sức khỏe người dân cho toàn tỉnh, đã lập 610.310 hồ sơ sức khỏe điện tử, đạt 83,49% dân số toàn tỉnh; * Tỷ lệ các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 100% (4 trường trong đó 02 trường đại học và 02 trường cao đẳng). * Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 100% (236 trường). * Tổng số phản ánh tiếp nhận trong 11 tháng đầu năm 2022 là 1.318, trong đó: Số phản ánh được xử lý: 836 phản ánh (phản ánh đã hoàn thành xử lý: 833 phản ánh (99,6%); phản ánh chưa hoàn thành xử lý: 03 phản ánh (0,4%)). Số phản ánh không được xử lý: 482 phản ánh (do phản ánh có nội dung không rõ ràng, thông tin liên hệ không chính xác). * Hồ sơ nộp trực tuyến toàn tỉnh tiếp nhận 48.106 hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ nộp 193.532, đạt tỉ lệ 25%. Hộ gia đình có cài đặt sử dụng dịch vụ công trực tuyến (Số liệu % hộ gia đình đã cài đặt/tổng số hộ) 31.793 đạt 15,5%. * Hộ gia đình có cài đặt dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt (mobile money, ví điện tử, tài khoản ngân hàng...) (Số liệu % hộ gia đình đã cài đặt/tổng số hộ) 29.422 đạt 14,4%. * Hộ gia đình cài ứng dụng di động Hậu Giang (Số liệu % hộ gia đình đã cài đặt/tổng số hộ) 32.820 đạt 16%. * Tỉnh đã xây dựng Trang chuyên về chuyển đổi số tại địa chỉ: http://chuyendoiso.haugiang.gov.vn, tần suất đăng tải tin bài 1 tuần/1 lần. | | |
|  | [**Tỉnh Điện Biên**](https://chinhphu.vn/thong-tin-tinh-thanh?city=1354) | Báo cáo số 367/BC-UBND ngày 12/12/2022 |  |
| **a)** | Thể chế | | |
|  |  | | |
| **b)** | Hạ tầng, dữ liệu số | | |
|  | * Hạ tầng kỹ thuật Chính quyền điện tử tỉnh. * Hệ thống và cơ sở dữ liệu dùng chung: Cổng TTĐT, Cổng Dịch vụ công, Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và quản lý hồ sơ công việc, Hệ thống thông tin báo cáo, LGSP, … và các hệ thống, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, xã, thị xã, hội, … * Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh. * Trung tâm giám sát, điều hành an toàn an ninh mạng (SOC). * Phần mềm quản lý xử phạt vi phạm hành chính; Phần mềm tiếp công dân và quản lý đơn thư khiếu nại, tố cáo; Phần mềm hệ thống đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; Phần mềm quản lý bệnh viện; Phần mềm quản lý khám chữa bệnh HIS; Phần mềm cơ sở dữ liệu về giá; Phần mềm quản lý lao động, việc làm; Phần mềm đánh giá, xác định chỉ số CCHC * Hệ thống quản lý tài liệu lưu trữ cơ quan; Hệ thống quản lý, số hóa di tích, di sản văn hóa phi vật thể và hiện vật bảo tàng tỉnh; Hệ thống truyền thanh thông minh; Hệ thống cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực; * Hệ thống cơ sở dữ liệu đô thị ứng dụng GIS. | | |
| **c)** | Tỷ lệ phủ sóng, hạ tầng băng rộng, bưu chính | | |
|  | Wifi công cộng 3 xã, phường thị xã Mường Lay. | | |
| **d)** | Khu công nghệ | | |
|  |  | | |
| **đ)** | Nền tảng số địa phương | | |
|  | * Nền tảng công nghệ thành phố thông minh. * Sàn Giao dịch việc làm. * Ứng dụng giải pháp bán hàng thông minh cho các nhà bán lẻ * Website quảng bá các sản phẩm công nghiệp tiêu biểu. | | |
| **e)** | Nhân lực số | | |
|  | * 100% các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh đã thành lập Tổ Công nghệ số cộng đồng, với hơn 5.500 người tham gia. | | |
| **g)** | Kinh tế số | | |
|  | * Tỷ lệ Kinh tế số đóng góp vào GRDP của tỉnh ước đạt trên 8%. * Có 35 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin, điện tử, viễn thông, trong đó có 11 doanh nghiệp nền tảng số. 738/1.113 doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số (đạt 66,3%), trong đó có 111 doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận và tham gia Chương trình SMEDx (đạt 9,97%). * Số lượng doanh nghiệp thực hiện nộp thuế điện từ đạt 1.087 doanh nghiệp (đạt 97,6%). * Đưa 493 sản phẩm lên sàn, trong đó có 42 sản phẩm OCOP. * Tổng doanh thu: 1.110 tỷ đồng, trong đó: dịch vụ bưu chính và thương mại điện tử ước đạt 195 tỷ đồng, đạt 100% mục tiêu kế hoạch năm 2022; viễn thông - internet - hạ tầng số ước đạt 733,74 tỷ đồng (tăng 12,6% so với năm 2021); công nghệ thông tin ước đạt trên 180 tỷ đồng. | | |
| **h)** | Xã hội số | | |
|  | * Mã địa chỉ bưu chính (Vpostcode) dựa trên nền tảng bản đồ số được triển khai đến 99% hộ gia đình. * Tỷ lệ người dân có điện thoại thông minh đạt 68%. * 37% dân số có tài khoản thanh toán điện tử. * 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4. * 100% người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất từ trung ương đến địa phương. * 53% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến. * Trên 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính. | | |
|  | [**Tỉnh Đắk Lắk**](https://chinhphu.vn/thong-tin-tinh-thanh?city=1355) | Chưa báo cáo |  |
| **a)** | Thể chế | | |
|  |  | | |
| **b)** | Hạ tầng, dữ liệu số | | |
|  |  | | |
| **c)** | Tỷ lệ phủ sóng, hạ tầng băng rộng, bưu chính | | |
|  |  | | |
| **d)** | Khu công nghệ | | |
|  |  | | |
| **đ)** | Nền tảng số địa phương | | |
|  |  | | |
| **e)** | Nhân lực số | | |
|  |  | | |
| **g)** | Kinh tế số | | |
|  |  | | |
| **h)** | Xã hội số | | |
|  |  | | |
|  | [**Tỉnh Đắk Nông**](https://chinhphu.vn/thong-tin-tinh-thanh?city=1356) | Báo cáo số 352/BC-STTTT ngày 12/12/2022 | Kế hoạch số 293/KH-UBND ngày 01/6/2022 |
| **a)** | Thể chế | | |
|  | * Kế hoạch số 259/KH-UBND ngày 18/5/2022 ban hành Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số. * Kế hoạch số 294/KH-UBND ngày 01/6/2022 của UBND tỉnh về việc thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở giáo dục, y tế. | | |
| **b)** | Hạ tầng, dữ liệu số | | |
|  |  | | |
| **c)** | Tỷ lệ phủ sóng, hạ tầng băng rộng, bưu chính | | |
|  | * Triển khai thử nghiệm mạng di động 5G tại 04 điểm trên địa bàn thành phố Gia Nghĩa | | |
| **d)** | Khu công nghệ | | |
|  |  | | |
| **đ)** | Nền tảng số địa phương | | |
|  |  | | |
| **e)** | Nhân lực số | | |
|  |  | | |
| **g)** | Kinh tế số | | |
|  | * Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP đạt 6,64% vượt 1,64% chỉ tiêu của năm 2020. * Tỷ lệ doanh nghiệp đang hoạt động sử dụng hóa đơn điện tử: 100% (3.541/3.541 doanh nghiệp, tổ chức, hộ kinh doanh) * Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số : 29,46% * Doanh thu về công nghiệp công nghệ thông tin lũy kế đến hết tháng 09/2022 ước tính đạt 1.607.294 triệu đồng. Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP ước tính 6,64%, tăng 0,25% so với năm 2021. * Tỷ lệ doanh nghiệp nộp thuế điện tử đạt 99,01%. Số tiền nộp thuế điện tử hết tháng 09/2022 đạt 395 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 97,5% trên tổng số tiền nộp thuế trên địa bàn tỉnh. 100% hồ sơ hoàn thuế giá trị gia tăng được tiếp nhận và xử lý hoàn toàn bằng phương thức điện tử. * Hỗ trợ lên sàn thương mại điện tử cho 1.098 sản phẩm, trong đó có 47/47 sản phẩm OCOP và 1.051 sản phẩm nông nghiệp khác, tổng số giao dịch 17.993 lượt; Tổng số hộ sản xuất nông nghiệp đã được số hóa thông tin là 111.390 hộ, đạt 92,8% (Số liệu của Cục Thống kê trên địa bàn tỉnh khoảng 120.000 hộ SXNN). Số hộ SXKD được đào tạo về kỹ năng số là 120.037 hộ, đạt tỷ lệ 72%. * 25% dân số tham gia mua sắm trực tuyến trên các sàn thương mại điện tử, mạng xã hội và các ứng dụng di động. * Có 80 ATM hoạt động (tăng 02 ATM so với đầu năm). Mạng lưới máy chấp nhận thẻ (POS) đang còn hoạt động trên địa bàn tỉnh ước đến ngày 31/12/2022 đạt 307 máy (tăng 42 máy so với đầu năm); số đơn vị trả lương qua tài khoản đến cuối năm 2022 ước đạt 1.051 đơn vị, trong đó có 869 đơn vị hưởng lương từ ngân sách nhà nước; số tài khoản thanh toán các NHTM đã mở cho khách hàng đang còn hoạt động khoảng 393.915 tài khoản, ước tính tỷ lệ dân số có tài khoản ngân hàng là 59,3% (so với dân số năm 2021 là 664.416 người), sản phẩm TTKDTM bằng phương pháp quét mã QR code ước đến ngày 31/12/2022 có khoảng 1.800 đơn vị chấp nhận thanh toán. * 90% (862 tỷ đồng) tổng số thu ngân sách nhà nước (NSNN) được hạch toán bằng phương thức điện tử (cùng kỳ năm 2021 đạt 78%), các khoản chi NSNN qua ngân hàng ước đạt hơn 99%/tổng số chi NSNN (284 tỷ đồng) tại KBNN tỉnh (cùng kỳ năm 2021 đạt 98%). * 100% cơ sở điện lực trên địa bàn chấp nhận TTKDTM, doanh thu tiền điện của Công ty điện lực Đắk Nông thanh toán qua phương thức điện tử. Tính đến 30/9/2022, đã phát sinh 669 tỷ đồng tiền điện (985.340 hóa đơn) được thanh toán bằng phương thức KDTM, tăng 470 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2021, chiếm 75,92% tổng doanh thu tiền điện của đơn vị (cùng kỳ năm 2021 đạt 66%). * Có 5/10 NHTM phát sinh thu tiền nước qua ngân hàng, doanh số thu trong kỳ báo cáo đạt 06 tỷ đồng (với 10.417 giao dịch). * 100% các cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn chấp thuận thanh toán học phí qua ngân hàng, đạt 534 triệu đồng (tăng 487 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2021). * Tính đến ngày 30/9/2022 số người hưởng nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp qua ngân hàng bình quân đạt 84% (cùng kỳ năm 2021 đạt 79%), với chi trả cho 5.540 lượt người. Ước tính đến ngày 31/12/2022 số người hưởng nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp qua tài khoản ngân hàng bình quân đạt 86%/ tổng số người thụ hưởng. * Có 03/9 cơ sở khám chữa bệnh đã thực hiện thanh toán viện phí không dùng tiền mặt. * Có 238/386 (đạt tỷ lệ 65%) cơ sở giáo dục, trường học triển khai hình thức thanh toán không dùng tiền mặt. | | |
| **h)** | Xã hội số | | |
|  | * Dân số có tài khoản thanh toán điện tử (ước tính): 29,3% * Dân số trưởng thành có chữ ký số cá nhân (ước tính): 4,18% * Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối băng rộng cố định: 53,65 % * Tỷ lệ người dân có điện thoại thông minh: 88,74% * Tổng số hồ sơ khởi tạo có tài khoản HSSK từ Bảo hiểm xã hội tỉnh là 662.386 /664.416 đạt tỷ lệ 99,7%. * Tổng số hộ gia đình có địa chỉ số là 174.249 hộ (đạt 100%). * Tổng số chữ ký số cá nhân trong các cơ quan nhà nước khoảng 2.531, ước tính có khoảng 250 chữ ký số cá nhân tại các doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh đang hoạt động (ước tính đạt tỷ lệ khoảng 4,18% trên tổng dân số trên địa bàn tỉnh). * Tổ chức dạy học các môn học thuộc lĩnh vực giáo dục STEM (Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Công nghệ) theo tinh thần dạy học liên môn. | | |
|  | [**Tỉnh Đồng Nai**](https://chinhphu.vn/thong-tin-tinh-thanh?city=1357) | Báo cáo số 15/BC-UBND ngày 19/01/2023 | Kế hoạch số 198/KH-UBND ngày 09/9/2022 |
| **a)** | Thể chế | | |
|  | * Nghị quyết 05-NQ/TU ngày 28/3/2022 về chuyển đổi số tỉnh Đồng Nai đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030. * Kế hoạch 2428/KH-UBND ngày 10/3/2022 Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức về an toàn thông tin trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2021 – 2025. * Kế hoạch 64/KH-UBND ngày 24/3/2022 thực hiện Quyết định số 1968/QĐ-TTg ngày 22/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh ứng dụng CNTT và 24/3/2022 chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2022 và Kế hoạch khung giai đoạn 2022-2025. * Quyết định 835/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 thành lập Ban Chỉ đạo triển khai hóa đơn điện tử trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. * Quyết định 3603/UBND-KGVX ngày 14/4/2022 Thúc đẩy chuyển đổi số tại doanh nghiệp nhỏ và vừa, tham gia xác định chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số trong doanh nghiệp. * Quyết định 1179/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 ban hành Đề án phát triển Đô thị thông minh tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030. * Quyết định số 58/QĐ-BCĐCĐS ngày 11/5/2022 Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số tỉnh. * Kế hoạch 109/KH-UBND ngày 16/5/2022 thúc đẩy người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh năm 2022. * Hướng dẫn 5472/UBND-KGVX ngày 01/6/2022 triển khai mô hình Trung tâm điều hành trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. * Kế hoạch 124/KH-UBND ngày 02/6/2022 hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 * Kế hoạch 130/KH-UBND ngày 08/6/2022 tổ chức triển khai thí điểm tổ công nghệ số cộng đồng tại các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. * Kế hoạch 132/KH-UBND ngày 10/6/2022 phát triển doanh nghiệp công nghệ số tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022 - 2025 và định hướng đến năm 2030. * Kế hoạch 133/KH-UBND ngày 10/06/2022 triển khai đề án xác định chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số * Kế hoạch 134/KH-UBND ngày 10/6/2022 triển khai Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng 10/06/2022 và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. * Kế hoạch 137/KH-UBND ngày 13/6/2022 triển khai và vận hành thí điểm ứng dụng Công dân số. * Quyết định 95/QĐ-BCĐCĐS ngày 04/7/2022 thành lập Tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số tỉnh Đồng Nai. * Kế hoạch 156/KH-UBND ngày 05/7/2022 triển khai thực hiện Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số tỉnh Đồng Nai. * Kế hoạch 177/KH-UBND ngày 05/8/2022 triển khai thực hiện Nghị quyết số 05- NQ/TU ngày 28/3/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chuyển đổi số tỉnh Đồng Nai đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030. * Kế hoạch 186/KH-UBND ngày 18/8/2022 triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022 – 2025. * Quyết định 2213/QĐ-UBND ngày 28/8/2022 ban hành Ngày chuyển đổi số tỉnh Đồng Nai. * Kế hoạch 198/KH-UBND ngày 09/9/2022 phát triển kinh tế số và xã hội số tỉnh Đồng Nai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. * Kế hoạch 210/KH-UBND ngày 03/10/2022 tổ chức các hoạt động Ngày Chuyển đổi số tỉnh Đồng Nai hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số Quốc gia năm 2022. | | |
| **b)** | Hạ tầng, dữ liệu số | | |
|  | * 100% mạng Truyền số liệu chuyên dùng cấp II đến tất cả các cơ quan từ tỉnh đến xã. * Trung tâm tích hợp dữ liệu thông suốt từ cấp tỉnh đến cấp xã. * Nền tảng LGSPkết nối với Trục liên thông quốc gia. * Cổng Dịch vụ công tỉnh kết nối với Cổng Dịch vụ công quốc gia; tích hợp Cổng thanh toán trực tuyến phí, lệ phí thủ tục hành chính. * Nền tảng Hệ thống quản lý văn bản và điều hành công việc; 5.656 bộ chứng thư số cho tổ chức, cá nhân, trong đó 1.026 bộ chứng thư số cho tổ chức, 4.270 bộ chứng thư số cho cá nhân và 360 Sim PKI cho lãnh đạo của các sở, ban, ngành tỉnh. Riêng năm 2022 đã cấp mới 38 bộ chứng thư số cho tổ chức, 684 bộ chứng thư số cho cá nhân và 47 Sim PKI. * Hệ thống thư công vụ cấp được 13.624 hộp thư công vụ. Trong năm 2022 đã cấp mới 714 hộp thư cho tổ chức và cá nhận thuộc các cơ quan nhà nước. * Nền tảng Hệ thống thông tin báo cáo đồng bộ, chia sẻ với Hệ thống thông tin Báo cáo Chính phủ. * Nền tảng họp trực tuyến theo 04 cấp (trung ương, tỉnh, huyện và cấp xã). * Nền tảng Hệ thống thông tin, quản lý và điều hành vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt. * Nền tảng quản lý hệ thống camera giám sát điều hành giao thông (lắp đặt tại 17 nút giao thuộc địa bàn các huyện Long Thành, Nhơn Trạch, Trảng Bom và thành phố Biên Hòa). * Hệ thống quản lý, điều hành tủ đèn tín hiệu giao thông (lắp đặt tại 09 nút giao thuộc các huyện Long Thành, Nhơn Trạch và thành phố Biên Hòa). * Hệ thống camera giám sát các Cảng, bến thủy nội địa (58 camera). * Ban hành Kiến trúc ICT phát triển Đô thị thông minh tỉnh Đồng Nai. * Thí điểm 03 Trung tâm giám sát điều hành gồm: Trung tâm giám sát điều hành thông minh tỉnh Đồng Nai, Trung tâm điều hành thông minh thành phố Biên Hòa và Trung tâm điều hành thông minh thành phố Long Khánh. * Đang rà soát Danh mục dữ liệu mở. * Cơ sở dữ liệu nền như công dân, nhân hộ khẩu, đất đai, cán bộ công chức... Bước đầu hình thành cơ sở dữ liệu hạ tầng trên nền GIS với các lớp dữ liệu đất đai, môi trường, tài nguyên nước, khoáng sản... trên ứng dụng DNAI.LIS. * Bảo đảm an toàn thông tin theo 04 lớp; Hệ thống phòng chống mã độc tập trung; phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh. | | |
| **c)** | Tỷ lệ phủ sóng, hạ tầng băng rộng, bưu chính | | |
|  | * Hạ tầng viễn thông cố định băng thông rộng cáp quang đến 100% các ấp, tổ dân phố. * Có khoảng 3.500 trạm thu phát sóng thông tin di động 3G/4G, phủ sóng đến 100% khu dân cư, thôn/khu phố của các xã, phường * Hạ tầng Internet băng thông rộng phủ tới 100% cấp huyện và cấp xã trên địa bàn tỉnh. | | |
| **d)** | Khu công nghệ | | |
|  |  | | |
| **đ)** | Nền tảng số địa phương | | |
|  | * Ứng dụng Công dân số Đồng Nai CĐS | | |
| **e)** | Nhân lực số | | |
|  | * Thành lập 1.000 Tổ công nghệ số cộng đồng tại các ấp/khu phố với tổng số thành viên là 6.441; tổ chức 02 đợt tập huấn trực tuyến cho các thành viên Tổ với 7.402 người tham gia; mua và phát sách Cẩm nang chuyển đổi số cho 995 Tổ trưởng. * Tập huấn chuyển đổi số cho 912 cán bộ, công chức, viên chức; 894 cán bộ, công chức thuộc UBND các xã/phường thông qua Nền tảng mở đại trà; 02 công chức và 04 viên chức tham gia chương trình đào tạo và phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin; cử 01 cán bộ tham dự khóa đào tạo 100 chuyên gia về Chính phủ điện tử. * Tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức và trang bị kỹ năng cơ bản về an toàn thông tin cho cán bộ, công chức viên chức và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. | | |
| **g)** | Kinh tế số | | |
|  | * 10 Hội nghị, hội thảo phát triển kinh tế số về công nghệ số, sản phẩm OCOP, du lịch, chuyển đổi số, không tiền mặt, chữ ký số chuyên dùng Chính phủ. | | |
| **h)** | Xã hội số | | |
|  | * Tỷ lệ dân số có điện thoại thông minh đạt khoảng: 85.6%. * Cổng dịch vụ công cung cấp 1.457 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 (gồm 346 mức độ 3 và 1.111 mức độ 4; tích hợp 982 dịch vụ công trực tuyến (gồm 346 mức độ 3, 682 mức độ 4) lên Cổng dịch vụ công Quốc gia; tích hợp Cổng thanh toán trực tuyến đối với 276 thủ tục trực tuyến cấp sở có phát sinh phí, lệ phí và tích hợp thanh toán trực tuyến đối với 35 thủ tục cấp huyện. * Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ đạt 47%; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến cấp 03 cấp đạt 22,22%. * Ứng dụng thanh toán không dùng tiền mặt trong thanh toán viện phí tại 04 cơ sở y tế bằng thẻ One Card có tích hợp thông tin cá nhân bệnh nhân và mã số BHYT, tích hợp chức năng thanh toán; thanh toán qua máy POS tại phòng bệnh và qua các ví điện tử. * Ứng dụng “Đồng Nai CĐS” hiện đang thực hiện cài đặt, cấu hình và đưa ứng dụng lên chợ AppStore, Chplay và tiếp tục hoàn thành việc thu thập nguồn dữ liệu. * Hiển thị Bộ nhận diện, treo băng rôn, pano, đài, báo tuyên truyền ngày Chuyển đổi số quốc gia; xây dựng chuyên trang về Chuyển đổi số tại địa chỉ: <http://chuyendoiso.dongnai.gov.vn>, báo chí hơn 500 tin, bài; Đài truyền thanh 560 tin, bài; thời lượng 7.650 giờ; thực hiện 21 video clip về chuyển đổi số. | | |
|  | [**Tỉnh Đồng Tháp**](https://chinhphu.vn/thong-tin-tinh-thanh?city=1358) | Chưa báo cáo |  |
| **a)** | Thể chế | | |
|  |  | | |
| **b)** | Hạ tầng, dữ liệu số | | |
|  |  | | |
| **c)** | Tỷ lệ phủ sóng, hạ tầng băng rộng, bưu chính | | |
|  |  | | |
| **d)** | Khu công nghệ | | |
|  |  | | |
| **đ)** | Nền tảng số địa phương | | |
|  |  | | |
| **e)** | Nhân lực số | | |
|  |  | | |
| **g)** | Kinh tế số | | |
|  |  | | |
| **h)** | Xã hội số | | |
|  |  | | |
|  | [**Tỉnh Khánh Hòa**](https://chinhphu.vn/thong-tin-tinh-thanh?city=1359) |  |  |
| **a)** | Thể chế | | |
|  |  | | |
| **b)** | Hạ tầng, dữ liệu số | | |
|  |  | | |
| **c)** | Tỷ lệ phủ sóng, hạ tầng băng rộng, bưu chính | | |
|  |  | | |
| **d)** | Khu công nghệ | | |
|  |  | | |
| **đ)** | Nền tảng số địa phương | | |
|  |  | | |
| **e)** | Nhân lực số | | |
|  |  | | |
| **g)** | Kinh tế số | | |
|  |  | | |
| **h)** | Xã hội số | | |
|  |  | | |
|  | [**Tỉnh Kiên Giang**](https://chinhphu.vn/thong-tin-tinh-thanh?city=1360) | Báo cáo số 506/BC-UBND ngày 21/12/2022 |  |
| **a)** | Thể chế | | |
|  | * Nghị quyết số 22-NQ/TU ngày 08/6/2022 về Chuyển đổi số tỉnh Kiên Giang đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030; * Quyết định Kiện toàn và đổi tên Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử thành Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Kiên Giang; * Quy chế hoạt động, kế hoạch hoạt động năm 2022 và thành lập Tổ giúp việc của Ban Chỉ đạo; * Quy chế quản lý, sử dụng chứng thư số, chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trong cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; * Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Kiên Giang phiên bản 2.0; * Quyết định số 186/QĐ-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số; * Quyết định số 392/QĐ-BTTTT ngày 02/3/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt kế hoạch phát triển Nền tảng địa chỉ số Quốc gia gắn với bản đồ số tại tỉnh Kiên Giang năm 2022; * Kế hoạch hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và đào tạo, bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; * Kế hoạch triển khai Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; * Kế hoạch đào tạo, phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021 - 2025; * Kế hoạch thực hiện Đề án “Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức về an toàn thông tin giai đoạn 2021-2025” trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; * Kế hoạch thành lập Tổ Công nghệ số cộng đồng; * Chiến lược Chuyển đổi số tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2022-2025 và tầm nhìn đến năm 2030. | | |
| **b)** | Hạ tầng, dữ liệu số | | |
|  | * Trung tâm dữ liệu tỉnh vận hành các hệ thống thông tin dùng chung: Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu địa phương (LGSP) với 37 máy chủ ảo; Nền tảng giám sát an toàn thông tin (NSM, SIEM, SDM...) với 16 máy chủ ảo; Cổng dịch vụ công và Một cửa điện tử với 12 máy chủ ảo; Báo cáo chỉ số kinh tế xã hội (LRIS) với 08 máy chủ ảo; Thư điện tử công vụ với 06 máy chủ ảo; Cổng thông tin điện tử tỉnh và các trang thông tin điện tử thành phần với 04 máy chủ ảo; Phòng họp không giấy với 03 máy chủ ảo; Hệ thống thông tin địa lý (GIS) với 02 máy chủ ảo. * Trung tâm điều hành thông tin (IOC). * Triển khai nền tảng số hóa thủ tục và kết quả giải quyết thủ tục hành chính. * Nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tập trung (dữ liệu về hành chính công, y tế, giáo dục, truyền thông) kết nối đến trung tâm giám sát theo định hướng phát triển thành IOC. * Nghiên cứu ứng dụng nền tảng trợ lý ảo. * Hệ thống quản lý Văn bản và Hồ sơ công việc kết nối liên thông. * Hoàn thành chức năng đăng nhập một lần (SSO) cho hệ thống thư điện tử công vụ và Cổng Dịch vụ công của tỉnh. * Cổng dữ liệu số dùng chung kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu quốc gia. * Cơ sở dữ liệu về bảo hiểm xã hội; dịch kết nối bưu chính công ích; cơ sở dữ liệu doanh nghiệp; kết nối Hệ thống Tư pháp - Hộ tịch, Hệ thống Lý lịch tư pháp; dịch vụ cấp mã số cho các đơn vị có quan hệ ngân sách; cơ sở dữ liệu hộ kinh doanh cá thể; cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, xác thực định danh điện tử. * Xây dựng các cơ sở dữ liệu trên nền tảng bản đồ số (GIS), cụ thể: hạ tầng (giao thông, cấp nước, thoát nước, viễn thống, điện lực,...); quy hoạch - xây dựng (quy hoạch kiến trúc, xây dựng); kinh tế - văn hóa - xã hội - du lịch (kế hoạch đầu tư, công thương, khu công nghiệp, văn hóa - thể thao, du lịch, y tế, giáo dục, dân tộc);... * Triển khai xây dựng Trung tâm giám sát an toàn, an ninh mạng và điều hành các hệ thống thông tin tỉnh Kiên Giang – SOC. * Nền tảng hỗ trợ khám, chữa bệnh từ xa. | | |
| **c)** | Tỷ lệ phủ sóng, hạ tầng băng rộng, bưu chính | | |
|  | * Tổng số thuê bao điện thoại ước đạt 2.022.324 thuê bao; mật độ thuê bao điện thoại đạt 117,4 thuê bao/100 dân, trong đó thuê bao điện thoại cố định là 30.169 thuê bao, thuê bao điện thoại di động là 1.992.155 thuê bao. Tổng số thuê bao Internet là 1.585.247 thuê bao; mật độ thuê bao Internet đạt 92 thuê bao/100 dân, trong đó thuê bao Internet băng rộng cố định là 363.011 thuê bao, thuê bao Internet băng rộng di động là 1.222.236 thuê bao. * Có 2.472 trạm BTS. Trong đó, có 2.389 vị trí phát sóng 3G, 2.256 vị trí có phát sóng di động 4G, thí điểm 5G tại một số vị trí tại thành phố Phú Quốc, thành phố Rạch Giá. * Thẩm định vị trí để triển khai mới 255 các trạm phát sóng di động. | | |
| **d)** | Khu công nghệ | | |
|  |  | | |
| **đ)** | Nền tảng số địa phương | | |
|  | * Cổng thông tin hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Kiên Giang tại địa chỉ: http://hotrodoanhnghiep.kiengiang.gov.vn | | |
| **e)** | Nhân lực số | | |
|  | * 950 Tổ Công nghệ số cộng đồng với 5.807 Tổ viên; tập huấn cho 950 tổ công nghệ số cộng đồng với gần 3.000 thành viên tham gia tập huấn. * 70 cán bộ phụ trách công nghệ thông tin, trong đó 53 người cấp tỉnh và 17 người ở cấp huyện; có 06 thạc sĩ, 57 đại học, 02 cao đẳng và 05 trung cấp làm việc trong các cơ quan nhà nước; được tập huấn về chuyển đổi số; có 507/548 lãnh đạo Ủy ban nhân cấp xã, phường, thị trấn hoàn thành khóa học, đạt 92,5%; * Triển khai 22 lớp với hơn 1.050 đại biểu (trong đó: tổ chức 10 lớp tập huấn, hướng dẫn sử dụng hệ thống thông tin dùng chung với hơn 450 đại biểu; 10 lớp tập huấn ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số với hơn 600 đại biểu). * Tổ chức Hội thảo giải pháp thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt, Hội thảo nâng cao nhận thức về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức ngành Giáo dục, y tế và các sở ngành tỉnh 01 cuộc với 80 người tham dự. | | |
| **g)** | Kinh tế số | | |
|  | * Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 5,81%. * Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt 100%. * 100% doanh nghiệp đã triển khai hóa đơn điện tử; khai báo thuế điện tử; thanh toán không dùng tiền mặt qua hệ thống ngân hàng * Doanh thu lĩnh vực viễn thông ước đạt 2.657 tỷ đồng. * Có 5/26 cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn 03 thành phố (Rạch Giá, Phú Quốc, Hà Tiên) và 4/29 cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn các huyện thực hiện phương thức thanh toán không dùng tiền mặt | | |
| **h)** | Xã hội số | | |
|  | * Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 80%. * Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt 44,88%. * Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử đạt 2,19% (19.195 chữ ký số/878.051 tổng dân số trưởng thành). * Tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt 1,10%; * Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang đạt 59,93% (276.374 hộ/461.133 hộ); * Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa đạt trên 30%; * Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử (người dân cài đặt sổ sức khỏe điện tử) đạt 45% * Hơn 1.065 tin, bài và hơn 1.500 văn bản phản ánh các hoạt động, sự kiện kinh tế, chính trị, xã hội, công tác thông tin, tuyên truyền. * Chữ ký số chuyên dùng của Chính phủ đến thời điểm báo cáo có 2.927 chứng thư số được cấp (tăng 908 chứng thư số). Trong đó, có 2.470 chứng thư số của cá nhân và 457 chứng thư số của tổ chức. * Triển khai các chương trình phát triển văn hóa số, đào tạo kỹ năng số sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân. * 100% các cơ sở giáo dục triển khai công tác dạy và học từ xa, trong đó thử nghiệm chương trình đào tạo cho phép học sinh, sinh viên học trực tuyến tối thiểu 20% nội dung chương trình. * Sổ Liên lạc điện tử đã cung cấp cho 295 trường học với 122.990 tài khoản, 100% trường học ứng dụng các nền tảng dạy, học trực tuyến.... | | |
|  | [**Tỉnh Kon Tum**](https://chinhphu.vn/thong-tin-tinh-thanh?city=1361) | Báo cáo số 2448/BC-STTTT ngày 13/12/2022 | Kế hoạch số 3549/KH-UBND ngày 21/10/2022 |
| **a)** | Thể chế | | |
|  | * Kế hoạch số 604/KH-UBND ngày 4/3/2022 về triển khai Đề án "Xác định Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số" trên địa bàn tỉnh. * Kế hoạch số 902/KH-UBND ngày 31/3/2022 về Hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh. * Kế hoạch số 1164/KH-UBND ngày 22/4/2022 về triển khai nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số trên địa bàn tỉnh. * Kế hoạch số 1945/KH-UBND ngày 22/6/2022 về triển khai thực hiện “Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số” trên địa bàn tỉnh. * Văn bản số 2749/UBND-KGVX ngày 22/8/2022 về việc triển khai thử nghiệm Hệ thống giải đáp thông tin cho tổ chức, cá nhân giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh Kon Tum. * Văn bản số 4162/UBND-KGVX ngày 7/12/2022 về triển khai thúc đẩy, sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh * Kế hoạch số 3618/KH-UBND ngày 7/10/2021 về thực hiện Nghị định 47/2020/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh. * Kế hoạch số 3698/KH-UBND ngày 2/11/2022 về triển khai Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh. * Kế hoạch số 2751/KH-UBND ngày 22/8/2022 về thực hiện Đề án Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. * Kế hoạch số 3676/KH-UBND ngày 12/10/2021 về Phát triển doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. * Kế hoạch số 3716/KH-UBND ngày 15/10/2021 về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kon Tum chuyển đổi số. * Kế hoạch số 604/KH-UBND ngày 4/3/2022 về triển khai Đề án "Xác định Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số" trên địa bàn tỉnh. * Kế hoạch số 902/KH-UBND ngày 31/3/2022 về Hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh. * Kế hoạch số 877/KH-UBND ngày 29/03/2022 về Triển khai thực hiện Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025. | | |
| **b)** | Hạ tầng, dữ liệu số | | |
|  | * Mạng Truyền số liệu chuyên dùng cấp I và II đến 100% các đơn vị, cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh, huyện, xã. * Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. * Trung tâm Điều hành thông minh tỉnh tích hợp dữ liệu của 07 hợp phần. * Kho cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh, công bố 23 danh mục CSDL dùng chung của tỉnh; ban hành Quy chế quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu thuộc Cơ sở dữ liệu của tỉnh Kon Tum; Cổng dữ liệu mở của tỉnh. * Trục kết nối chia sẻ dữ liệu LGSP. * Hệ thống giám sát mã độc với 5528 máy tính cài đặt. * Trung tâm giám sát, điều hành, an toàn, an ninh mạng (SOC). * Có khoảng 35 HTTT (trong đó đã phê duyệt: 20 HTTT cấp độ 2, 02 HTTT cấp độ 3) | | |
| **c)** | Tỷ lệ phủ sóng, hạ tầng băng rộng, bưu chính | | |
|  | - Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang đạt 48,33%;   * 100% xã được phủ sóng 2G, 3G, 4G; hạ tầng mạng cáp quang phủ đến 100% xã và 97,7% số thôn được phủ sóng 4G. * Tỷ lệ hộ gia đình có cáp quang băng rộng là 48,33%. | | |
| **d)** | Khu công nghệ | | |
|  |  | | |
| **đ)** | Nền tảng số địa phương | | |
|  | * Ứng dụng Zalo để thực hiện tra cứu kết quả giải quyết hồ sơ TTHC (tra cứu mã hồ sơ, quét mã QR code qua Zalo...), cung cấp thông tin chỉ đạo điều hành, các thông tin về kinh tế -xã hội. * Hệ thống <https://etrace.kontum.vn>. | | |
| **e)** | Nhân lực số | | |
|  | * 64 công chức, viên chức chuyên trách về CĐS, 152 kiêm nhiệm. * Có 10/10 huyện, thành phố đã thành lập 566 Tổ công nghệ số cộng đồng với 2.519 thành viên tham gia. Tỷ lệ tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã và cấp thôn trên địa bàn tỉnh đạt 100%; được bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số. * Tổ chức bồi dưỡng kiến thức chuyển đổi số cho 114 đại biểu là cán bộ, công chức, viên chức của các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện; cấp xã trên địa bàn tỉnh và 05 lớp tập huấn về an toàn thông tin mạng, nhận diện thông tin xuyên tạc, giả mạo,… | | |
| **g)** | Kinh tế số | | |
|  | - Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động đạt trên 0,26% (không đạt).   * Hỗ trợ được 05 sản phẩm trên địa bản tỉnh truy xuất nguồn gốc bằng mã QR code. * Cập nhật xây dựng và bổ sung 20 sản phẩm OCOP cấp tỉnh tạo mã QR trực tuyến trên hệ thống <https://etrace.kontum.vn>. * Số doanh nghiệp đã đăng ký sử dụng dịch vụ hóa đơn điện tử đạt 100%. Trên 98% doanh nghiệp tham gia khai thuế điện tử và trên 98% doanh nghiệp tham gia sử dụng dịch vụ nộp thuế điện tử. | | |
| **h)** | Xã hội số | | |
|  | - Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh là 66,44%; tỷ lệ hộ gia đình có điện thoại thông minh là 79,79%.  - Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt 48,87%;  - Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 0.86%;  - Tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt trên 10,32%;  - Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 83,6%;   * Tỷ trọng thanh toán học phí, viện phí không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh là 38,7%. * Cung cấp 1.170 dịch vụ công toàn trình (dịch vụ công trực tuyến mức độ 4); 595 dịch vụ công trực tuyến một phần; tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia 1.289/1.765 TTHC của tỉnh (đạt 73.03%). * LGSP có 39.578 văn bản đi; 85427 văn bản đến; 6.252 lần trao đổi, gửi nhận dữ liệu Hệ thống thông tin quản lý hộ tịch và Lý lịch Tư pháp; 3117 yêu cầu trao đổi, gửi nhận dữ liệu Đăng ký doanh nghiệp; 91.921 yêu cầu trao đổi cấp mã số cho các đơn vị có quan hệ với ngân sách. | | |
|  | [**Tỉnh Lai Châu**](https://chinhphu.vn/thong-tin-tinh-thanh?city=1362) | Báo cáo số 2324/BC-STTTT ngày 19/12/2022 | Kế hoạch số 4201/KH-UBND ngày 08/11/2022 |
| **a)** | Thể chế | | |
|  | * Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 25/02/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chương trình chuyển đổi số tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030. * Quyết định số 983/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu phê duyệt Đề án “Chuyển đổi số tỉnh Lai Châu đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”. * Kế hoạch số 4201/KH-UBND ngày 08/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu Thực hiện "Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030" trên địa bàn tỉnh Lai Châu. * Kế hoạch số 1198/KH-UBND ngày 15/6/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Lai Châu, giai đoạn 2021 - 2025 và 2026 - 2030. * Kế hoạch số 3705/KH-UBND ngày 04/10/2022 về việc Hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn tỉnh Lai Châu năm 2022. | | |
| **b)** | Hạ tầng, dữ liệu số | | |
|  | * 18 cơ sở dữ liệu địa phương như: cán bộ, công chức, viên chức; công tác dân tộc; thông tin mộ và nghĩa trang liệt sĩ; đất đai huyện Phong Thổ, Sìn Hồ, Thành phố Lai Châu… * CSDL quốc gia và nhiều hệ thống thông tin khác để đáp ứng cho các công tác quản lý và phục vụ nhu cầu xã hội (Thuế, Tài chính, Hải quan, Đăng ký kinh doanh, Đất đai, Xây dựng, Quản lý phương tiện, cấp phép lái xe, hộ tịch, hộ chiếu…) và đang trong quá trình chia sẻ cho các địa phương. * Hệ thống quản lý truy xuất nguồn gốc các sản phẩm hàng hóa. * Phần mềm quản lý bệnh viện (HIS); cổng giám định bảo hiểm Y tế: https://gdbhyt.baohiemxahoi.gov.vn. | | |
| **c)** | Tỷ lệ phủ sóng, hạ tầng băng rộng, bưu chính | | |
|  | * Có khoảng 8.828 km cáp trong đó có khoảng 7.945 km cáp treo chiếm tỷ lệ khoảng 89,8%; 883 km cáp ngầm chiếm tỷ lệ khoảng 10,2%. * 855 vị trí cột thu phát sóng, bán kính phục vụ bình quân đạt 4,7 km/cột. * Trạm 2G chiếm tỷ lệ 28,7%, trạm 3G chiếm tỷ lệ 28,7% và trạm 4G chiếm tỷ lệ 42,6%. * 1842 thiết bị trạm thu phát sóng thông tin di động (trong đó trạm 2G: 529 trạm, 3G: 528 trạm, 4G: 785 trạm). * Sóng di động 2G/3G/4G đến 100% các xã, phường, thị trấn trong toàn tỉnh. * Tỷ lệ phủ sóng thông tin di động đến các thôn, bản của các nhà mạng gồm có: Tỷ lệ phủ sóng Vinaphone: 87%; Tỷ lệ phủ sóng Viettel: 98%; Tỷ lệ phủ sóng MobiFone: 42%; Tỷ lệ phủ sóng Vietnamobile: 8%, * 97 đài truyền thanh đạt tỉ lệ 92% xã, phường, thị trấn. | | |
| **d)** | Khu công nghệ | | |
|  |  | | |
| **đ)** | Nền tảng số địa phương | | |
|  |  | | |
| **e)** | Nhân lực số | | |
|  | * Bồi dưỡng, tập huấn cho các Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Lai Châu. | | |
| **g)** | Kinh tế số | | |
|  | * Đăng ký, thành lập mới 104 doanh nghiệp, 09 chi nhánh, 70 địa điểm kinh doanh và 01 Văn phòng đại diện. * 50% các nghiệp vụ ngân hàng cho phép khách hàng có thể thực hiện hoàn toàn trên môi trường số. * 78% người trưởng thành sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử. * 60% số lượng giao dịch của khách hàng được thực hiện thông qua các kênh số. * 60% tổ chức tín dụng có tỷ trọng doanh thu từ kênh số đạt từ 5% tổng doanh thu. * 37% quyết định giải ngân, cho vay đối với các khoản vay nhỏ lẻ, vay tiêu dùng của khách hàng cá nhân được thực hiện theo hướng số hóa, tự động. * 70% hồ sơ công việc được xử lý và lưu trữ trên môi trường số. * Số lượng tài khoản: 172.406 tài khoản; trong đó số lượng tài khoản mở theo phương thức điện tử eKYC: 12.816 tài khoản. Giao dịch qua Internet Banking có 18.090 giao dịch với giá trị 2.663 tỷ đồng; Giao dịch qua Mobile Banking có 9.842.023 giao dịch với giá trị 66.981 tỷ đồng. * Hỗ trợ 10 doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh xây dựng và vận hành, khai thác hiệu quả website thương mại điện tử; hỗ trợ 13 doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh sản phẩm tiêu biểu của tỉnh đăng ký tham gia "Gian hàng Việt trực tuyến" trên sàn thương mại điện tử và xuất khẩu qua thương mại điện tử xuyên biên giới. * đưa các sản phẩm OCOP của tỉnh lên sàn thương mại điện tử như: Posttmart.vn (sàn bưu điện), Voso.vn (Viettel) để quảng bá, giới thiệu, kết nối tiêu thụ và xuất khẩu, như: Chè, gạo, miến dong, dược liệu, mật ong, cá, đông trùng hạ thảo, sâm Lai Châu.... * Đào tạo nâng cao năng lực về chuyển đổi số, tập trung vào livestream bán hàng cho 50 doanh nghiệp, hợp tác xã; Hội thảo xúc tiến thương mại điện tử bán hàng cùng TikTok cho trên 160 doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh. * Tổ chức 01 hội nghị tập huấn về chiến lược Marketing thời 4.0. | | |
| **h)** | Xã hội số | | |
|  | * Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng thông rộng, cáp quang đạt 44,7%. * Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh 298.276 đạt 59,5%. * Đài truyền thanh không dây phủ sóng 90% số hộ gia đình. * Các cơ sở khám chữa bệnh đã thực hiện sử dụng CCCD thay thẻ hoặc sử dụng ứng dụng VssID. * Chỉ đạo các đơn vị chủ động tìm kiếm và ứng dụng sản phẩm, dịch vụ của các doanh nghiệp công nghệ giáo dục (Edutech); thanh toán học phí, các khoản thu bằng hình thức trực tuyến không dùng tiền mặt; kết nối phần mềm quản lý tài chính của cơ sở giáo dục với các nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt; triển khai Chương trình dạy và học về kỹ năng số và STEM/STEAM trong giáo dục phổ thông. | | |
|  | [**Tỉnh Long An**](https://chinhphu.vn/thong-tin-tinh-thanh?city=1363) | Báo cáo số 2784/BC-STTTT ngày 12/12/2022 | Kế hoạch số 1563/KH-UBND ngày 27/5/2022 |
| **a)** | Thể chế | | |
|  | * Kế hoạch số 856/KH-UBND ngày 21/3/2022 thực hiện Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Long An. * Quyết định số 2625/QĐ-UBND ngày 26/3/3022 về ban hành kế hoạch triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh Long An giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến năm 2030. * Chương trình số 930/CTr-UBND ngày 28/3/2022 triển khai Đề án xác định Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số, phát triển kinh tế số. * Chỉ thị số 637/CT-UBND ngày 04/3/2022 về việc triển khai sử dụng hóa đơn điện tử trên địa bàn tỉnh. * Kế hoạch số 1202/KH-UBND ngày 20/4/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai hóa đơn điện tử trên địa bàn tỉnh Long An. * Kế hoạch số 940/KH-UBND ngày 29/3/2022 thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Long An. * Kế hoạch số 1206/KH-UBND ngày 21/4/2022 hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh. * Kế hoạch số 1268/KH-UBND ngày 26/4/2022 Phát triển nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số trên địa bàn tỉnh Long An. * Kế hoạch số 1563/KH-UBND ngày 27/5/2022 về việc thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. * Kế hoạch số 3051/KH-UBND ngày 20/9/2021 về việc hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Long An. * Kế hoạch số 2909/KH-UBND ngày 26/09/2022 các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2022. | | |
| **b)** | Hạ tầng, dữ liệu số | | |
|  | * Cổng/Trang thông tin điện tử tỉnh Long An. * 01 hệ thống giám sát sâu rầy thông minh ở huyện Tân Thạnh ứng dụng bẫy y đèn thông minh. * Hệ thống tiếp nhận và xử lý phản ánh kiến nghị (<https://1022.longan.gov.vn>). * Hệ thống thông tin quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử người dân trên địa bàn tỉnh Long An. * Thuê phần mềm cổng DVC trực tuyến và phần cứng vận hành; Thuê cung cấp Cổng dịch vụ công trực tuyến. * Trung tâm dữ liệu tỉnh; hệ thống camera giám sát an ninh trật tự giao thông; nền tảng đô thị thông minh. * Xây dựng trung tâm giám sát điều hành thông minh (IOC). * Hệ thống ứng dụng công dân (eCitizen). * Trung tâm tích hợp dữ liệu Tỉnh ủy. * Hệ thống thu thập và giám sát an toàn thông tin tập trung. * Hệ thống hội nghị truyền hình. * Hệ thống đảm bảo an toàn thông tin cho cấp huyện và tương đương. | | |
| **c)** | Tỷ lệ phủ sóng, hạ tầng băng rộng, bưu chính | | |
|  | * Phát sóng thử nghiệm 05 trạm BTS 5G. | | |
| **d)** | Khu công nghệ | | |
|  |  | | |
| **đ)** | Nền tảng số địa phương | | |
|  | * Sàn giao dịch thương mại điện tử tỉnh (tradelongan.com). * Hệ thống kết nối cung cầu nông sản an toàn tỉnh Long An (<https://nongsanantoanlongan.vn>). * Web mua bán nông sản <https://htx.cooplink.com.vn>. * Nền tảng công dân số “Long An Số”, Tổng đài 1022 (qua đầu số 0272 1022). * “Chính quyền số tỉnh Long An”, tạo kênh Zalo OA cho 100% UBND cấp huyện, UBND cấp xã. | | |
| **e)** | Nhân lực số | | |
|  | * Thành lập 996 Tổ công nghệ số cộng đồng tại các ấp, khu phố thuộc 188/188 xã, phường, thị trấn với 5.324 thành viên; bồi dưỡng, tập huấn cho hơn 4.442 đại biểu thành viên của 996 Tổ. * Tổng số lao động trong các doanh nghiệp công nghệ số khoảng 4.737 người. * Tổng số lượng sinh viên đang theo học của ngành công nghệ thông tin, điện tử, viễn thông và thương mại điện tử là khoảng hơn 10.800 sinh viên. | | |
| **g)** | Kinh tế số | | |
|  | * Có 277 doanh nghiệp doanh nghiệp công nghệ số; trong đó có 51 doanh nghiệp sản xuất phần cứng, điện tử, 8 doanh nghiệp sản xuất phần mềm, 2 doanh nghiệp sản xuất nội dung số, 30 doanh nghiệp cung cấp dịch vụ CNTT và 186 doanh nghiệp kinh doanh, phân phối các sản phẩm, dịch vụ CNTT. * Xây dựng kế hoạch khảo sát, thống nhất nội dung tham gia Chương trình năng suất chất lượng, truy xuất nguồn gốc và sản phẩm quốc gia năm 2022 đối với 57 doanh nghiệp. * Có 56.067 tổ chức, cá nhân bán hàng với 8.012 sản phẩm được đăng ký bán trên sàn postmart và voso. Ngoài ra, có 180 gian hàng với 478 sản phẩm được trưng bày trên Sàn giao dịch thương mại điện tử tỉnh (tradelongan.com). * 1.761.000 tem điện tử truy xuất nguồn gốc bằng mã QR đối với 14 cơ sở đã được xác nhận chuỗi cung cấp thực phẩm an toàn; hỗ trợ 300.000 tem truy xuất nguồn gốc cho 43 sản phẩm đạt chuẩn OCOP. * 927 cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông, lâm, thủy sản đăng ký tài khoản, đưa sản phẩm lên Hệ thống kết nối cung cầu nông sản an toàn tỉnh Long An (<https://nongsanantoanlongan.vn>); * 119 cơ sở, HTX, doanh nghiệp đăng tải thông tin “Đăng ký mua – bán nông sản, hàng hóa” trên trang web <https://htx.cooplink.com.vn>. * 01 trung tâm thương mại, 7 siêu thị, 241 cửa hàng tiện ích trên địa bàn tỉnh đã triển khai thanh toán không dùng tiền mặt (bằng thẻ tín dụng, thẻ ATM) và có 8 chợ triển khai dịch vụ thanh toán Mobile Money. * Hội thảo thúc đẩy phát triển kinh doanh và chuyển đổi số thông qua hệ sinh thái xúc tiến thương mại (Decobiz) và sàn thương mại điện tử Alibaba.com (khoảng 50 doanh nghiệp, Hợp tác xã tham dự trực tiếp và hơn 100 doanh nghiệp đăng ký tham gia trực tuyến). * Hội nghị “Chuyển đổi số trong hoạt động thương mại - Yếu tố quyết định sự thành công cho các tổ chức trên địa bản tỉnh Long An”. * Tập huấn cho các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, hộ, cá nhân kinh doanh trên địa bàn tỉnh; tỷ lệ triển khai áp dụng hóa đơn điện tử đạt 100% theo kế hoạch đề ra. Ngoài ra, ngành Thuế đẩy mạnh triển khai ứng dụng Thuế điện tử (Tax Mobile) phục vụ giao dịch điện tử nộp thuế cá nhân. * Tọa đàm định hướng phát triển Vùng kinh tế công nghệ cao, ký kết các thỏa thuận ghi nhớ hợp tác với các doanh nghiệp công nghệ số; Hội thảo “Giải pháp chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Long An” với trên 200 doanh nghiệp tham gia trực tiếp và hơn 120 doanh nghiệp tham dự bằng hình thức trực tuyến; Hội thảo “Ứng dụng trí tuệ nhân tạo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Long An”. * 13/25 đơn vị đã triển khai thanh toán chi phí dịch vụ y tế không dùng tiền mặt; hơn 49.000 số lượng giao dịch trên hệ thống quản lý giáo dục của ngành (qlgd.longan.edu.vn) với số tiền hơn 29 tỷ đồng; tập huấn thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt cho các cơ sở giáo dục. | | |
| **h)** | Xã hội số | | |
|  | * Khoảng 87% người dân có điện thoại thông minh. * 1,6% dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân. * 90% người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản. * 85% hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang. * 80% người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản. * 6% dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến. * Chưa đến 1% dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa. * 86% người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử. * 67% các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở. * 90% các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở. * Truyền thông về chuyển đổi số, phổ cập, hiển thị bộ nhận diện Ngày Chuyển đổi số quốc gia 10/10 trên Trang/Cổng Thông tin điện tử của Sở, ban, ngành, địa phương, trên các bảng điện tử, màn hình công cộng, trên Trang điện tử Báo Long An. * Tiếp nhận trên 380 phản ánh, kiến nghị qua cổng 1022. * Có trên 19.300 lượt tải ứng dụng Long An Số. * 1.494.100 người/1.734.259 người, đạt tỷ lệ là 86,15% có hồ sơ sức khỏe điện tử. * 173/187 (đạt 93%) cơ sở KCB BHYT tra cứu thông tin thẻ BHYT bằng CCCD gắn chíp để thực hiện KCB BHYT, còn 15 cơ sở chưa thực hiện tra cứu thông tin thẻ bằng CCCD (TYT). Số lượng tra cứu là 54.425 thẻ và số lượng tra cứu thông tin thành công là 29.272 thẻ. * Có hơn 62.000 tài khoản đăng ký và sử dụng DVCTT. * Thu thập dữ liệu địa chỉ số hơn 406.000 địa chỉ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, cơ sở y tế, nhà hàng, khách sạn, hộ dân; hỗ trợ tạo tài khoản định danh xác thực PostID cho người dân để truy cập Cổng dịch vụ công quốc gia. * Triển lãm, trưng bày, giới thiệu các giải pháp, sản phẩm về chuyển đổi số, an toàn thông tin của các doanh nghiệp công nghệ số, đồng loạt có chính sách ưu đãi sử dụng sản phẩm, dịch vụ số thu hút hơn 1.000 người tham quan * Ra quân “Đội hình IT xanh” và Tổ công nghệ số cộng đồng tuyên truyền, hỗ trợ người dân sử dụng các nền tảng, dịch vụ số; Khối cơ quan ra quân ngày thứ Bảy tình nguyện hướng dẫn hơn 2.000 người dân đăng ký, sử dụng dịch vụ công trực tuyến; các chi đoàn Công an đến tận nhà làm căn cước công dân cho người cao tuổi, khó khăn trong di chuyển… | | |
|  | [**Tỉnh Lào Cai**](https://chinhphu.vn/thong-tin-tinh-thanh?city=1364) | Chưa báo cáo |  |
| **a)** | Thể chế | | |
|  |  | | |
| **b)** | Hạ tầng, dữ liệu số | | |
|  |  | | |
| **c)** | Tỷ lệ phủ sóng, hạ tầng băng rộng, bưu chính | | |
|  |  | | |
| **d)** | Khu công nghệ | | |
|  |  | | |
| **đ)** | Nền tảng số địa phương | | |
|  |  | | |
| **e)** | Nhân lực số | | |
|  |  | | |
| **g)** | Kinh tế số | | |
|  |  | | |
| **h)** | Xã hội số | | |
|  |  | | |
|  | [**Tỉnh Lâm Đồng**](https://chinhphu.vn/thong-tin-tinh-thanh?city=1365) | Báo cáo số 1315/BC-STTTT ngày 14/12/2022 |  |
| **a)** | Thể chế | | |
|  | * Kế hoạch số 831/KH-UBND ngày 04/02/2021 về thực hiện chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của tỉnh Lâm Đồng. * Kế hoạch 4865/KH-UBND ngày 04/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. | | |
| **b)** | Hạ tầng, dữ liệu số, bưu chính | | |
|  | * Hệ thống quản lý thu phí, lệ phí trong lĩnh vực thú y, chăn nuôi bằng phần mềm ứng dụng và thanh toán qua hóa đơn điện tử. * Đang xây dựng cơ sở dữ liệu nông sản tỉnh Lâm Đồng tại trang thông tin điện tử <https://nongsandalatlamdong.vn>, tuy nhiên nguồn dữ liệu mở chưa kết nối được với thông tin địa lý về nông sản Lâm Đồng. * Triển khai IPv6 và IPv4 dual stack cho hệ thống email công vụ của tỉnh và đã tiến hành gắn chứng nhận IPv6 ready logo. * Triển khai nền tảng IPv6 cho hệ thống trục liên thông của tỉnh giữa khối Đảng và khối chính quyền. * Triển khai mạng thực tế IPv6 và DNSSEC. * Trung tâm tích hợp dữ liệu có thể đảm đương được nhiệm vụ như một ISP thu nhỏ với việc cấp phát IPv4 và IPv6, tên miền, hosting… | | |
| **c)** | Tỷ lệ phủ sóng, hạ tầng băng rộng | | |
|  | * 100% xã có điểm phục vụ bưu chính có người phục vụ. * 100% các sở ban ngành, huyện, thành phố đã thực hiện chuyển giao tiếp nhận, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích. * 100% xã, phường, thị trấn đã được phủ sóng mạng băng rộng cáp quang, mạng di động 3G, 4G (độ phủ đạt 96% khu dân cư); * Thí điểm 05 điểm phát sóng 5G. | | |
| **d)** | Khu công nghệ | | |
|  |  | | |
| **đ)** | Nền tảng số địa phương | | |
|  | * Tỉnh Lâm Đồng có 12 sàn giao dịch TMĐT đã được Bộ Công Thương xác nhận; 01 sàn TMĐT là <https://dalatproducts.com/> hoạt động trong lĩnh vực nông sản. * Nhiều nền tảng được phát triển để phục vụ nhu cầu học tập, giải trí, đời sống của người dân như: ứng dụng liên lạc (Zalo, Viber, Facebook…); ứng dụng gọi xe, giao hàng (Grab, Vill…); ứng dụng phục vụ xem truyền hình (VTV Go, FPT Play, HTV Play…); Ứng dụng sức khỏe điện tử (VssID, sổ sức khỏe điện tử, …); ứng dụng phục vụ giáo dục (Mobiedu, Vnedu, K12online…); ứng dụng phục vụ mua sắm (Postmart.vn; voso.vn; Shopee; Lazada…), ứng dụng định danh điện tử (VNEID). | | |
| **e)** | Nhân lực số | | |
|  | * Thành lập 142/142 tổ (đạt 100%) tổ công nghệ số cộng đồng đơn vị cấp xã; tập huấn cho hơn 500 thành viên của tổ; tập huấn trực tuyến tuyến với 98 điểm cầu thu hút khoảng 1.000 học viên. * Tập huấn chuyên đổi số và ứng dụng một số dịch vụ số cho gần 200 học viên cán bộ chủ chốt Đoàn; 800 học viên các đơn vị khác. * Gần 500.000 lượt tương tác, tham gia đào tạo kỹ năng số thông qua các kênh tuyên truyền, phổ biến, đào tạo hướng dẫn như tổ công nghệ cộng đồng, cổng hành chính công Zalo, Đài Phát thành truyền hình, truyền thanh cơ sở, màn hình điện tử công cộng, ứng dụng thành phố thông minh. * 383 người; đăng ký 694 người tham gia khóa đào tạo kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho người dùng cuối trên nền tảng mở đại trà. * 10 nhân sự tham gia chương trình đào tạo và phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin; 40 CBCCVC ngành Thông tin và Truyền thông tham dự lớp đào tạo "Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030". | | |
| **g)** | Kinh tế số | | |
|  | * Có hơn 11.000 doanh nghiệp; trong đó, có hơn 8.000 doanh nghiệp đang hoạt động và kê khai thuế. Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử đạt 100%. * Khoảng 500 doanh nghiệp chiếm tỷ lệ 0,45% doanh nghiệp công nghệ số chủ yếu là doanh nghiệp kinh doanh mua bán thiết bị công nghệ thông tin, gia công phần mềm. * Thí điểm ứng dụng chi trả điện tử tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng cho 139 đơn vị là tổ chức và 1.186 hộ gia đình cộng đồng; chi trả 1.325 tài khoản điện tử giao dịch thông qua Ngân hàng Agribank và Viettelpay. * Số hộ sản xuất nông nghiệp được hỗ trợ lên sàn TMĐT là 74.069 hộ (74.021 postmart và 48 voso). Số hộ được đào tạo, tập huấn về kỹ năng số và kỹ năng hoạt động trên không gian mạng là 74.087 hộ (74.021 postmart và 66 voso). Số/loại sản phẩm được đưa lên sàn TMĐT là 809 Sản phẩm (728 postmart và 81 voso). Số lượng giao dịch 785 giao dịch (471 postmart và 314 voso.vn). * Cấp Giấy chứng nhận đăng ký mã số mã vạch (MSMV) cho 58 cơ sở sản xuất, kinh doanh hàng đặc sản Đà Lạt, mức hỗ trợ đăng ký MSMV và phí duy trì: 1.400.000 đồng/01 cơ sở; hỗ trợ phí duy trì MSMV 01 năm: 800.000 đồng/01 cơ sở cho 11 cơ sở đã có MSMV; tổ chức Hội nghị phổ biến các kiến thức cơ bản về mã số mã vạch, hướng dẫn áp dụng để truy xuất nguồn gốc và sử dụng MSMV cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh hàng đặc sản. * Hỗ trợ 10 doanh nghiệp nông sản xây dựng bộ thương hiệu trực tuyến (bao gồm: 10 website, hệ thống email, 10 fanpages trên facebook, 10 landing Page). * Tổ chức các hội nghị, hội thảo giao thương trực tuyến hỗ trợ xuất khẩu sản phẩm hàng hoá Lâm Đồng sang Trùng Khánh – Trung quốc, Singapore, sàn giao dịch điện tử Alibaba với hơn 70 doanh nghiệp tham gia… và tổ chức hội nghị kết nối doanh nghiệp với các sàn amazon, tiki; tổ chức tuần lễ sản phẩm Đà Lạt – Lâm Đồng trực tuyến - hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận người tiêu dùng thông qua sàn thương mại điện tử dalatproducts.com. * 08 sản phẩm OCOP đưa lên trang thương mại điện tử tỉnh Ninh thuận tại http://sanphamdiaphuong.com.vn/, gồm: Cà phê Arabica Cầu Đất, Ca cao hộp, đầu mắc ca, trà khổ qua, bông Atiso sấy khô, bí đỏ cấp đông, đậu cove cấp đông, cao atiso. * Thí điểm mô hình Chợ 4.0 tại chợ Đà Lạt | | |
| **h)** | Xã hội số | | |
|  | * Số lượng người dân sử dụng điện thoại smartphone là 782.250 người, đạt 59%. * Tỷ lệ thanh niên sử dụng điện thoại: 96,6% (trong đó có 84,6% sử dụng smartphone); sử dụng máy tính: 64,36%; sử dụng Internet: 92,24%. * Số lượng thẻ nội địa trên địa bàn tỉnh là 1,1 triệu thẻ chiếm 83% dân số tỉnh. Số thanh niên có tài khoản tại ngân hàng là 318.802 người chiếm 61% trong tổng số thanh niên từ 15 đến 39 tuổi. | | |
|  | [**Tỉnh Lạng Sơn**](https://chinhphu.vn/thong-tin-tinh-thanh?city=1366) | Báo cáo số 632/BC-UBND ngày 14/12/2022 | Kế hoạch số 131/KH-UBND ngày 06/6/2022 |
| **a)** | Thể chế | | |
|  | * Kế hoạch số 90/KH-UBND ngày 24/4/2022 về thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022 – 2025. * Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 26/4/2022 về thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030. * Kế hoạch số 100/KH-UBND ngày 28/4/2022 về thực hiện Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025. | | |
| **b)** | Hạ tầng, dữ liệu số | | |
|  | * Thí điểm Trung tâm thông tin chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh (IOC). * Thí điểm Trung tâm điều hành đô thị thông minh tại huyện Hữu Lũng. * Cổng thông tin dữ liệu đất đai tỉnh (datdai.langson.gov.vn). * Hệ thống <https://donthuocquocgia.vn/>. * 100% các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện kết nối với bệnh viện tuyến trên phục vụ khám chữa bệnh qua nền tảng công nghệ số. * Phần mềm quản lý bệnh viện, nhà trường. | | |
| **c)** | Tỷ lệ phủ sóng, hạ tầng băng rộng, bưu chính | | |
|  | * 58 vị trí trạm BTS, nâng tổng số vị trí trạm BTS hiện nay là 1.335 vị trí với 3.179 trạm (853 trạm 2G; 1.207 trạm 3G và 1.119 trạm 4G). Trong đó đã xoá trắng sóng được 55/128 thôn, xoá lõm sóng được 54/140 thôn). Đến thời điểm hiện tại còn 73/128 thôn bản trắng sóng, 86/140 thôn sóng yếu. | | |
| **d)** | Khu công nghệ | | |
|  |  | | |
| **đ)** | Nền tảng số địa phương | | |
|  | * Nền tảng Công dân số Xứ Lạng. * Trợ lý ảo “iSee Lạng Sơn”. * Nền tảng số cho ATM mềm. | | |
| **e)** | Nhân lực số | | |
|  | * 1.680 Tổ công nghệ số cộng đồng với 7.856 thành viên có kỹ năng số. * Thành lập 01 tổ công tác cấp tỉnh, 11 tổ công tác cấp huyện, 200 tổ công tác cấp xã và 1.676 tổ công tác cấp thôn thực hiện Đề án 06. | | |
| **g)** | Kinh tế số | | |
|  | * Trên 50% hộ gia đình có cửa hàng số cho người mua và người bán giao dịch trên nền tảng thương mại điện tử * 100% doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử. * 85% doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số (2.690/3.167 doanh nghiệp đang hoạt động). * Có 19.509 sản phẩm trên sàn thương mại điện tử, tăng 64,1% so với thời điểm 31/12/2021 có 11.889 sản phẩm, đứng thứ 02 toàn quốc; có 42.864 giao dịch thành công, tăng 372% so với thời điểm 31/12/2021 có 9.087 giao dịch thành công, đứng thứ 04 toàn quốc. * Có trên 60% hộ gia đình có cửa hàng số cho người mua và người bán giao dịch trên nền tảng thương mại điện tử. * Thực hiện 02 đề án thúc đẩy thương mại điện tử với tổng kinh phí là 300 triệu đồng. * 100% các bệnh viện tuyến tỉnh, Trung tâm Y tế huyện, thành phố triển khai thanh toán điện tử không dùng tiền mặt. | | |
| **h)** | Xã hội số | | |
|  | * 63,8%hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng. * 73,16% dân số trưởng thành có điện thoại di động thông minh. * 71% người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác. * 100% người dân và doanh nghiệp được Trợ lý ảo hỗ trợ thực hiện thủ tục hành chính, sử dụng dịch vụ công trực tuyến. * 100% các trường học có ứng dụng công nghệ số trong công tác dạy học và hoạt động quản lý. 50% trường học, cơ sở giáo dục sử dụng các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt để thanh toán học phí. * 100% các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện kết nối với bệnh viện tuyến trên phục vụ khám chữa bệnh qua nền tảng công nghệ số. 100% các bệnh viện tuyến tỉnh, Trung tâm Y tế huyện, thành phố triển khai thanh toán điện tử không dùng tiền mặt. Trên 90% người dân có Hồ sơ sức khỏe điện tử. * 99% hộ gia đình có địa chỉ số. * Thu nhận 656.696/664.213 hồ sơ cấp CCCD, đạt 98,9%. * Trợ lý ảo “iSee Lạng Sơn” hỗ trợ người dân và doanh nghiệp thực hiện 1.818 dịch vụ công trực tuyến của tỉnh. * Nền tảng số ATM mềm sẵn sàng cho 200 xã, phường, thị trấn; đã triển khai chính thức cho 80 điểm ATM của tỉnh (có đủ máy tính, két sắt, không gian). * Cài đặt được 515.293 tài khoản Nền tảng Công dân số Xứ Lạng, đạt 114,5% kế hoạch. * Có tổng số 279 phản ánh kiến nghị, trong đó 132 phản ánh kiến nghị đã xử lý; 76 phản ánh kiến nghị đang xử lý, từ chối xử lý 71 phản ánh kiến nghị (phản ánh kiến nghị rác). * Cung cấp thông tin dữ liệu đất đai minh bạch về quy hoạch, thông tin chi tiết của hơn của 2.279.176 thửa đất, có 70.576 lượt truy cập Cổng thông tin dữ liệu đất đai, 171.287 lượt giao dịch, 1.514 số tài khoản được mở. * Có 131.193/205.556 hộ gia đình có internet cáp quang, đạt 63,8%. * 92% người dân tỉnh Lạng Sơn có Hồ sơ sức khỏe điện tử. * 100% các đơn vị triển khai tiếp nhận công dân làm thủ tục khám, chữa bệnh bằng căn cước công dân, mặc dù hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia vẫn đang trong giai đoạn dần được hoàn thiện. 100% các bệnh viện tuyến tỉnh, Trung tâm Y tế huyện thành phố có hệ thống quản lý bệnh viện. 100% Trạm y tế xã, phường, thị trấn sử dụng phần mềm quản lý bệnh viện. * 674/674 trường đang sử dụng phần mềm quản lý nhà trường; 100% các trường THCS, THPT đều có giáo viên được tập huấn, bồi dưỡng về giáo dục STEM. * Thí điểm phát triển giáo dục STEM ở cấp tiểu học có 05/252 trường (1,98%), 134/3.297 lớp (4,06%), 5.722/75.371 học sinh (7,6%); đối với cấp THCS có 05/224 trường (2,2% số trường), 97/1.598 lớp (6,1% số lớp), 3.675/48.787 (7,5% số học sinh); đối với cấp THPT có 5/30 trường (16,7% số trường), 140/644 lớp (21,7% số lớp), 4.939/23.079 học sinh (21,4% số học sinh). | | |
|  | [**Tỉnh Nam Định**](https://chinhphu.vn/thong-tin-tinh-thanh?city=1367) | Báo cáo số 235/BC-STTTT ngày 12/12/2022 | Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 05/8/2022 |
| **a)** | Thể chế | | |
|  | - Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 05/8/2022 về Thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Nam Định  - Kế hoạch số 41/KH-BCĐ ngày 31/5/2022 về Chuyển đổi số tỉnh Nam Định năm 2022  - Kế hoạch số 81/KH-UBND ngày 15/6/2022 về phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh Nam Định, giai đoạn 2022-2025  - Kế hoạch 97/KH-UBND ngày 15/7/2022 về triển khai thúc đẩy phát triển thương mại điện tử tỉnh Nam Định dựa trên Nền tảng sàn thương mại điện tử năm 2022  - Kế hoạch số 100/KH UBND ngày 22/7/2022 về tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh năm 2022;  - 100% sở, ngành, UBND huyện, thành phố ban hành kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 15/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XX về chuyển đổi số tỉnh Nam Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;  - 100% các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố đã ban hành Kế hoạch xây dựng, phát triển chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số hàng năm và cả giai đoạn 2021-2025; | | |
| **b)** | Hạ tầng, dữ liệu số | | |
|  | - Cổng dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.namdinh.gov.vn triển khai đến 100% các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố và 226 xã, phường, thị trấn; niêm yết công khai 1.723 TTHC; cung cấp 1.678 DVC trực tuyến/ 1.723 TTHC của tỉnh; tích hợp, kết nối và cung cấp 1.213 DVC trực tuyến, 655.638 hồ sơ TTHC của tỉnh được đồng bộ trên Cổng dịch vụ công Quốc gia.  - Hệ thống quản lý, theo dõi, đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đối với các Sở, ngành và UBND các huyện, thành phố.  - Cổng thông tin điện tử của tỉnh: 100% các sở, ngành, 10 huyện, thành phố và 226 xã, phường, thị trấn đã có Cổng/Trang TTĐT hoạt động ổn định, thông tin được cập nhật đầy đủ kịp thời, đúng quy định.  - Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến.  - Hệ thống thư điện tử công vụ.  - Phần mềm quản lý văn bản và điều hành: 100% các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố và 226 xã, phường, thị trấn đã sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành trong điều hành, giải quyết công việc.  - 100% cơ quan nhà nước 3 cấp của tỉnh và 100% cơ Đảng thuộc Tỉnh ủy, 100% các tổ chức đoàn thể và 10 Huyện ủy, Thành ủy được cấp chữ ký số chuyên dùng Chính phủ; cấp, bàn giao, hướng dẫn sử dụng chữ ký số cho 648 tổ chức, 4.630 cá nhân thuộc UBND tỉnh, các sở, ngành của tỉnh, UBND các huyện, thành phố và UBND xã, phường, thị trấn.  - Hệ thống thông tin báo cáo tại địa chỉ baocao.namdinh.gov.vn hoàn thành tạo tài khoản, tập huấn hướng dẫn sử dụng, hỗ trợ kỹ thuật trực tiếp đến 100% cơ quan hành chính nhà nước 3 cấp (cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã).  - Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu LGSP kết nối với nhiều hệ thống CSDL của Trung ương.  - Xây dựng các phần mềm phục vụ việc tạo lập, cập nhật các cơ sở dữ liệu, như: Cơ sở dữ liệu kinh tế - xã hội tích hợp trong Hệ thống báo cáo của tỉnh; Cơ sở dữ liệu quản lý cán bộ công chức; Cơ sở dữ liệu quản lý giống cây trồng; Cơ sở báo cáo thống kê ngành thông tin và truyền thông; cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực văn hóa, thông tin; cơ sở dữ liệu thi đua, khen thưởng trong lĩnh giáo dục của tỉnh,…  - Kho dữ liệu điện tử cá nhân của công dân trên Cổng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hệ thống một cửa điện tử của tỉnh.  - Mạng truyền số liệu chuyên dùng của của tỉnh được mở rộng với 371 điểm.  - Trung tâm tích hợp dữ liệu; Hệ thống giám sát an toàn thông tin mạng (SOC). | | |
| **c)** | Tỷ lệ phủ sóng, hạ tầng băng rộng, bưu chính | | |
|  |  | | |
| **d)** | Khu công nghệ | | |
|  |  | | |
| **đ)** | Nền tảng số địa phương | | |
|  | - Kênh OAZalo của Cổng cung cấp dịch vụ công trực tuyến. | | |
| **e)** | Nhân lực số | | |
|  | - Xây dựng đội ngũ nhân lực nòng cốt triển khai thực hiện Chuyển đổi số của tỉnh gồm 281 thành viên là cán bộ công chức của các cơ quan nhà nước 3 cấp của tỉnh đến cấp xã.  - Thành lập 2.160 Tổ công nghệ số cộng đồng/2.160 Thôn, Xóm, Tổ dân phố (đạt tỷ lệ 100%) với tổng số lượng thành viên là 10.557 người.  - 100% các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố đã thành lập Ban chỉ đạo về chuyển đổi số ở cơ quan, đơn vị, địa phương. | | |
| **g)** | Kinh tế số | | |
|  | - Cổng dịch vụ công trực tuyến: có hơn 6,1 triệu lượt truy cập; 100% hồ sơ TTHC của người dân, doanh nghiệp được các cơ quan nhà nước 3 cấp của tỉnh tiếp nhận, giải quyết công khai; tiếp nhận 256.134 hồ sơ trực tuyến trực tuyến; tiếp nhận, xử lý và giải quyết theo đúng quy định 14.215 TTHC, 58 phản ánh, kiến nghị của người dân và doanh nghiệp từ Cổng dịch vụ công Quốc gia; Tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn trên Cổng đạt 99,9%; 32.736 hồ sơ TTHC của người dân và doanh nghiệp phát sinh thanh toán trực tuyến với tổng số tiền thực hiện thanh toán trực tuyến phí, lệ phí là gần 1 tỷ đồng. Tổng số thực hiện thanh toán trực tuyến nghĩa vụ thuế về đất đai là hơn 14 tỷ đồng. Có gần 100 nghìn hồ sơ TTHC được trả kết quả bằng văn bản điện tử. Cổng đã gửi 713.971 nhắn tin (SMS) thông báo tình hình giải quyết TTHC đến thuê bao điện thoại di động của người dân để thông báo tình hình giải quyết TTHC.  - Bình quân hàng tháng có gần 8.000 văn bản sử dụng chữ ký số của các cơ quan nhà nước ở 3 cấp (cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã) được xử lý trên phần mềm Quản lý văn bản và điều hành.  - Cấp được 168 Sim PKI cho các đồng chí lãnh đạo UBND tỉnh, Giám đốc, Phó Giám đốc các sở, ngành và Chủ tịch, Phó chủ tịch UBND huyện thành phố. | | |
| **h)** | Xã hội số | | |
|  | - Cổng TTĐT: 100% thông tin chỉ đạo điều hành, văn bản QPPL, văn bản CĐĐH,… của tỉnh, của các cơ quan nhà nước được cập nhật thường xuyên, kịp thời. Đã cập nhật được 10.153 tin bài, văn bản tài liệu trên cổng, luôn duy trì việc cập nhật trên 500 tin bài, văn bản trong 1 tháng. Đến nay Cổng đã có gần 28 triệu lượt người truy cập.  - Tổ chức 09 hội nghị về chuyển đổi số cho các cơ quan, đơn vị (phát triển Đô thị thông minh; thương mại điện tử; doanh nghiệp; Nông nghiệp và phát triển nông thôn; Y tế; Giáo dục và đào tạo; tài nguyên môi trường; đội ngũ làm công tác tham mưu thực hiện chuyển đổi số; Tổ công nghệ số cộng đồng). Tổng số lượng đại biểu tham dự trực tiếp tại các điểm cầu là 22.780 người, số lượng người tham dự trực tiếp trên Nền tảng số Cốc Cốc, các nền tảng Mạng xã hội là hơn 40.000 lượt người. Dự kiến đến hết tháng 12/2022 sẽ hoàn thành việc tổ chức thêm 02 hội nghị cho các cơ quan, đơn vị (gồm các hội nghị: Chuyển đổi số ngành tài nguyên môi trường và hội nghị cho đội ngũ làm công tác tham mưu thực hiện chuyển đổi số của tỉnh).  - Đào tạo về Chuyển đổi số xã cho 230 đồng chí lãnh đạo UBND 226 xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh trên nền tảng học trực tuyến mở Onetouch.  - Xây dựng 09 phóng sự phim phát trên sóng truyền hình NTV Nam Định, Truyền hình TTXVN, Truyền hình VOV, Truyền hình Nhân Dân,… và hơn 40 tin bài, phóng sự đăng trên Báo Nam Định và các báo điện tử của TTXVN, Vietnamnet, VOV, ICTVietNam,… về chuyển đổi số. | | |
|  | [**Tỉnh Nghệ An**](https://chinhphu.vn/thong-tin-tinh-thanh?city=1368) | Báo cáo số 893/BC-UBND ngày 15/12/2022 |  |
| **a)** | Thể chế | | |
|  | * Kế hoạch số 586/KH-UBND ngày 22/8/2022 của UBND tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Nghệ An đến năm 2025. * Quyết định số 3624/QĐ-UBND ngày 05/10/2021 về việc ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Nghệ An. * Kế hoạch số 774/KH-UBND ngày 08/11/2022 về việc triển khai thực hiện Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030. * Kế hoạch số 605/KH-UBND ngày 31/8/2022 về thực hiện Chương trình Chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. * Kế hoạch số 400/KH-UBND ngày 21/7/2021 về phát triển thương mại điện tử tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025. * Kế hoạch số 536/KH- UBND ngày 25/7/2022 về truyền thông đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử. * Nghị quyết số 178-NQ/CB ngày 16/3/2022 về đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch tỉnh Nghệ An. * Kế hoạch số 239/KH-SDL ngày 25/02/2022 về thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin năm 2022. | | |
| **b)** | Hạ tầng, dữ liệu số | | |
|  | * Các lĩnh vực hạ tầng trọng điểm đang được được tỉnh số hóa và thông minh hóa như bưu chính, viễn thông, điện, thương mại, giáo dục và đào tạo, khoa học công nghệ, y tế, văn hóa, thể thao, du lịch); nâng cao năng lực Logistics Nghệ An. * Phần mềm, nền tảng dùng chung triển khai liên thông với các nền tảng dùng chung Trung ương như: Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, thư điện tử công vụ, Cổng thông tin điện tử; hệ thống thông tin phục vụ Đề án 06. * Cơ sở dữ liệu các ngành, lĩnh vực quan trọng như: giáo dục và đào tạo, y tế, lao động, thương binh và xã hội, tư pháp, văn hóa và thể thao, du lịch, nội vụ, nông nghiệp, công thương... * Hệ thống thu thập, thẩm định và chia sẻ dữ liệu tỉnh Nghệ An, hưởng tới hình thành cổng dữ liệu mở của tỉnh. * Phần mềm quản lý khám chữa bệnh và thanh toán bảo hiểm y tế, * Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành các cấp học để kết nối liên thông đến địa chỉ csdl.moet.gov.vn. * Hệ thống “Quản lý học tập trực tuyến” tại 1.409/1.491 trường, đạt tỷ lệ 95%. * Thí điểm triển khai trung tâm điều hành đô thị thông minh tỉnh Nghệ An và 03 huyện, thị gồm: Thành phố Vinh, thị xã Cửa Lò, thị xã Hoàng Mai. | | |
| **c)** | Tỷ lệ phủ sóng, hạ tầng băng rộng, bưu chính | | |
|  | * 100% các xã đã được phủ sóng internet 4G/cáp quang; 95% dân số được phủ sóng internet 4G; 100% xã có điểm phục vụ bưu chính có người phục vụ; | | |
| **d)** | Khu công nghệ | | |
|  |  | | |
| **đ)** | Nền tảng số địa phương | | |
|  | * Sàn thương mại điện tử 37nghean.com. * Cổng thông tin du lịch thông minh visitnghean.com. | | |
| **e)** | Nhân lực số | | |
|  | * Tổ chức 23 lớp tập huấn về chính quyền số cho cán bộ công chức, viên chức của 460 xã, phường, thị trấn; 01 lớp đào tạo kiến thức chuyên sâu về an toàn thông tin cho cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin của các sở, ngành, địa phương xen kẽ với 01 đợt diễn tập ứng cứu sự cố công nghệ thông tin và an toàn thông tin; tổ chức 02 lớp cho cán bộ lãnh đạo và 02 lớp cho cán bộ công chức các kiến thức cơ bản về an toàn thông tin (Số lượng CBCC đã đào tạo tập huấn: Lãnh đạo cấp tỉnh: 30; CBCC các sở, ban, ngành: 60; CBCC cấp huyện: 90; CBCC cấp xã: 920). | | |
| **g)** | Kinh tế số | | |
|  | * Tổ chức truyền thông, khuyến khích các doanh nghiệp, cá nhân tăng cường sử dụng các nền tảng số quốc gia, các nền tảng số do doanh nghiệp phát triển phục vụ quản lý, sản xuất, nghe nhìn, học tập, buôn bán sản phẩm hàng hóa,... điển hình như các nền tảng bán hàng trực tuyến (sàn TMĐT, Zalo, Facebook, Trang TTĐT,...); phần mềm kế toán Misa; các phần mềm quản lý nhà hành, cửa hàng,... * Mobile Money đã triển khai đến 100% các xã. * Hầu hết các doanh nghiệp ở khu vực thành thị và một số ở địa bàn nông thôn đã sử dụng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt, phổ biến là qua tài khoản ngân hàng, ví điện tử. * Đang triển khai dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh; thúc đẩy các trường học, cơ sở y tế tăng cường thanh toán không dùng tiền mặt. * Các khách sạn lớn trên địa bàn tỉnh Nghệ An, nhất là ở thành phố Vinh và thị xã Cửa Lò đều triển khai dịch vụ đặt phòng qua Website. * Thí điểm xây dựng mô hình chuyển đổi số cho 03 xã, trong đó thí điểm triển khai một số nội dung về kinh tế số, xã hội số cấp xã. | | |
| **h)** | Xã hội số | | |
|  | * Có khoảng 85% người dân trong độ tuổi lao động có sử dụng điện thoại thông minh, biết sử dụng các nền tảng căn bản để khai thác, trao đổi thông tin, học tập; * Số liệu thuê bao Mobile Money đạt 11% tổng số thuê bao trên toàn tỉnh (khoảng 300.000 thuê bao). * Triển khai phần mềm quản lý khám chữa bệnh và thanh toán bảo hiểm y tế tại tất cả các cơ sở khám chữa bệnh; 03 bệnh viện ứng dụng thành công Bệnh án điện tử; 100% đơn vị khám chữa bệnh tuyến tỉnh, tuyến huyện và các bệnh viện ngoài công lập ứng dụng hệ thống hội chẩn trực tuyến từ xa và triển khai dự án khám chữa bệnh từ xa cho 15 đơn vị. * Triển khai các phần mềm dạy học trực tuyến; phần mềm học bạ, phần mềm thu học phí, ..., đang nghiên cứu triển khai chữ ký số cho giáo viên tại các trường học. * Tập trung xây dựng, quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu ngành các cấp học để kết nối liên thông đến địa chỉ csdl.moet.gov.vn. Sở Giáo dục và Đào tạo đã triển khai hệ thống “Quản lý học tập trực tuyến” tại 1.409/1.491 trường, đạt tỷ lệ 95% các trường học trên địa bàn ứng dụng công nghệ thông tin về quản lý nhà trường, đáp ứng yêu cầu tin học hoá trong quản lý cho ngành giáo dục. * Các khoản chi trả an sinh xã hội đã được các đơn vị chi trả qua dịch vụ thẻ ngân hàng (lương hưu, trợ cấp xã hội,...). | | |
|  | [**Tỉnh Ninh Bình**](https://chinhphu.vn/thong-tin-tinh-thanh?city=1369) | Chưa báo cáo |  |
| **a)** | Thể chế | | |
|  |  | | |
| **b)** | Hạ tầng, dữ liệu số | | |
|  |  | | |
| **c)** | Tỷ lệ phủ sóng, hạ tầng băng rộng, bưu chính | | |
|  |  | | |
| **d)** | Khu công nghệ | | |
|  |  | | |
| **đ)** | Nền tảng số địa phương | | |
|  |  | | |
| **e)** | Nhân lực số | | |
|  |  | | |
| **g)** | Kinh tế số | | |
|  |  | | |
| **h)** | Xã hội số | | |
|  |  | | |
|  | [**Tỉnh Ninh Thuận**](https://chinhphu.vn/thong-tin-tinh-thanh?city=1370) | Chưa báo cáo |  |
| **a)** | Thể chế | | |
|  |  | | |
| **b)** | Hạ tầng, dữ liệu số | | |
|  |  | | |
| **c)** | Tỷ lệ phủ sóng, hạ tầng băng rộng, bưu chính | | |
|  |  | | |
| **d)** | Khu công nghệ | | |
|  |  | | |
| **đ)** | Nền tảng số địa phương | | |
|  |  | | |
| **e)** | Nhân lực số | | |
|  |  | | |
| **g)** | Kinh tế số | | |
|  |  | | |
| **h)** | Xã hội số | | |
|  |  | | |
|  | [**Tỉnh Phú Thọ**](https://chinhphu.vn/thong-tin-tinh-thanh?city=1371) | Báo cáo số 279/STTTT-CNTT ngày 14/12/2022 |  |
| **a)** | Thể chế | | |
|  | * Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 21/3/2022 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Phú Thọ; * Quyết định số 2478/QĐ-UBND ngày 21/9/2022 về việc ban hành mã định danh điện tử của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; * Quyết định số 2963/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 của UBND tỉnh về việc Ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ Chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước tỉnh Phú Thọ; * Kế hoạch số 1906/UBND-KGVX ngày 27/5/2022 về Nâng cao hiệu quả hoạt động cung cấp thông tin trên cổng/trang thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2022 - 2025; * Kế hoạch số 2050/KH-UBND ngày 03/6/2022 của UBND tỉnh về Chuyển đổi số tỉnh Phú Thọ năm 2022; * Kế hoạch số 3442/KH-UBND ngày 06/9/2022 của UBND tỉnh về Nâng cao hoạt động dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2022-2025. * Kế hoạch số 3692/KH-UBND ngày 22/9/2022 của UBND tỉnh về truyền thông ngày Chuyển đổi số Quốc gia năm 2022 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ; * Kế hoạch số 3927/KH-UBND ngày 05/10/2022 của UBND tỉnh về phát triển hạ tầng số tỉnh Phú Thọ đến năm 2025; * Kế hoạch số 84/KH-STTTT ngày 30/11/2022 của Sở Thông tin và Truyền thông về việc Thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Phú Thọ. | | |
| **b)** | Hạ tầng, dữ liệu số | | |
|  | * Hệ thống TeleHealth hội chẩn, tư vấn, hỗ trợ khám chữa bệnh từ xa; liên thông kê đơn thuốc điện tử của cơ sở khám chữa bệnh và cơ sở bán lẻ thuốc với phần mềm Quản lý Dược Quốc gia. * Cơ sở dữ liệu dùng chung ngành giáo dục và đào tạo. | | |
| **c)** | Tỷ lệ phủ sóng, hạ tầng băng rộng, bưu chính | | |
|  |  | | |
| **d)** | Khu công nghệ | | |
|  |  | | |
| **đ)** | Nền tảng số địa phương | | |
|  |  | | |
| **e)** | Nhân lực số | | |
|  | * Thành lập 1.564 Tổ công nghệ số cộng đồng với 7.454 thành viên tại 13/13 huyện, thành, thị | | |
| **g)** | Kinh tế số | | |
|  | * Có 268 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực CNTT, điện tử viễn thông. Tổng giá trị xuất khẩu các sản phẩm điện tử, máy tính và linh kiện đạt trên 6,2 tỷ USD. * 100% các cơ quan, đơn vị đã phát sinh hồ sơ thanh toán không dùng tiền mặt. Có 89.397 hồ sơ thực hiện thanh toán trực tuyến phí lệ phí qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh, tổng số tiền thu được là 37,7 tỷ đồng; 7.879 hồ sơ thực hiện thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính trong thực hiện thủ tục đất đai qua Cổng dịch vụ công quốc gia, tổng số tiền thu được là: 33,2 tỷ đồng. * 100% doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử, xử lý trên 3 triệu hóa đơn điện tử; * Trên 500 gian hàng của các doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh đăng ký cung cấp sản phẩm trên sàn thương mại điện tử với tổng số 1.100 sản phẩm hàng hóa, dịch vụ. Có trên 6 triệu lượt truy cập các sàn giao dịch thương mại điện tử (Postmart.vn, Voso.vn; giaothuong.net.vn...). * 100% cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện, cấp đã mở tài khoản ngân hàng. | | |
| **h)** | Xã hội số | | |
|  | * Có 12 đơn vị khám chữa bệnh triển khai bệnh án điện tử. * Trên 500 tin bài chuyên mục Chuyển đổi số trên báo điện tử và báo in; trên 200 lượt tin, bài phát sóng tiểu mục “Chuyển đổi số tỉnh Phú Thọ” trong chương trình Thời sự; đăng tải trên 100 văn bản, 120 tin bài, 08 video trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh; tổ chức tuyên truyền trên Fanpage Thông tin và Truyền thông. | | |
|  | [**Tỉnh Phú Yên**](https://chinhphu.vn/thong-tin-tinh-thanh?city=1372) | Chưa báo cáo |  |
| **a)** | Thể chế | | |
|  |  | | |
| **b)** | Hạ tầng, dữ liệu số | | |
|  |  | | |
| **c)** | Tỷ lệ phủ sóng, hạ tầng băng rộng, bưu chính | | |
|  |  | | |
| **d)** | Khu công nghệ | | |
|  |  | | |
| **đ)** | Nền tảng số địa phương | | |
|  |  | | |
| **e)** | Nhân lực số | | |
|  |  | | |
| **g)** | Kinh tế số | | |
|  |  | | |
| **h)** | Xã hội số | | |
|  |  | | |
|  | [**Tỉnh Quảng Bình**](https://chinhphu.vn/thong-tin-tinh-thanh?city=1373) | Báo cáo số 5100/VPUBND-KSTT ngày 09/12/2022 | Kế hoạch số 1141/KH-UBND ngày 28/6/2022 |
| **a)** | Thể chế | | |
|  | * Kế hoạch số 2078/KH-UBND ngày 24/9/2021 của UBND tỉnh Quảng Bình về phát triển doanh nghiệp công nghệ số tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; * Kế hoạch số 163/KH-UBND ngày 09/02/2022 của UBND tỉnh Quảng Bình về thực hiện chuyển đổi số tỉnh Quảng Bình năm 2022; * Kế hoạch số 434/KH-UBND ngày 21/3/2022 của UBND tỉnh Quảng Bình thực hiện Đề án “Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại giai đoạn 2022 - 2030 tỉnh Quảng Bình”; * Kế hoạch số 501/KH-UBND ngày 31/3/2022 của UBND tỉnh Quảng Bình về hỗ trợ hộ sản xuất nông nghiệp tham gia sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn tỉnh Quảng Bình năm 2022; * Kế hoạch số 698/KH-UBND ngày 28/4/2022 của UBND tỉnh Quảng Bình về chuyển đổi số giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 để thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 31/3/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Bình; * Kế hoạch số 892/KH-UBND ngày 25/5/2022 của UBND tỉnh Quảng Bình về hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; * Kế hoạch số 1011/KH-UBND ngày 10/6/2022 của UBND tỉnh Quảng Bình triển khai thúc đẩy ứng dụng Nền tảng số quản trị và kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; * Kế hoạch số 1049/KH-UBND ngày 17/6/2022 của UBND tỉnh Quảng Bình triển khai thực hiện Đề án “Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức về an toàn thông tin giai đoạn 2021 - 2025” trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; * Kế hoạch số 1509/KH-UBND ngày 19/8/2022 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc triển khai thực hiện Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; * Kế hoạch số 1975/KH-UBND ngày 25/10/2022 của UBND tỉnh Quảng Bình thực hiện Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” tại tỉnh Quảng Bình. | | |
| **b)** | Hạ tầng, dữ liệu số | | |
|  | * Cổng thông tin điện tử tỉnh, 58 trang thông tin điện tử thành phần của cơ quan cấp tỉnh, 08 UBND cấp huyện, 151 UBND cấp xã. * Cổng dịch vụ công/hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh; 848/870 thủ tục hành chính được cung cấp bằng hình thức DVCTT, đạt tỷ lệ 97,5%; trong đó: 811/818 TTHC cung cấp DVCTT toàn trình, đạt tỷ lệ 99,1%; 37/52 TTHC cung cấp DVCTT một phần, đạt tỷ lệ 71,2%. Tỷ lệ DVCTT do tỉnh xây dựng được tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia đạt 100%. * Đã cung cấp 23/25 dịch vụ công thiết yếu theo Đề án 06. * Ứng dụng các hệ thống phần mềm, cơ sở dữ liệu chuyên ngành như: các phần mềm quản lý cầu - đường, quản lý đăng kiểm xe ô tô, quản lý tàu sông, quản lý giấy phép lái xe, quản lý phương tiện thông qua thiết bị giám sát hành trình, quản lý tài sản đường bộ, quản lý tài sản đường thủy… (Sở Giao thông Vận tải); các phần mềm dữ liệu VNFI SHBASE, giám sát tàu cá, quản lý giống, thức ăn, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản, theo dõi diễn biến rừng tích hợp dữ liệu bản đồ quy hoạch 3 loại rừng và bản đồ vùng trọng điểm cháy… (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn); các phần mềm quản lý đối tượng người có công và chế độ chính sách, quản lý trẻ em, quản lý người khuyết tật và nạn nhân bom mìn, quản lý đối tượng tại các cơ sở trợ giúp xã hội, quản lý thương binh, quản lý liệt sĩ, quản lý mộ - nghĩa trang liệt sĩ... (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội); các phần mềm quản lý lữ hành, quản lý hướng dẫn viên (Sở Du lịch); phần mềm quản lý ISO điện tử theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 (Sở Khoa học và Công nghệ); các hệ thống, phần mềm quản lý đầu tư công, quản lý Ngân sách - Kho bạc, quản lý mã quan hệ ngân sách, quản lý nguồn vốn, khai thác báo cáo quyết toán, quản lý tài sản, kế toán hành chính sự nghiệp, kế toán ngân sách xã... của ngành kế hoạch, tài chính... * Hệ thống hạ tầng cơ sở dữ liệu quản lý không gian (SDI) quản lý quy hoạch xây dựng. | | |
| **c)** | Tỷ lệ phủ sóng, hạ tầng băng rộng, bưu chính | | |
|  |  | | |
| **d)** | Khu công nghệ | | |
|  |  | | |
| **đ)** | Nền tảng số địa phương | | |
|  | * Sàn Giao dịch điện tử tỉnh Quảng Bình. | | |
| **e)** | Nhân lực số | | |
|  | * Thành lập 952/1.137 Tổ công nghệ số cộng đồng cấp thôn với 4.067 thành viên công nghệ số cộng đồng. * 06 cơ quan nhà nước cấp tỉnh có đơn vị chuyên trách CNTT; 100% sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện có cán bộ chuyên trách CNTT hoặc kiêm nhiệm, với 100% cán bộ chuyên trách hoặc kiệm nhiệm có trình độ cao đẳng CNTT trở lên. 98% cán bộ, công chức đã qua các khóa đào tạo tin học cơ bản; 100% cán bộ, công chức cấp tỉnh sử dụng máy tính thường xuyên cho công việc. * 35 công chức chuyên trách về CĐS; 170 công chức kiêm nhiệm về CĐS; 30 viên chức chuyên trách về CĐS; 34 viên chức, hợp đồng bán chuyên trách về CĐS. Số cán bộ chuyên trách, bán chuyên trách về an toàn thông tin tại các cơ quan, đơn vị nhà nước trên địa bàn tỉnh là 75 người. * 96 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin và chuyển đổi số với 484 người lao động * Tổ chức 01 lớp tập huấn và 01 cuộc diễn tập thực chiến bảo đảm an toàn, an ninh mạng cho 58 thành viên, cử 35 cán bộ, công chức, người lao động tham dự khóa đào tạo kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho người dùng cuối. * Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng ứng dụng CNTT cơ bản, các lớp quản trị mạng, khai thác internet và khai thác sử dụng các hệ thống phần mềm dùng chung của tỉnh, tập huấn dành cho cán bộ Lãnh đạo. * Cung cấp các khóa học đại trà trực tuyến mở về công dân số, kết nối số và văn hóa số. Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân mở, sử dụng tài khoản thanh toán điện tử, sử dụng công nghệ số và các nền tảng số “Make in Việt Nam”. * Tổ chức 01 hội nghị chuyên đề về chuyển đổi số toàn tỉnh; đăng ký, cử 5.980 lượt CBCCVC tham gia đào tạo trang bị kiến thức, kỹ năng Chuyển đổi số toàn diện; tổ chức 03 lớp tập huấn tuyên truyền, bồi dưỡng kiến thức chuyển đổi số và kỹ năng sử dụng phần mềm dùng chung cho hơn 300 lượt cán bộ; tổ chức [tập huấn, hướng dẫn quy trình, nghiệp vụ tiếp nhận hồ sơ, giải quyết TTHC/DVCTT, sử dụng phân hệ chức năng Kho dữ liệu điện tử trên Cổng dịch vụ công/Hệ thống thông tin một cửa điện tử cho](http://qlvb-stttt.quangbinh.gov.vn/sotttt/VBden.nsf/str/695DBCCF46E8621D472587F300318E49?OpenDocument) hơn 1.050 lượt CBCC; tổ chức 02 khóa bồi dưỡng về chuyển đổi số cho 260 cán bộ lãnh đạo UBND cấp xã và 1.826 thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng. | | |
| **g)** | Kinh tế số | | |
|  | * Số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận và tham gia Chương trình SMEdx là 980 doanh nghiệp; số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa đang sử dụng các nền tảng số trong sản xuất, kinh doanh là 1.760 doanh nghiệp. * Tổng số doanh nghiệp, tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương thức kê khai sử dụng hóa đơn sử dụng hóa đơn điện tử 5.971 (Số doanh nghiệp, tổ chức đã triển khai hóa đơn điện tử: 5.307; số hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp kê khai đã triển khai hóa đơn điện tử: 664). Tỷ lệ doanh nghiệp trên địa bàn thực hiện nộp thuế điện tử: 4.896/4.935 đạt 99.2%. * Tổng số tên miền Việt Nam (.vn) là 1.065 tên miền của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh phục vụ cho hoạt động sản xuất và kinh doanh có hiệu quả hơn. | | |
| **h)** | Xã hội số | | |
|  | Số người từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch đang còn hoạt động tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác là 498.511 người, đạt tỷ lệ 75,49%.  Tỷ lệ sử dụng ví điện tử các loại trong giao dịch thanh toán đạt 60%.  Số lượng dân số ở độ tuổi trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân là 5.145 người, đạt 0,45%.  Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến phát sinh của các DVCTT (toàn trình và một phần) là 22.650/97.334, đạt 23,3%; trong đó: 20.058/77.317 hồ sơ tiếp nhận, giải quyết trực tuyến của DVCTT toàn trình, đạt tỷ lệ 25,9%. Tỷ lệ TTHC được triển khai thanh toán điện tử là 100% (97/97); tỷ lệ TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán điện tử là 13,4% (13/97); tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến là 3,6% (94/2.630).  Tiếp nhận 94.264/145.648 hồ sơ trên Cổng dịch vụ công quốc gia, đạt tỷ lệ 64,7%; trong đó: 11 dịch vụ công thuộc thẩm quyền giải quyết của lực lượng Công an là 78.174/87.271 hồ sơ, đạt tỷ lệ 89,6%; 12 dịch vụ công thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ngành, doanh nghiệp, địa phương là 16.090/58.377 hồ sơ, đạt tỷ lệ 27,6%. | | |
|  | [**Tỉnh Quảng Nam**](https://chinhphu.vn/thong-tin-tinh-thanh?city=1374) | Chưa báo cáo |  |
| **a)** | Thể chế | | |
|  |  | | |
| **b)** | Hạ tầng, dữ liệu số | | |
|  |  | | |
| **c)** | Tỷ lệ phủ sóng, hạ tầng băng rộng, bưu chính | | |
|  |  | | |
| **d)** | Khu công nghệ | | |
|  |  | | |
| **đ)** | Nền tảng số địa phương | | |
|  |  | | |
| **e)** | Nhân lực số | | |
|  |  | | |
| **g)** | Kinh tế số | | |
|  |  | | |
| **h)** | Xã hội số | | |
|  |  | | |
|  | [**Tỉnh Quảng Ngãi**](https://chinhphu.vn/thong-tin-tinh-thanh?city=1375) | Báo cáo số 1896/STTTT-BCVT&CNTT ngày 20/12/2022 | Quyết định số 906/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 |
| **a)** | Thể chế | | |
|  |  | | |
| **b)** | Hạ tầng, dữ liệu số | | |
|  | * Thử nghiệm Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu tập trung cấp tỉnh. * Nền tảng hồ sơ sức khỏe cá nhân. * Nền tảng quản lý đơn thuốc điện tử quốc gia. * Nền tảng hỗ trợ tư vấn sức khỏe trực tuyến. * Nền tảng khám, chữa bệnh từ xa. * Nền tảng quản lý xét nghiệm thống nhất toàn quốc. * Nền tảng quản lý tiêm chủng thống nhất toàn quốc. * Nền tảng quản lý trạm y tế xã toàn quốc. * Nền tảng quản lý thông tin y tế cơ sở thống nhất toàn quốc. * Nền tảng số dạy, học trực tuyến. * Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm kết nối Cổng dữ liệu quốc gia. * Nền tảng dữ liệu số du lịch; Nền tảng quản trị và kinh doanh du lịch; Nền tảng số kết nối cung và cầu về du lịch. * Nền tảng dữ liệu số ngành tài nguyên và môi trường. | | |
| **c)** | Tỷ lệ phủ sóng, hạ tầng băng rộng, bưu chính | | |
|  | * Số lượng doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông đáp ứng nhu cầu truyền dẫn; số điểm phục vụ của mạng bưu chính công cộng có kết nối internet cơ bản đáp ứng. | | |
| **d)** | Khu công nghệ | | |
|  |  | | |
| **đ)** | Nền tảng số địa phương | | |
|  | * Nền tảng thương mại điện tử | | |
| **e)** | Nhân lực số | | |
|  |  | | |
| **g)** | Kinh tế số | | |
|  | * Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP toàn tỉnh có mức cao so với các tỉnh đồng bằng duyên hải miền trung. * Tỷ lệ doanh nghiệp tham gia các sàn giao dịch điện tử tăng mạnh trong năm, 100% doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử và tỷ lệ doanh nghiệp nộp thuế điện tử tăng cao. * Doanh nghiệp hoạt động dựa trên nền tảng số còn hạn chế và chủ yếu là khai thác các nền tảng số của các tổ chức kinh tế khác. Thông qua các hoạt động tuyên truyền, hội nghị, hội thảo trong năm 2022, số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận thông tin về chương trình SMEdx tăng cao. * Tỷ lệ doanh nghiệp tham gia các sàn giao dịch điện tử tăng mạnh trong năm, 100% doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử và tỷ lệ doanh nghiệp nộp thuế điện tử tăng cao. * Tuy nhiên, số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số, sử dụng hợp đồng điện tử còn hạn chế; số lượng doanh nghiệp tham gia chương trình SMEdx, giao dịch trên sàn thương mại điện tử Vỏ sò và Postmart còn chưa cao; nhiều hoạt động về kinh tế số chưa được xác định, đo lường. * Hỗ trợ các hộ sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể chuyển đổi số, kinh doanh trên sàn thương mại điện tử | | |
| **h)** | Xã hội số | | |
|  | * Số lượng người dân có danh tính số/tài khoản định danh điện tử tăng mạnh nhờ sự nỗ lực triển khai Đề án 06; số người dân có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức hợp pháp khác và số lượng hộ gia đình có địa chỉ số có tỷ lệ khá cao so với mức trung bình so với các tỉnh trong khu vực. * Tỷ lệ người dân biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông tăng mạnh trong năm nhờ sự nỗ lực của các cơ quan ban ngành và địa phương trong tỉnh thông qua các hoạt động truyền thông, các hội nghị, hội thảo. * Tuy nhiên, số lượng dân số ở độ tuổi trưởng thành có chữ ký số, chữ ký điện tử cá nhân chưa cao do nhu cầu giao dịch; mức độ người dân tham gia cùng cơ quan nhà nước giải quyết vấn đề của địa phương thông qua môi trường mạng còn hạn chế. * Tuyên truyền phổ cập dịch vụ an toàn thông tin mạng cơ bản, hướng dẫn kỹ năng an toàn cơ bản; triển khai Đề án đẩy mạnh ứng dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo lộ trình; tuyên tuyền, hướng dẫn và khuyến khích người dân truy cập Internet, đăng ký tài khoản và sử dụng các dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ y tế số, giáo dục số, sử dụng các mạng xã hội, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử và khai thác tiện ích, tài nguyên số trên Internet; Hội thảo “Chuyển đổi số - vì cuộc sống tốt đẹp hơn”; triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số; triển khai nội dung hỗ trợ bệnh viện, trường học thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt và chuyển đổi số quản trị hoạt động của đơn vị; hoàn thành triển khai Nền tảng hóa đơn điện tử quốc gia. * Triển khai Hồ sơ bệnh án điện tử tại Bệnh viện Sản-Nhi tỉnh | | |
|  | [**Tỉnh Quảng Ninh**](https://chinhphu.vn/thong-tin-tinh-thanh?city=1376) | Báo cáo số 06/BC-UBND ngày 10/01/2023 | Kế hoạch số 176/KH-UBND ngày 18/7/2022 |
| **a)** | Thể chế | | |
|  | * Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 14/01/2022 của UBND tỉnh về phủ sóng di động, cáp quang vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. * Quyết định số 4398/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022. * Kế hoạch số 96/KH-UBND ngày 25/3/2022 của UBND tỉnh về việc phát triển TMĐT trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm 2022. | | |
| **b)** | Hạ tầng, dữ liệu số | | |
|  | * Phần mềm Hồ sơ sức khỏe điện tử tỉnh. * Cổng dịch vụ công của tỉnh. * Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. | | |
| **c)** | Tỷ lệ phủ sóng, hạ tầng băng rộng, bưu chính | | |
|  | * Xây dựng kết nối internet băng rộng cố định tại 98/113 thôn. * Triển khai hạ tầng mạng di động 5G (02 trạm chiếm 40%), * 54 trạm BTS phủ lõm sóng di động cho 66 thôn. | | |
| **d)** | Khu công nghệ | | |
|  | * Tờ trình số 4083/TTr- UBND ngày 30/6/2021 báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án bổ sung Khu công nghệ thông tin tập trung tại phường Tuần Châu, thành phố Hạ Long vào quy hoạch tổng thể phát triển khu công nghệ thông tin tập trung đến năm 2022 và định hướng đến năm 2025. | | |
| **đ)** | Nền tảng số địa phương | | |
|  | * Thí điểm nền tảng số cửa khẩu số. * App QMG trên nền tảng OTP * Trang Zalo Chính quyền điện tử tỉnh. | | |
| **e)** | Nhân lực số | | |
|  |  | | |
| **g)** | Kinh tế số | | |
|  | * Tỷ trọng kinh tế số chiếm 8% trong GRDP; * Tỷ trọng kinh tế số ngành Công nghiệp chế biến chế tạo chiếm 40%; khai khoáng chiếm: 30%; thương mại 10%, năng lượng: 10%, nông nghiệp: 5%, cảng biển và logistic: 5%; * 40% doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số. * 107 sản phẩm (đạt 40,1%) đưa lên sàn TMĐT Postmart.vn; 159 sản phẩm (đạt 60%) đã lên sàn TMĐT Voso.vn; * Tổng số sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh là: 499 sản phẩm. Trong đó 267 sản phẩm OCOP đạt chuẩn (từ 3-5 sao) được đưa lên sàn TMĐT. Đưa187/267 (đạt 70%) sản phẩm OCOP đạt từ 3 sao trở lên lên sàn thương mại điện tử Postmart.vn và Voso.vn; Sàn TMĐT của tỉnh đang giới thiệu 383/499 sản phẩm OCOP, trong đó 172/267 sản phẩm đạt 3 sao trở lên. * Cấp 532 bộ mã truy xuất sản phẩm nông lâm thủy sản an toàn; cấp 72 tài khoản vận hành cho các cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản; 265.000 tem truy xuất cho các sản phẩm OCOP, sản phẩm nông, thủy sản. * Tỷ trọng doanh thu thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn tỉnh ước đạt 11%. * 100% doanh nghiệp sử dụng, khai thác hóa đơn điện tử; có 2.325 hộ kinh doanh cá thể đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử (đạt 95,7% chỉ tiêu), phổ cập chữ ký số đến 100% doanh nghiệp, hộ kinh doanh. * Có 2,46 triệu tài khoản thanh toán không dùng tiền mặt, trong đó: đang hoạt động có trên 1,6 triệu tài khoản, bình quân có 1,6 tài khoản/1 người từ 15 tuổi trở lên; tỷ lệ tài khoản thanh toán điện tử tổng tài khoản thanh toán đang hoạt động đạt 65,1%; có 50.196 tài khoản doanh nghiệp. * 100% bệnh viện, trung tâm y tế, trung tâm hành chính công, các trường đại học, cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã chấp nhận TTKDTM; 65,77% số tiền phí dịch vụ hành chính công cấp tỉnh, 22,89% số tiền phí dịch vụ hành chính công cấp huyện; 85,75% số doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình thanh toán tiền điện, đạt 97,2%; 77,7% doanh nghiệp, cá nhân, hộ gia đình thanh toán tiền nước, đạt 87,44%; 98,4% số thu NSNN (thuế, phí, lệ phí) ... * Tỷ lệ cá nhân, tổ chức sử dụng phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt qua các kênh thanh toán điện tử đạt 35,3%; * Thuê bao cài đặt và sử dụng Mobile Money là 317.135 thuê bao. * Thử nghiệm chợ 4.0: 1.020 điểm thanh toán không dùng tiền mặt và hỗ trợ khoảng 1.000 hộ tiểu thương đã có tài khoản. | | |
| **h)** | Xã hội số | | |
|  | * 90% dân số trưởng thành có điện thoại thông minh. * 85% hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng và sóng viễn thông di động. Tỷ lệ thuê bao băng rộng di động/100 dân đạt 88,9% * 90% người dân trưởng thành có điện thoại thông minh. * 90% dân số trưởng thành có tài khoản thanh toán điện tử; 5% có chữ ký số cá nhân. * 69% địa phương cấp huyện có hệ thống truyền thanh cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin và viễn thông. * 20% người dân có kỹ năng số cơ bản. * Tổng thuê bao điện thoại di động là thiết bị thông minh là: 1.414.536/1.858.095 thuê bao; Tỷ lệ dân số trưởng thành sử dụng thiết bị di động thông minh là 88%. Tỷ lệ vùng phủ sóng thông tin di động đạt 99% các khu vực dân cư. * Thu thập gán mã địa chỉ cho 367.351 địa chỉ nhưng chưa triển khai gắn biển. * Cấp CCCD gắn chip cho trên 95% người dân, thu nhận hơn 330.000 tài khoản định danh điện tử mức độ 2, hoàn thành trên 90% tiến độ làm sạch dữ liệu dân cư. * Làm sạch dữ liệu tiêm chủng Covid-19 đạt 82,21%; ký xác nhận “Hộ chiếu vắc xin” cho 1.332.254 đối tượng/1.370.941 đối tượng đã tiêm, đạt 97%. * 293.585 mã định danh trên tổng số 298.237 cán bộ, giáo viên, học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên (đạt 98.44%). * Khởi tạo, cập nhật dữ liệu ban đầu cho 1.384.760 người dân trên phần mềm Hồ sơ sức khỏe điện tử tỉnh. | | |
|  | [**Tỉnh Quảng Trị**](https://chinhphu.vn/thong-tin-tinh-thanh?city=1377) | Báo cáo số 259/BC-STTTT ngày 09/12/2022 | Kế hoạch số 164/KH-UBND ngày 17/8/2022 |
| **a)** | Thể chế | | |
|  | - Kế hoạch số 95/KH-UBND ngày 20/5/2022 thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế. | | |
| **b)** | Hạ tầng, dữ liệu số | | |
|  | - Triển khai dự án tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh  - Xây dựng hệ thống họp trực tuyến phục vụ khám, chữa bệnh từ xa; hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu ngành y tế. | | |
| **c)** | Tỷ lệ phủ sóng, hạ tầng băng rộng, bưu chính | | |
|  | - Mật độ thuê bao internet: 18,1 thuê bao/100 dân.  - Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối internet ước đạt 70%.  - Tỷ lệ người sử dụng internet cố định và di động: trên 91%.  - Tỷ lệ người sử dụng điện thoại di động: trên 92%.  - Tổng số trạm thu phát sóng điện thoại di động 4G: 1.078 trạm; ngoài ra, có 824 trạm 2G và 752 trạm 3G. | | |
| **d)** | Khu công nghệ | | |
|  |  | | |
| **đ)** | Nền tảng số địa phương | | |
|  | - Sàn Giao dịch thương mại điện tử quangtritrade.vn. | | |
| **e)** | Nhân lực số | | |
|  |  | | |
| **g)** | Kinh tế số | | |
|  | - 43 gian hàng với 142 sản phẩm trưng bày trên Sàn giao dịch điện tử quangtritrade.vn.  - 1.723 sản phẩm được đưa lên sàn Postmart.vn và Voso.vn (xếp vị trí số 19 trên cả nước và số 11 trong khu vực miền Trung, Tây Nguyên)  - 12.457 giao dịch thương mại được thực hiện trên các Sàn Postmart.vn và Voso.vn; tỷ lệ giao dịch/active user đạt 13%.  - 100% cơ sở khám chữa bệnh đảm bảo đầy đủ các điều kiện và chấp nhận thanh toán không dùng tiền mặt.  - Chỉ đạo 100% các trường học, cơ sở giáo dục đảm bảo đầy đủ các điều kiện và chấp nhận thanh toán không dùng tiền mặt.  - Tỷ lệ bình quân dân số có tài khoản thanh toán ước đạt trên 65%. (469.594 tài khoản thanh toán ngân hàng đang hoạt động; trong đó có 458.018 tài khoản cá nhân và 11.563 tài khoản tổ chức). | | |
| **h)** | Xã hội số | | |
|  | - 101.851 hộ sản xuất nông nghiệp được đào tạo kỹ năng số (xếp vị trí số 24 trên cả nước và số 14 trong khu vực miền Trung, Tây Nguyên) | | |
|  | [**Tỉnh Sóc Trăng**](https://chinhphu.vn/thong-tin-tinh-thanh?city=1378) |  |  |
| **a)** | Thể chế | | |
|  |  | | |
| **b)** | Hạ tầng, dữ liệu số | | |
|  |  | | |
| **c)** | Tỷ lệ phủ sóng, hạ tầng băng rộng, bưu chính | | |
|  |  | | |
| **d)** | Khu công nghệ | | |
|  |  | | |
| **đ)** | Nền tảng số địa phương | | |
|  |  | | |
| **e)** | Nhân lực số | | |
|  |  | | |
| **g)** | Kinh tế số | | |
|  |  | | |
| **h)** | Xã hội số | | |
|  |  | | |
|  | [**Tỉnh Sơn La**](https://chinhphu.vn/thong-tin-tinh-thanh?city=1379) | Báo cáo số 549/BC-STTTT ngày 09/12/2022 |  |
| **a)** | Thể chế | | |
|  | * Quyết định số 1530/QĐ-UBND ngày ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án “Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Sơn La đến năm 2025”; * Kế hoạch số 32/KH-UBND ngày 26/01/2022 về triển khai thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030; * Kế hoạch số 74/KH-UBND ngày 09/3/2022 của UBND tỉnh về thực hiện Quyết định số 1968/QĐ-TTg ngày 22/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2022-2025; * Quyết định số 454/QĐ-UBND ngày 16/3/2022 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban Chỉ đạo triển khai áp dụng hóa đơn điện tử trên địa bàn tỉnh Sơn La; * Kế hoạch số 196/KH-UBND ngày 27/7/2022 của UBND tỉnh Sơn La về triển khai Nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số trên địa bàn tỉnh Sơn La; * Kế hoạch số 228/KH-UBND ngày 15/9/2022 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện chương trình Chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025; * Công văn số 744/UBND-KGVX ngày 07/3/2022 của UBND tỉnh về thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế; * Công văn số 2434/UBND-KGVX ngày 01/7/2022 của UBND tỉnh về công bố các Nền tảng số tập trung đẩy mạnh sử dụng trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2022. | | |
| **b)** | Hạ tầng, dữ liệu số | | |
|  | * Triển khai nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu tập trung cấp tỉnh tại Trung tâm IOC. * Triển khai thí điểm hệ thống truy xuất nguồn gốc cho các hộ SXNN. * Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia bảo đảm quản lý, vận hành, kết nối và chia sẻ thông tin tập trung, thống nhất từ Trung ương đến địa phương. * Đang triển khai 02 dự án về cơ sở dữ liệu đất đai, gồm: Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai theo Dự án tổng thể và Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai theo Dự án Tăng cường cơ sở dữ liệu đất đai (VILG). * Xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin về môi trường và đa dạng sinh học. * Xây dựng hệ thống quản lý giám sát khai thác sử dụng TNN, lưu trữ thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh Sơn La. * Xây dựng CSDL quản lý quy hoạch, cung cấp thông tin quy hoạch trực tuyến. * CSDL về nguồn nguyên liệu dùng cho sản xuất vật liệu xây dựng trong nước để quản lý được thực hiện trên csdlnguonnhanlucxd.sonla.gov.vn; * CSDL nguồn nhân lực ngành xây dựng được thực hiện trên csdlnguyenlieuxd.sonla.gov.vn. * Xây dựng CSDL ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Sơn La trên CSDL chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo trên <https://sgd.csdl.moet.gov.vn/>. * Triển khai đồng bộ phần mềm quản lý trường học từ mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên. * Triển khai sử dụng học bạ điện tử qua hệ thống SMAS, VNEDU; quản lý tài chính, tài sản bằng phần mềm MISA; đưa vào sử dụng Phòng họp trực tuyến; phần mềm Thi đua khen thưởng; phần mềm Kiểm định chất lượng Giáo dục. * Dữ liệu, bản đồ số (GIS) quản lý thủy điện trên địa bàn tỉnh Sơn La. * Triển khai Phần mềm/Ứng dụng du lịch thông minh tại địa chỉ https://mysonla.vn/ và phần mềm Quản lý di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh Sơn la tại địa chỉ http://dsvh.sonla.gov.vn. | | |
| **c)** | Tỷ lệ phủ sóng, hạ tầng băng rộng, bưu chính | | |
|  |  | | |
| **d)** | Khu công nghệ | | |
|  |  | | |
| **đ)** | Nền tảng số địa phương | | |
|  | * Sàn giao dịch và truy xuất nguồn gốc xuất xứ nông sản tỉnh Sơn La. * Trang thông tin giới thiệu sản phẩm, doanh nghiệp, HTX của tỉnh Sơn La, sử dụng 03 ngôn ngữ Tiếng Việt, tiếng Anh, tiếng Trung. * Nền tảng hệ thống công nghệ thông tin địa lý toàn cầu, điện toán đám mây trên địa bàn tỉnh Sơn La được thực hiện trên <https://sonla.cgis.asia/>. * Các nền tảng số của Bộ Giao thông Vận tải như: Ứng dụng công nghệ quản lý phương tiện vận tải bằng thiết bị giám sát hành trình, dữ liệu hình ảnh từ camera giám sát lắp trên xe ô tô kinh doanh vận tải để quản lý, xử lý các vi phạm của phương tiện kinh doanh vận tải qua trích xuất dữ liệu trên hệ thống giám sát hành trình, hình ảnh từ camera của Tổng cục Đường bộ Việt Nam; Ứng dụng công nghệ trong công tác quản lý đào tạo để nhận dạng và theo dõi thời gian học lý thuyết môn học pháp luật giao thông đường bộ đối với học viên học lái xe ô tô; sử dụng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông để đào tạo lái xe; lắp đặt thiết bị giám sát thời gian và quãng đường học lái xe trên đường của học viên truyền dữ liệu về Tổng cục đường bộ Việt Nam để theo dõi, quản lý nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, sát hạch cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; * Phát triển các ứng dụng thông minh cho phép cung cấp các dịch vụ theo dõi, trợ giúp, chăm sóc sức khỏe người dân từ xa, kết nối trực tuyến giữa người bệnh, các thiết bị theo dõi sức khỏe và cán bộ y tế. * Ứng dụng Sơn La Tourism trên điên thoại di động. * Ứng dụng phần mềm quản lý sách thư viện. | | |
| **e)** | Nhân lực số | | |
|  | * Tổ chức hội nghị bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, doanh nghiệp, thương nhân làm công tác quản lý, phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo. * Tổ chức hội nghị triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số ngành Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Sơn La giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030. | | |
| **g)** | Kinh tế số | | |
|  | * Có 1.957/2.046 doanh nghiệp đang kê khai nộp thuế qua mạng (đạt 95,7%); 100% các siêu thị, trung tâm thương mại có thiết bị thanh toán POS không dùng tiền mặt; nhiều doanh nghiệp thực hiện đặt hàng hoặc nhận đơn hàng thông qua các ứng dụng thương mại điện tử. * Số hộ nông nghiệp được đào tạo kỹ năng số là 33.702 hộ; số hộ được tạo tài khoản trên sàn thương mại điện tử 35.275 hộ; số sản phẩm của Sơn La được đưa lên sàn TMĐT là 798 sản phẩm; số giao dịch trên sàn là 23.300 đơn hàng; số sản phẩm OCOP Sơn La được đưa lên sàn là 59 sản phẩm với doanh thu khoảng 3.587 triệu. * Đã cập nhật thông tin của 111 sản phẩm; 78 đơn vị sản xuất, kinh doanh lên sàn giao dịch nông sản Sơn La. * Hỗ trợ khoảng 05 doanh nghiệp, HTX đưa các sản phẩm tham gia các sàn thương mại điện tử quốc tế như Alibaba.com, EC21.com, Agrimp.com. * Xây dựng, biên tập các công cụ truyền thông hỗ trợ doanh nghiệp, HTX tìm kiếm đối tác trên nền tảng số (*kênh Youtube, bài viết, video, thực hiện quảng cáo Google Adwords…*). * Triển khai giải pháp chuyển đổi số trong triển khai và quản lý Chương trình OCOP thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới. | | |
| **h)** | Xã hội số | | |
|  | * Thí điểm khám chữa bệnh Bảo hiểm xã hội bằng căn cước công dân gắn chip. * Tỷ lệ dân số có điện thoại thông minh đạt 53,88%; * Tỷ lệ hộ gia đình có thuê bao cáp quang đạt 35,5%; * Tỷ lệ hộ gia đình có địa chỉ số 206.742/295.693 (đạt 69,92%); * Tỷ lệ người từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác 500.000/833.100 (đạt 60.01%). * Đẩy mạnh triển khai thúc đẩy phát triển công dân số; khuyến khích mỗi người dân tuổi thành niên đều có danh tính số. Tính đến tháng 10/2022, toàn tỉnh đã có 162.458 cá nhân được cấp tài khoản định danh điện tử VNeID. * Tỷ lệ dân số ở độ tuổi trưởng thành có chữ ký số là 3.168/833.100 (*đạt 0,38%)*; Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt 21,4%. * Tổ công nghệ số cộng đồng các xã, thôn bản đã thực hiện tuyên tuyền, hướng dẫn và khuyến khích người dân truy cập Internet, đăng ký tài khoản và sử dụng các dịch vụ công trực tuyến, sử dụng các mạng xã hội, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử và khai thác tiện ích, tài nguyên số trên Internet. Hướng dẫn người dân về các kỹ năng an toàn, bảo mật thông tin cơ bản để có thể tự bảo vệ tài khoản, dữ liệu của mình trên không gian số. | | |
|  | [**Tỉnh Thanh Hóa**](https://chinhphu.vn/thong-tin-tinh-thanh?city=1380) | Báo cáo số 2730/BC-STTTT ngày 12/12/2022 | Kế hoạch số 134/KH-UBND ngày 16/5/2022 |
| **a)** | Thể chế | | |
|  | Ban hành 01 Nghị quyết; 02 Chỉ thị; 11 Quyết định; 16 Kế hoạch; 01 Chương trình và nhiều văn bản chỉ đạo; trong đó, nổi bật là:   * Kế hoạch số 85/KH-UBND ngày 25/3/2022 về truyền thông thực hiện Nghị quyết số 06/NQ-TU về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa. * Kế hoạch 114/KH-UBND ngày 25/4/2022 về triển khai các nhiệm vụ thúc đẩy chuyển đổi số năm 2022 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. * Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 về giao chỉ tiêu hoàn thành chuyển đổi số cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022-2025; * Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 16/5/2022 Về việc phát triển Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số, thúc đẩy phát triển chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa. * Chỉ thị số 13/CT-UBND ngày 04/11/2022 về đẩy mạnh đảm bảo an toàn thông tin mạng và triển khai các hoạt động ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. | | |
| **b)** | Hạ tầng, dữ liệu số | | |
|  | * Trung tâm An ninh mạng và An toàn dữ liệu, Hệ thống điều hành, giám sát an ninh mạng (SOC). * Cổng dịch công tỉnh; hệ thống một cửa điện tử cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; hệ thống Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc (TD-Office), nền tảng chia sẻ, tích hợp dữ liệu của tỉnh (LGSP) liên thông 04 cấp. * 4.552 bộ máy tính, 726 bộ máy in và 340 bộ thiết bị chuyển mạch Switch cho 113 cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; 80 cơ quan, đơn vị cấp huyện và 505 đơn vị cấp xã. * 100% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động được trang bị máy vi tính; 100% các đơn vị đã có mạng LAN, các máy tính được kết nối mạng Internet băng thông rộng phục vụ công tác. * Trung tâm điều hành thông minh (IOC) Thanh Hóa thử nghiệm, vận hành giám sát dữ liệu 9 chuyên ngành và lĩnh vực. * Cổng dữ liệu mở của tỉnh; ứng dụng, hệ thống dùng chung và chuyên ngành. * Hệ thống quan trắc môi trường tự động tại 03 điểm (02 trạm quan trắc môi trường không khí; 01 trạm quan trắc môi trường nước biển). * Phần mềm quản lý trường học Vnedu, Smas, Misa; sổ liên lạc điện tử; hệ thống đào tạo trực tuyến, xây dựng bài giảng điện tử, phòng học thông minh, thư viện điện tử, giáo án điện tử. * Phần mềm quản lý bệnh viện, các phần mềm chuyên ngành trong lĩnh vực Y tế; chia sẻ dữ liệu giữa các cơ sở y tế với hệ thống quản lý bảo hiểm xã hội. * Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quản lý các hoạt động du lịch. * Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp và phần mềm quản lý hộ tịch đến cấp xã; phần mềm quản lý hồ sơ công chứng; phần mềm quản lý xử lý vi phạm hành chính. * Cơ sở dữ liệu hộ nghèo, cận nghèo và bảo trợ xã hội; cơ sở dữ liệu thông tin về hồ sơ người có công; cơ sở dữ liệu tài chính trợ cấp ưu đãi người có công… * Phần mềm quản lý cầu; phần mềm quản lý tài sản hạ tầng giao thông; hệ thống Govone (Phần mềm quản lý bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ); hệ thống giám sát hành trình quản lý vận tải bằng xe ô tô; phần mềm quản lý bến xe khách; lắp đặt camera giám sát trên các ô tô kinh doanh vận tải hành khách có sức chứa từ 09 chỗ trở lên và xe vận tải hàng hoá bằng container; các cơ sở đào tạo lái xe thực hiện giám sát bằng hệ thống camera bao gồm cả phòng học lý thuyết và sân thực hành… * Hệ thống thông tin giám định bảo hiểm y tế cập nhật thông tin khám chữa bệnh tại 100% cơ sở khám chữa bệnh BHYT; Hệ thống cấp mã số BHXH và quản lý thẻ BHYT hộ gia đình; kết nối liên thông cơ sở dữ liệu đăng ký khai sinh Bộ Tư pháp với cơ sở dữ liệu Quốc gia về BHXH để thực hiện liên thông cấp thẻ BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi; triển khai ứng dụng VssID (Bảo hiểm xã hội số)... * Hệ thống phòng chống mã độc tập trung cài đặt mới thêm 1.500 phần mềm bản quyền. * 48/48 hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước được phê duyệt Hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn thông tin (đạt 100%); đang hoàn thành phê duyệt cấp độ cho 559/559 xã, phường. | | |
| **c)** | Tỷ lệ phủ sóng, hạ tầng băng rộng, bưu chính | | |
|  | * Có 9.444 trạm BTS được lắp đặt tại 3.823 vị trí (trong đó 2.808 trạm BTS 2G, 3.436 trạm BTS 3G và 3.200 trạm BTS 4G); 46 thiết bị chuyển mạch cố định và 1.156 thiết bị truy nhập Internet cáp quang; phủ sóng đến 100% trung tâm các xã, phường, thị trấn; trong đó mạng băng thông rộng 3G/4G phủ sóng đến 4.354/4.357 đến thôn, bản; mạng băng thông rộng cố định được triển khai đến 4.337/4357 thôn, bản. * Tổng số thuê bao trên toàn tỉnh ước đạt 2.957.000 thuê bao (trong đó 27.000 thuê bao cố định; 2.930.000 di động) bằng 100,92% so với kế hoạch , mật độ thuê bao điện thoại đạt 80,62 thuê bao/100 dân; Thuê bao Internet trên toàn tỉnh ước đạt 2.360.000 thuê bao; đạt mật độ 64,34 thuê bao/100 dân bằng 118% kế hoạch. | | |
| **d)** | Khu công nghệ | | |
|  |  | | |
| **đ)** | Nền tảng số địa phương | | |
|  | * Cổng thông tin du lịch tỉnh. * Ứng dụng nền tảng ngân hàng số. * Chuyên trang an toàn thông tin tại địa chỉ: <https://attt.thanhhoa.gov.vn>. * Fanpage trên nền tảng mạng xã hội facebook tại địa chỉ: https://www.facebook.com/congdongictthanhhoa | | |
| **e)** | Nhân lực số | | |
|  | * Thành lập 4.233 Tổ công nghệ số cộng đồng đến tận thôn, xóm với hơn 14.478 thành viên tham gia; tập huấn bồi dưỡng kỹ năng cho 4.688 thành viên Tổ và cho 890 cán bộ, công chức các xã, thị trấn kiến thức cơ bản để về chuyển đổi số, hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh, người dân trên địa bàn ứng dụng công nghệ số, thương mại điện tử, dịch vụ công trực tuyến, các dịch vụ chuyển đổi số trong các lĩnh vực y tế, giáo dục…và thanh toán không dùng tiền mặt; * Hội nghị hướng dẫn về chuyển đổi số cho gần 15.000 người; 731 học viên là lãnh đạo UBND cấp xã được bồi dưỡng về chuyển đổi số. * 438 học viên cán bộ, công chức và người lao động tham gia tham gia khóa đào tạo kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho người dùng cuối. * Có 876 học viên tham gia các khóa học trên Nền tảng học trực tuyến mở đại trà. | | |
| **g)** | Kinh tế số | | |
|  | * 100% các siêu thị, trung tâm mua sắm... thực hiện thanh toán điện tử; 50% các đơn vị cung cấp dịch vụ điện, nước, viễn thông, truyền thông thực hiện thanh toán điện tử. * 100% các doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể áp dụng hóa đơn điện tử; nộp thuế điện tử; * Phát hành sổ tay truyền thông, in ấn tờ rơi, băng rôn, tuyên truyền trên các website, các mạng xã hội zalo, facebook,... thúc đẩy phát triển thương mại điện tử dựa trên nền tảng sàn thương mại điện tử. * Có 22.673 doanh nghiệp tiếp cận, tham gia Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số bằng các nền tảng số Việt Nam. * 100% các doanh nghiệp, tổ chức đã sử dụng hóa đơn điện tử với trên 1.400.000 hóa đơn điện tử. * 100% các trường học, cơ sở giáo dục, bệnh viện, cơ sở y tế đã triển khai đảm bảo các điều kiện và chấp nhận thanh toán học phí, phí, lệ phí,… bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt. | | |
| **h)** | Xã hội số | | |
|  | * Tỷ lệ dân số được phủ sóng thông tin di động đạt 99,70%. * Gần 80% số lượng bản ghi về nhân sự, học sinh thực hiện xác thực định danh với với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. * Hơn 22.000 lượt truy cập chuyên trang an toàn thông tin; Phát hành các bản tin An toàn thông tin định kỳ 02 tháng/1 kỳ. * Mở chuyên mục chuyển đổi số và có khoảng 1.931.606 người theo dõi Trang thông tin chuyển đổi số của tỉnh, hơn 1.620 lượt tin, bài. * Xây dựng clip, phóng sự tuyên truyền về mô hình, cách làm hay về chuyển đổi số ở xã Yên Thọ, huyện Như Thanh; chuyển đổi số ở xã vùng cao các huyện: Quan Sơn, Bá Thước; tuyên truyền các hoạt động hưởng ứng ngày chuyển đổi số Quốc gia và những kết quả nổi bật của tỉnh về chuyển đổi số. | | |
|  | [**Tỉnh Thái Bình**](https://chinhphu.vn/thong-tin-tinh-thanh?city=1381) | Chưa báo cáo |  |
| **a)** | Thể chế | | |
|  |  | | |
| **b)** | Hạ tầng, dữ liệu số | | |
|  |  | | |
| **c)** | Tỷ lệ phủ sóng, hạ tầng băng rộng, bưu chính | | |
|  |  | | |
| **d)** | Khu công nghệ | | |
|  |  | | |
| **đ)** | Nền tảng số địa phương | | |
|  |  | | |
| **e)** | Nhân lực số | | |
|  |  | | |
| **g)** | Kinh tế số | | |
|  |  | | |
| **h)** | Xã hội số | | |
|  |  | | |
|  | [**Tỉnh Thái Nguyên**](https://chinhphu.vn/thong-tin-tinh-thanh?city=1382) | Báo cáo số 864/BC-STTTT ngày 09/12/2022 |  |
| **a)** | Thể chế | | |
|  | - 70/KH-UBND ngày 21/4/2022 triển khai mô hình hoạt động Tổ công nghệ số cộng đồng hỗ trợ người dân tham gia chuyển đổi số  - 84/KH-UBND ngày 10/5/2022 triển khai Đề án xác định Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên  - 100/KH-UBND ngày 30/6/2022 triển khai thực hiện Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên  - 139/KH-UBND ngày 26/9/2022 phát triển doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030  - 152/KH-UBND ngày 14/10/2022 về việc triển khai thí điểm chi trả trợ cấp an sinh xã hội không dùng tiền mặt  - 156/KH-UBND ngày 20/10/2022 về việc triển khai nhân rộng mô hình chợ 4.0 - Chợ thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên | | |
| **b)** | Hạ tầng, dữ liệu số | | |
|  | - Cơ sở dữ liệu dùng chung ngành giáo dục tại địa chỉ https://csdlgiaoduc.thainguyen.gov.vn kết nối liên thông với CSDL ngành GDĐT  - Hệ thống du lịch thông minh được tích hợp các công nghệ mới hiện nay (như: thực tế ảo, thực tế tăng cường, trí tuệ nhân tạo)  - Hệ thống điều hành giao thông thông minh đang xây dựng dữ liệu tích hợp cho Trung tâm điều hành thông minh tỉnh. | | |
| **c)** | Tỷ lệ phủ sóng, hạ tầng băng rộng, bưu chính | | |
|  |  | | |
| **d)** | Khu công nghệ | | |
|  |  | | |
| **đ)** | Nền tảng số địa phương | | |
|  | - Sàn Giao dịch thương mại điện tử tỉnh Thái Nguyên tích hợp trên phần mềm C-ThaiNguyen  - Ứng dụng xã hội số Thái Nguyên ID  - Chợ 4.0 thanh toán không dùng tiền mặt với nền tảng Mobile Money.  - Cổng thông tin du lịch thông minh và các kênh quảng bá trên nền tảng mạng xã hội.  - Cơ sở dữ liệu dùng chung ngành giáo dục tại địa chỉ https://csdlgiaoduc.thainguyen.gov.vn  - Ứng dụng, triển khai các phần mềm do Bộ Giao thông vận tải chuyển giao vào quản lý hoạt động vận tải trên địa bàn, như: Phần mềm quản lý vận tải, Hệ thống quản lý thiết bị giám sát hành trình, quản lý bến xe, quản lý tuyến cố định, Hệ thống quản lý giấy phép lái xe. Toàn bộ dữ liệu quản lý về bến xe, đơn vị, phương tiện kinh doanh vận tải, giấy phép lái xe,… trên địa bàn tỉnh hiện đã được số hóa trên các phần mềm chuyên môn. | | |
| **e)** | Nhân lực số | | |
|  |  | | |
| **g)** | Kinh tế số | | |
|  | - Tổng doanh thu kinh tế số trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên ước tính khoảng 26 tỷ USD.  - Có 324 doanh nghiệp công nghệ số  - Hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa trải nghiệm, sử dụng 07 nền tảng số: Nền tảng quản trị doanh nghiệp hợp nhất; Phần mềm kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa; Phần mềm hóa đơn điện tử; Dịch vụ chữ ký số; Phần mềm quản lý nhà hàng; Phần mềm quản lý cửa hàng cửa hiệu; Nền tảng kế toán dịch vụ.  - Tổ chức 33 khóa/lớp tập huấn, đào tạo cho 172 doanh nghiệp kỹ năng sử dụng, khai thác các nền tảng số thông qua các hội nghị trực tuyến và trực tiếp;  - Tổ chức 02 Hội thảo giải pháp chuyển đổi số doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.  - Thí điểm đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp (DBI) đối với 06 doanh nghiệp, tư vấn cho các doanh nghiệp lựa chọn các nền tảng số trong chương trình SMEdx để trải nghiệm và thực hiện chuyển đổi số.  - Xây dựng Cổng đăng ký tên miền .vn tại tỉnh Thái Nguyên và hỗ trợ triển khai miễn phí 15 website cho doanh nghiệp, hợp tác xã nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế số của địa phương.  - Triển khai thành công hóa đơn điện tử cho 7.560/7.560 tổ chức, doanh nghiệp, hộ, cá nhân kinh doanh (đạt tỷ lệ 100%)  - Tỷ lệ doanh nghiệp thực hiện khai thuế điện tử đạt 99,5%  - Tỷ lệ doanh nghiệp đăng ký tài khoản nộp thuế điện tử đạt 98%  - Tỷ lệ số doanh nghiệp nộp thuế điện tử/Tổng số doanh nghiệp nộp thuế đạt 98%  - Tỷ lệ hoàn thuế GTGT qua hình thức điện tử đạt 100%.  - Có 317.204 khách hàng với 5.530 điểm cung cấp dịch vụ Mobile Money  - Có 2.345 sản phẩm được cập nhật, đã đăng 129 sản phẩm OCOP, có 221 đơn vị tự đưa được sản phẩm trực tiếp lên Sàn giao dịch Thương mại điện tử tỉnh Thái Nguyên  - Có 189.903 hộ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh được tạo tài khoản, đã đưa lên 2 sàn thương mại điện tử (Postmart, Vỏ sò) với 1.852 sản phẩm nông nghiệp; tổng số giao dịch trên 2 sàn đạt 14.594 giao dịch.  - Có tối thiểu 60 Chợ 4.0, tại các chợ trong phạm vi triển khai sẽ có 100% các tiểu thương, hộ kinh doanh được trang bị quét mã QR thanh toán không dùng tiền mặt và mỗi chợ đưa được tối thiểu 01 sản phẩm đặc trưng lên sàn thương mại điện tử; 100% các chợ theo danh sách đăng ký thực hiện thu các khoản thu (tiền điện, thuê vị trí...) bằng hình thức không dùng tiền mặt. | | |
| **h)** | Xã hội số | | |
|  | - Triển khai phổ cập kỹ năng số cho thành viên Tổ Công nghệ số cộng đồng và người dân thông qua Kênh Zalo Chuyển đổi số quốc gia.  - Ứng dụng Thái Nguyên ID đạt được 72.248 lượt cài đặt; 2707 tài khoản eKYC; 255 hồ sơ việc làm; 5674 tin thuê nhà; 4897 tin tuyển dụng; 14898 tin rao vặt, 1885 tin voucher, 104 tin phản ánh hiện trường.  - 100% cơ sở khám chữa bệnh đã tiếp nhận khám chữa bệnh BHYT bằng căn cước công dân  - 100% công ty, nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc đã liên thông phần mềm dược quốc gia  - Khởi tạo dữ liệu hồ sơ sức khỏe điện tử ban đầu cho 1.304.097 nhân khẩu, 298.489 hộ gia đình  - Đã thành lập 2.255 Tổ công nghệ số cộng đồng  - Tổ chức Chương trình bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cho Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa tỉnh Thái Nguyên năm 2022 theo hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến với 188 điểm cầu, với trên 14.000 người tham dự. | | |
|  | [**Tỉnh Thừa Thiên - Huế**](https://chinhphu.vn/thong-tin-tinh-thanh?city=1383) | Báo cáo số 523/BC-STTTT ngày 13/12/2022 | Kế hoạch số 311/KH-UBND ngày 25/8/2022 |
| **a)** | Thể chế | | |
|  | - Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 12/11/2021 về chuyển đổi số tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025, định hướng đến năm 2030  - Chương trình hành động 120/CTr-UBND thực hiện Nghị quyết số 12  - Kế hoạch số 80/KH-UBND ngày 03/3/2022 triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025  - Kế hoạch số 160/KH-UBND ngày 18/4/2022 triển khai Đề án Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030  - Kế hoạch số 138/KH-HueIOC ngày 244/6/2022 về việc truyền thông nâng cao nhận thức chuyển đổi số năm 2022  - Kế hoạch số 355/KH-UBND ngày 30/9/2022 về việc phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025 | | |
| **b)** | Hạ tầng, dữ liệu số | | |
|  | - Hạ tầng thiết yếu: Kết nối liên thông LGSP với NGSP, kết nối Chính phủ.  - Trung tâm dữ liệu HueIOC, thí điểm kết nối Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ.  - Triển khai 73 cơ sở dữ liệu dùng chung, chuyên ngành; Cổng dữ liệu mở của tỉnh.  - Triển khai Cổng kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia về KHCN.  - Triển khai Bảo tàng số, Bảo tàng thiên nhiên duyên hải miền Trung phục vụ tham quan, du lịch, nghiên cứu. | | |
| **c)** | Tỷ lệ phủ sóng, hạ tầng băng rộng, bưu chính | | |
|  | - Mạng di động: 1.133/1.133 thôn (100%).  - Hạ tầng băng rộng cố định: 1.129/1.133 thôn (99,64%).  - Số điểm phục vụ bưu chính: 193, kết nối internet 100%.  - Số điểm bưu điện văn hóa xã: 111. | | |
| **d)** | Khu công nghệ | | |
|  | - Khu công nghệ thông tin tập trung để thúc đẩy phát triển doanh nghiệp số, nhân lực số | | |
| **đ)** | Nền tảng số địa phương | | |
|  | - 5/7 nền tảng số dùng chung: LGSP; Phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung; Quản trị tổng thể; Họp trực tuyến; Giám sát trực tuyến.  - Triển khai Sàn Giao dịch công nghệ; Điểm Kết nối cung cầu công nghệ (chợ ảo).  - Triển khai Hue-S tích hợp dịch vụ đô thị thông minh và chính quyền số. | | |
| **e)** | Nhân lực số | | |
|  | - Tổ Công nghệ số cộng đồng: 141/141 xã (100%), hơn 4.000 thành viên.  - Đào tạo Lãnh đạo cấp xã: 528 học viên.  - Phổ cập kỹ năng số cộng đồng: hơn 4.000 thành viên Tổ Công nghệ số cộng đồng  - Bồi dưỡng Lãnh đạo, đào tạo kiến thức CNTT chuyên sâu cho cán bộ chuyên trách CNTT.  - Tập huấn chuyển đổi số, an toàn thông tin cho các cán bộ, công chức. | | |
| **g)** | Kinh tế số | | |
|  | - Tỷ lệ doanh nghiệp nộp thuế điện tử: 4.842 doanh nghiệp (83,89%)  Số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận, tham gia Chương trình SMEdx: 600.  - Số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số: 2.800.  - Tuần lễ Chuyển đổi số thu hút sự tham gia của 50 diễn giả, hơn 1000 lượt đại biểu, 3000 khách tham quan.  - Ra mắt ví điện tử Hue-S triển khai giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt hiện có hơn 21.000 tài khoản, hơn 300 điểm chấp nhận thanh toán. | | |
| **h)** | Xã hội số | | |
|  | - 100% hộ gia đình có địa chỉ số.  - 45% người dân biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông.  - 137/141 xã triển khai chi trả bảo trợ xã hội điện tử.  - Tuyên truyền, hướng dẫn người dân hình thành kỹ năng số, sử dụng thành thạo Nền tảng số, hoàn thiện công dân số. | | |
|  | [**Tỉnh Tiền Giang**](https://chinhphu.vn/thong-tin-tinh-thanh?city=1384) | Báo cáo số 2126/STTTT-CNTT&BCVT ngày 13/12/2022 |  |
| **a)** | Thể chế | | |
|  | * Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 06/10/2021 về chuyển đổi số tỉnh Tiền Giang đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030. * Kế hoạch số 370/KH-UBND ngày 08/12/2021 về Chuyển đổi số tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030. * Quyết định số 605/QĐ-UBND ngày 16/3/2021 về Phê duyệt Đề án Chính quyền số tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2020 – 2025, định hướng đến năm 2030. * Ban hành 16 văn bản chỉ đạo điều hành về thúc đẩy hoạt động chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh (trong đó 06 Quyết định, 06 Kế hoạch, 04 Công văn) và nhiều văn bản khác về chỉ đạo công tác chuyển đổi số. * Tờ trình số 1949/TTr-STTTT ngày 21/11/2022 xem xét ban hành Kế hoạch Triển khai Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022-2025 tại Tờ trình số 1949/TTr-STTTT ngày 21/11/2022. * Kế hoạch số 203/KH-UBND ngày 10/6/2022 về Kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Tiền Giang, giai đoạn 2022 – 2025. * Kế hoạch số 236/KH-UBND ngày 15/7/2022 về hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. * Kế hoạch số 57/KH-UBND ngày 21/02/2022 triển khai thực hiện Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 – 2025. | | |
| **b)** | Hạ tầng, dữ liệu số | | |
|  | * Nền tảng, tích hợp chia sẻ dữ liệu tỉnh Tiền Giang (LGSP) liên thông với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP). * 100% cơ quan hành chính nhà nước triển khai phần mềm Quản lý văn bản và điều hành liên thông các cấp qua Trục liên thông quốc gia (VDXP; tích hợp chữ ký số. * Cổng dịch vụ công trực tuyến cung cấp tổng số 1.852 DVCTT, trong đó có 128 mức độ 2; 356 mức độ 3 và 1.368 mức độ 4 (đạt tỷ lệ 73,86% số DVCTT ở cấp độ 4); liên thông Cổng Dịch vụ công quốc gia; tích hợp với Cổng thanh toán quốc gia PayGov, kết nối các cơ sở dữ liệu quốc gia trọng yếu (dân cư, đất đai, doanh nghiệp, TTHC, lý lịch tư pháp); xây dựng chức năng kho dữ liệu cá nhân, tổ chức. * Hệ thống thư điện tử công vụ cấp trên 11.210 tài khoản. * Hệ thống Cổng thông tin điện tử (TTĐT) tỉnh (tiengiang.gov.vn) gồm: 01 cổng chính và 33 cổng thành phần (22 Cổng TTĐT của các sở, ban, ngành cấp tỉnh; 11 cổng TTĐT các huyện, thị xã, thành phố) và 172 Cổng TTĐT cấp 4 của cấp xã, phường, thị trấn. * Hệ thống họp trực tuyến 02 chiều. * Hệ thống báo cáo đa ngành khai báo hơn 18 mẫu báo cáo. * Hệ thống tiếp nhận phản ánh kiến nghị (Tổng đài hỗ trợ dịch vụ công 1022 Tiền Giang). * Hệ thống giám sát, điều hành an ninh trật tự với tổng số lượng Camera quan sát là 335 (trong đó 80 Camera thông minh). * Thử nghiệm Nền tảng trung tâm giám sát điều hành thông minh (IOC). * Hệ thống phòng chống, chia sẻ mã độc. * Hệ thống thông tin quản lý cơ sở hạ tầng đa ngành; hệ thống kết nối thông tin nông nghiệp, nông dân, nông thôn tỉnh; cơ sở dữ liệu ngành công an (lớp bản đồ bảo vệ mục tiêu); hệ thống thông tin quản lý kết cấu hạ tầng giao thông vận tải; Cơ sở dữ liệu ngành y tế; giáo dục và đào tạo; văn hóa, thể thao và du lịch. * Mạng truyền số liệu chuyên dùng cho 214 cơ quan hành chính nhà nước; 100% cơ quan nhà nước của tỉnh có mạng cục bộ (LAN). * Phê duyệt 06 HTTT (trong đó đã 03 HTTT cấp độ 2 và 03 HTTT cấp độ 3). | | |
| **c)** | Tỷ lệ phủ sóng, hạ tầng băng rộng, bưu chính | | |
|  | * 18 doanh nghiệp với 283 điểm phục vụ bưu chính; số người dân phục vụ bình quân 6.343 người/1 điểm; bán kính phục vụ đạt 1,672 km/1 điểm. * Tổng số điểm thu phát sóng thông tin di động 983 vị trí. Tỷ lệ phủ sóng thông tin di động 3G, 4G đã đạt 100% xã, thị trấn trên toàn tỉnh. Internet cáp quang tốc độ cao đã đến 100% trung tâm xã; Internet di động băng rộng phủ sóng 100% địa bàn. | | |
| **d)** | Khu công nghệ | | |
|  |  | | |
| **đ)** | Nền tảng số địa phương | | |
|  | * Công dân số TienGiangS. | | |
| **e)** | Nhân lực số | | |
|  | * Thành lập 1.187 Tổ Công nghệ số cộng đồng với 7.288 thành viên; mỗi ấp/khu phố, tổ dân phố/tổ tự quản thành lập 01 Tổ; biên soạn bộ tài liệu triển khai và tập huấn trên 1.187 Tổ với hơn 7.288 thành viên. * 11/11 UBND cấp huyện đã thành lập Ban Chỉ đạo chuyển đổi số; tổ chức 76 lớp đào tạo, tập huấn CNTT với tổng số 1.981 CBCCVC và doanh nghiệp; bồi dưỡng trên Nền tảng học trực tuyến mở đại trà với 558 học viên; 01 lớp tập huấn theo hình thức trực tiếp cho trên 350 là lãnh đạo các xã, phường, thị trấn. | | |
| **g)** | Kinh tế số | | |
|  | * Có 238.597 hộ sản xuất nông nghiệp cung cấp sản phẩm lên sàn thương mại điện tử (voso.vn và postmart.vn) với 1.521 sản phẩm và 12.947 lượt giao dịch. * Tập huấn chuyển đổi số và kỹ năng số cho hơn 200 doanh nghiệp; tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số ước đạt 40%. * Thí điểm mô hình chợ 4.0 thanh toán không dùng tiền mặt tại chợ Vĩnh Bình. | | |
| **h)** | Xã hội số | | |
|  | * 615.932 hồ sơ TTHC; tỷ lệ giải quyết hồ sơ trước hạn 87.2%, đúng hạn 11.07% và 1.72% hồ sơ trễ hạn; tổng số lượt truy cập vào trang dịch vụ hành chính công của tỉnh 50.757.466 lượt. So với cùng kỳ, tỷ lệ hồ sơ giải quyết trước hạn tăng 1.83%; đúng hạn giảm 0.76%; trễ hạn giảm 1.08%; tổng số lượt truy cập tăng 13.727.655 lượt truy cập. * Có 2.212.325 thuê bao di động. * Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh là 85,5%. * Tỷ lệ hộ gia đình có điện thoại thông minh là 87,4%. * Tỷ lệ hộ gia đình có cáp quang băng rộng là 68,3%. * Có hơn 309.787 lượt cài đặt TienGiangS với tổng số 112.134 tài khoản người dùng. * Tiếp nhận 3.117 phản ánh kiến nghị từ người dân, doanh nghiệp trên 1022 Tiền Giang. * 100% hồ sơ TTHC được đồng bộ trạng thái lên Cổng dịch vụ công quốc gia. * Xử lý 1.132 trường hợp vi phạm giao thông qua hệ thống giám sát. * Lồng ghép các nội dung tại Quyết định số 749/QĐ-TTg vào “Chuyên mục Chính quyền số” được phát sóng định kỳ trên Đài Phát thanh và Truyền hỉnh tỉnh | | |
|  | [**Tỉnh Trà Vinh**](https://chinhphu.vn/thong-tin-tinh-thanh?city=1385) | Báo cáo số 2617/BC-STTTT-BCVTCNTT ngày 20/12/2022 |  |
| **a)** | Thể chế | | |
|  | * Nghị quyết số 09/NQ-TU ngày 26/01/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Trà Vinh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. * Kế hoạch số 50/KH-UBND ngày 12/7/2022 về triển khai Thực hiện Nghị quyết số 09/NQ-TU ngày 26/01/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Trà Vinh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. * Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 06/6/2022 của UBND tỉnh về Hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; * Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 19/9/2022 về phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; * Quyết định số 695/QĐ-UBND ngày 07/4/2022 về ban hành Chương trình Triển khai Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số, phát triển kinh tế số trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. | | |
| **b)** | Hạ tầng, dữ liệu số | | |
|  | * Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) kết nối với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP); 10 hệ thống trung ương đã hoàn thành kết nối với Cổng dịch vụ công của tỉnh qua LGSP. * Hệ thống của tỉnh: Hệ thống Quản lý văn bản điều hành; hệ thống ISO điện tử; hệ thống thông tin Một cửa điện tử; hệ thống quản lý đất đai (VBDLis - Sở TNMT); Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh; Hệ thống Khai thác kho dữ liệu dùng chung; hệ thống Phản ánh kiến nghị; Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC). * Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh; Hệ thống Khai thác kho dữ liệu dùng chung. * Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC). * Giải pháp phòng, chống mã độc tập trung; cài đặt 100% máy tính. * Hệ thống bảo mật mạng LAN của 133 cơ quan. * Cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý ngành, lĩnh vực, gồm: Quản lý cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã; Doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể, hợp tác xã; Kinh tế xã hội; Hộ kinh doanh; Đất đai, bản đồ số; Thông tin dữ liệu môi trường, tài nguyên nước, địa chất và khoáng sản; Đoàn viên, hội viên; Hồ sơ sức khỏe điện tử; Quản lý bệnh viện; Quản lý trường học; Quản lý hồ sơ người có công; Công bố giá vật liệu xây dựng hàng tháng; công bố chỉ số giá xây dựng hàng quý; Quản lý dự án đầu tư; Quản lý chế độ chính sách; Thẩm định quyết toán ngân sách; Quản lý tài chính, điều hành, quyết toán ngân sách; Môi trường ngành công thương; Ngành công thương; Quản lý giấy phép lái xe; Quản lý vận tải đường bộ; Thông tin dữ liệu về đề tài/dự án; Thông tin dữ liệu về thống kê KH&CN;…. | | |
| **c)** | Tỷ lệ phủ sóng, hạ tầng băng rộng, bưu chính | | |
|  | * Mạng truyền dẫn cáp quang được triển khai đến 100% xã, phường, thị trấn. Toàn tỉnh có 1.208 trạm BTS (trong đó 86,18% trạm 4G); * 100% xã, phường, thị trấn được phủ sóng thông tin di động 4G;…. * Số điểm phục vụ bưu chính là 247 điểm. | | |
| **d)** | Khu công nghệ | | |
|  |  | | |
| **đ)** | Nền tảng số địa phương | | |
|  | * Sàn thương mại điện tử của tỉnh * Smart Trà Vinh | | |
| **e)** | Nhân lực số | | |
|  | * Thành lập Tổ Công nghệ số cộng đồng tại 100% cấp huyện, xã với 732 tổ và 3.842 thành viên; được bồi dưỡng kỹ năng số. * Cử 234 lượt cán bộ tham gia khóa bồi dưỡng, tập huấn đội ngũ nòng chuyển đổi số, khóa Cách tiếp cận nền tảng trong chuyển đổi số; khóa bồi dưỡng về chuyển đổi số cho Lãnh đạo UBND cấp xã; khóa bồi dưỡng đề án 146 trên nền tảng One Touch. * Tổ chức các hội nghị, hội thảo nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, triển khai giải pháp chuyển đổi số của ngành, lĩnh vực như nông nghiệp, tài chính - ngân hàng, tài nguyên môi trường, du lịch,….; hướng dẫn, tập huấn nội dung liên quan chuyển đổi số với hơn 3.700 lượt cán bộ. * Bồi dưỡng, tấp huấn, cung cấp thông tin cho các thành viên của Tổ Công nghệ số cộng đồng về các chủ trương, chính sách, pháp luật về chuyển đổi số; hướng dẫn cài đặt, sử dụng nền tảng số, công nghệ số, kỹ năng số. * Tham gia các hội thảo, diễn tập về đảm bảo an toàn, an ninh thông tin: Hội thảo và triển lãm quốc tế về an toàn thông tin khu vực phía Nam năm 2022; Diễn tập quốc tế APCERT năm 2022 với chủ đề “Data Breach through Security Malpractice - Lộ lọt dữ liệu do thực hành bảo mật”; Diễn tập quốc tế Asean-Nhật bản về an toàn thông tin trên không gian mạng (ngày 23/6/2022), đội Sở Thông tin và Truyền thông Trà Vinh xếp hạng 12/118 đội tham dự;…. | | |
| **g)** | Kinh tế số | | |
|  | * Có trên 300 doanh nghiệp kinh doanh lĩnh vực công nghệ thông tin, hầu hết là doanh nghiệp nhỏ, kinh doanh các sản phẩm phần cứng (máy tính, máy in, các linh kiện điện tử, …), một số doanh nghiệp sản xuất gia công, cung cấp sản phẩm, dịch vụ phần mềm, và nội dung số nhưng quy mô còn nhỏ lẻ, số lượng lao động ít. * Có 3.768 mã số thuế đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử; 100% tổ chức, doanh nghiệp, hộ kê khai đã đăng ký thực hiện hóa đơn điện tử. * Triển khai chợ không dùng tiền mặt tại 02 chợ; thanh toán tiền điện không dùng tiền mặt qua hình thức trích nợ tự động, qua tài khoản ngân hàng, ví điện tử, mobile money, điểm thu của Tổ chức trung gian thanh toán đạt 99,82%. * Khoảng 4,9% doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số. * Có 125 doanh nghiệp tham gia sàn thương mại điện tử của tỉnh với 638 sản phẩm. * Có 68.627 hộ sản xuất nông nghiệp có tài khoản bán hàng trên sàn thương mại điện tử Postmart.vn (68.627 hộ) và Voso.vn (59.000 hộ) với 1.142 loại sản phẩm, có 89/104 sản phẩm OCOP. * Tổ chức các hội nghị, hội thảo triển khai giải pháp chuyển đổi số của ngành, lĩnh vực, gồm nông nghiệp, tài chính - ngân hàng, tài nguyên môi trường, du lịch,… | | |
| **h)** | Xã hội số | | |
|  | * Trên 74% người dân sử dụng Internet; trên 60% dân số trên địa bàn tỉnh có điện thoại thông minh; tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng đạt 59,25%. * Tổng số người từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch ngân hàng là 646.721 người. * 100% các trường học trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện thu học phí không dùng tiền mặt; 02/12 bệnh viện đã triển khai thanh toán không dùng tiền mặt (Bệnh viên Đa khoa Trà Vinh, Bệnh viện Sản - Nhi); * Phát sóng các tin, phóng sự tuyên truyền những nội dung liên quan về chuyển đổi số tần suất 1 tuần/lần. | | |
|  | [**Tỉnh Tuyên Quang**](https://chinhphu.vn/thong-tin-tinh-thanh?city=1386) | Báo cáo số 345/BC-STTTT ngày 11/12/2022 |  |
| **a)** | Thể chế | | |
|  | * Nghị quyết số 48-NQ/TU ngày 15/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; * Nghị quyết số 33-NQ/TU ngày 22/6/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (Khóa XVII) về phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị động lực và hạ tầng công nghệ thông tin tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025. * Quyết định số 559/QĐ-UBND, ngày 10/9/2021 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị động lực và hạ tầng công nghệ thông tin tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025; * Quyết định số 619/QĐ UBND ngày 28/5/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Phê duyệt danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 của tỉnh Tuyên Quang thực hiện tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia năm 2022; * Quyết định số 641/QĐ-UBND ngày 06/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Tuyên Quang; * Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 của UBND tỉnh, Ban hành Bộ chỉ số đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số tại các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; * Quyết định số 438/QĐ-UBND ngày 07/7/2022 của UBND tỉnh ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến tỉnh Tuyên Quang; * Quyết định số 469/QĐ-UBND ngày 25/7/2022 của UBND tỉnh phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Tuyên Quang, phiên bản 2.0. * Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 11/01/2021 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; * Kế hoạch số 235/KH-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị động lực và hạ tầng công nghệ thông tin giai đoạn 2021-2025 thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TU ngày 22/6/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XVII); * Kế hoạch số 01/KH-BCĐ ngày 26/3/2022 của Ban chỉ đạo triển khai áp dụng hóa đơn điện tử triển khai áp dụng hóa đơn Điện tử trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; * Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 12/4/2022 của UBND tỉnh, thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (Khoá XVII) về chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; * Kế hoạch số 69/KH-UBND ngày 27/4/2022 của UBND tỉnh về hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2022-2025; * Kế hoạch số 83/KH-UBND ngày 19/5/2022 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; * Kế hoạch số 84/KH-UBND ngày 19/5/2022 của UBND tỉnh thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; * Kế hoạch số 94/KH-UBND ngày 26/5/2022 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch chuyển đổi IPv6 trong các cơ quan nhà nước tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2022-2025; * Kế hoạch số 119/KH-UBND ngày 20/6/2022 của UBND tỉnh Triển khai Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số tỉnh Tuyên Quang; * Kế hoạch số 171/KH-UBND ngày 11/9/2022 của UBND tỉnh đào tạo, tập huấn kỹ năng số cho Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2022; * Kế hoạch số 187/KH-UBND ngày 03/10/2022 của UBND tỉnh nâng cao chỉ số đánh giá, cải thiện vị trí xếp hạng chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang năm 2022; * Kế hoạch số 188/KH-UBND ngày 05/10/2022 của UBND tỉnh tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2022 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; * Kế hoạch số 182/KH-UBND ngày 27/9/2022 của UBND tỉnh truyền thông Ngày Chuyển đổi số quốc gia 10/10 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2022; * Kế hoạch số 01/KH-BCĐ ngày 21/4/2022 của Ban chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang về Hoạt động của Ban chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang năm 2022; * Kế hoạch số 02/KH BCĐ ngày 13/5/2022 về Tổ chức triển khai Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn huyện, thành phố tỉnh Tuyên Quang; * Kế hoạch số 215/KH-UBND ngày 09/11/2022 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025. | | |
| **b)** | Hạ tầng, dữ liệu số | | |
|  | * 167 điểm cầu của Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến tỉnh Tuyên Quang đang hoạt động trên đường truyền mạng TSLCD. * Ứng dụng IPv6 trên hạ tầng, mạng lưới dịch vụ của các cơ quan nhà nước. * Đang xin chủ trương triển khai nền tảng dùng chung phần mềm nghiệp vụ và kho cơ sở dữ liệu; Nền tảng dùng chung trí tuệ nhận tạo (AI); Nền tảng bản đồ số dùng chung của tỉnh;… * Triển khai Nền tảng Họp hội nghị truyền hình trực tuyến; Nền tảng Dịch vụ công và Một cửa điện tử; nền tảng Quản lý văn bản; … kết nối chia sẻ dữ liệu với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP); trục liên thông văn bản quốc gia;... * Nền tảng chung tích hợp chia sẻ các hệ thống thông tin quy mô cấp tỉnh (LGSP tỉnh Tuyên Quang). * Hệ thống Thông tin giải quyết TTHC của tỉnh Tuyên Quang đã được kết nối với: Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống đánh giá Bộ chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp (của Văn phòng Chính phủ), Hệ thống thu thập, đánh giá mức độ truy cập sử dụng (Hệ thống EMC của Bộ Thông tin và Truyền thông). * Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Tuyên Quang đã kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. * Tích hợp Zalo Official Account với Hệ thống thông tin một cửa điện tử các cơ quan nhà nước tỉnh Tuyên Quang; đã tạo tài khoản Zalo Official Account và thực hiện xác thực tài khoản thành công. * Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh kết nối với dữ liệu điện tử Quản lý vận tải từ Hệ thống DVC trực tuyến Bộ Giao thông vận tải và kết nối, liên thông dữ liệu với Hệ thống quản lý lý lịch tư pháp dùng chung của Bộ Tư pháp. * Có 31 CSDL dùng chung của tỉnh (trong đó có 09 CSDL mở). * Có 04 hệ thống thông tin đã được phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin và phương án bảo đảm an toàn thông tin. * Giải pháp phòng chống mã độc tập chung; Hệ thống giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng tập trung (SOC). | | |
| **c)** | Tỷ lệ phủ sóng, hạ tầng băng rộng, bưu chính | | |
|  | * 100% các trung tâm xã, phường, thị trấn đã được phủ sóng băng rộng cáp quang; 100% UBND các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị được kết nối Internet băng rộng cáp quang; 1.408/1.733 thôn, bản, tổ dân phố đã có hạ tầng Internet cáp quang, đạt 81,2%; phủ sóng thông tin di động đến 1.675/1.733 thôn, đạt gần 97%. * 65 trạm phát sóng, đang tiếp tục đẩy mạnh phát triển các dịch vụ trên hạ tầng băng rộng cố định và di động băng rộng, trong đó dịch vụ 4G, 5G. * Tỷ lệ hộ gia đình có cáp quang băng rộng là 52%. | | |
| **d)** | Khu công nghệ | | |
|  |  | | |
| **đ)** | Nền tảng số địa phương | | |
|  | * App Tuyên Quang ID. * Zalo Official Account: Chính quyền số tỉnh Tuyên Quang. * Sàn Thương mại điện tử tỉnh Tuyên Quang. | | |
| **e)** | Nhân lực số | | |
|  | * Thành lập 1.871 Tổ Công nghệ số cộng đồng (cấp xã: 138, cấp thôn: 1.733) với tổng số thành viên là: 10.257 (cấp xã: 1.351, cấp thôn: 8.906); Tỷ lệ Tổ Công nghệ số cộng đồng cấp xã và cấp thôn trên địa bàn tỉnh đạt 100%; tập huấn cho khoảng 10.000 thành viên Tổ. * Ban Chỉ đạo chuyển đổi số của tỉnh với 30 thành viên; Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số của tỉnh với 36 thành viên. * Đào tạo khoảng 160 sinh viên chuyên ngành Công nghệ thông tin; 60 học viên hệ trung cấp chuyên ngành Công nghệ thông tin và phần mềm. * Gần 500 cán bộ tham gia Chương trình bồi dưỡng về chuyển đổi số cho lãnh đạo UBND cấp xã trên Nền tảng học trực tuyến mở đại trà; 30 cán bộ đăng ký tham gia khóa đào tạo kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho người dùng cuối; Khoảng 200 công chức được tập huấn sử dụng Phần mềm chấm điểm chỉ số đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số tại các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, sử dụng các ứng dụng dùng chung của tỉnh Tuyên Quang; Khoảng 2.571 lượt cán bộ tham gia bồi dưỡng kiến thức về chuyển đổi số. * Có chuyên mục riêng về Chuyển đổi số với lượng bài viết định kỳ ít nhất 01 bài/tuần; sản xuất các tin, bài, phóng sự, câu chuyện, phim tài liệu về kinh tế số, xã hội số trên phát thanh, truyền hình; tìm kiếm, phổ biến kinh nghiệm, câu chuyện thành công về phát triển kinh tế số và xã hội số; mở các chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền về kinh tế số và xã hội số trên các kênh có đông khán thính giả. * Tổ chức Hội nghị Chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Tuyên Quang với khoảng 230 đại biểu tham dự, Tọa đàm Chuyển đổi số trong doanh nghiệp - Thực trạng và giải pháp;... | | |
| **g)** | Kinh tế số | | |
|  | * Có 88 máy ATM/CDM, 319 máy POS/mPOS, trên 3.000 điểm QR-Code, cung cấp dịch vụ trả lương qua tài khoản cho hơn 800 cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, cung cấp dịch vụ nộp thuế qua tài khoản ngân hàng cho hơn 2.000 doanh nghiệp, hợp tác xã. * Khoảng 59.698 tài khoản Mobile Money (VNPT Money, Viettel Money, MobiFone Money) đang hoạt động trên địa bàn tỉnh để khách hàng có thể thanh toán các giao dịch trực tuyến một cách dễ dàng, thuận tiện. * Số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đã đăng ký sử dụng dịch vụ hóa đơn điện tử đạt 99,4%; 100% doanh nghiệp tham gia khai thuế điện tử và 100% doanh nghiệp tham gia sử dụng dịch vụ nộp thuế điện tử. * Có 878 doanh nghiệp đăng ký với 2.437 sản phẩm, trong đó có 163 sản phẩm thuộc mục nông, lâm, thủy sản và 10 sản phẩm thuộc lĩnh vực du lịch, lữ hành đăng tải lên Sàn TMĐT của tỉnh. * Có 17 hộ sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp trong tỉnh đã đăng ký đưa gần 50 sản phẩm lên sàn postmart và voso. * 128 sản phẩm của 124 doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh (gồm: 111 sản phẩm về thực phẩm; 06 sản phẩm thảo dược; 07 sản phẩm về đồ uống; 04 sản phẩm về du lịch, bán hàng) được giới thiệu trên Trang thông tin điện tử Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm”. * Hơn 1.000 doanh nghiệp vừa và nhỏ của tỉnh đã ứng dụng công nghệ thông tin vào sản xuất kinh doanh. * Mô hình chợ 4.0 đang được triển khai tại các chợ An Phú, Tam cờ. | | |
| **h)** | Xã hội số | | |
|  | * Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh là 75%; tỷ lệ hộ gia đình có điện thoại thông minh là 90%. * 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4. * 100% dịch vụ công trực tuyến được thiết kế, thiết kế lại nhằm tối ưu hóa trải nghiệm người dùng, khi sử dụng được điền sẵn dữ liệu mà người dùng đã cung cấp trước đó theo thỏa thuận, phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ. * 100% người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương. * Tối thiểu 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính. * 100% cơ quan nhà nước cấp bộ, tỉnh tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở. * 100% cơ quan nhà nước cung cấp dịch vụ 24/7, sẵn sàng phục vụ trực tuyến bất cứ khi nào người dân và doanh nghiệp cần. * 100% hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước được thực hiện trên nền tảng quản trị tổng thể, thống nhất. * 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng, trừ văn bản mật. * 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 97% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 94% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước). * 100% công tác báo cáo được thực hiện trên hệ thống thông tin báo cáo quốc gia. * 100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản. * Triển khai Chương trình dạy và học về kỹ năng số và STEM/STEAM trong giáo dục tiểu học và phổ thông. * Bệnh viện Đa khoa tỉnh lắp đặt hệ thống máy POS tại 03 điểm thu viện phí; 100% cơ sở giáo dục trên địa bàn khu vực đô thị chấp nhận thanh toán học phí bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt. | | |
|  | [**Tỉnh Tây Ninh**](https://chinhphu.vn/thong-tin-tinh-thanh?city=1387) | Báo cáo số 1913/BC-STTTT ngày 13/12/2022 |  |
| **a)** | Thể chế | | |
|  | * Quyết định số 1155/QĐ-UBND ngày 24/5/2022 ban hành Kế hoạch nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 | | |
| **b)** | Hạ tầng, dữ liệu số | | |
|  | * Các hệ thống CSDL quốc gia, CSDL ngành, lĩnh vực do các cơ quan ở Trung ương chia sẻ qua trục NGSP đã được kết nối về trục LGSP (VNPost, hộ tịch, tư pháp, liên thông VBDlis, văn bản pháp luật, đăng ký kinh doanh, giao thông vận tải) * Hệ thống văn phòng điện tử triển khai cho 100% cơ quan chuyên môn; 100% văn bản liên thông, xử lý trên môi trường mạng; 100% Sở, ngành, UBND huyện, xã; tích hợp Hệ thống chứng thực chữ ký số chuyên dùng của Chính phủ. * Hệ thống thông tin báo cáo; Phần mềm Họp không giấy. * Hệ thống hỏi đáp trực tuyến; Hệ thống tổng đài 1022 tiếp nhận phản ánh hiện trường của người dân. | | |
| **c)** | Tỷ lệ phủ sóng, hạ tầng băng rộng, bưu chính | | |
|  |  | | |
| **d)** | Khu công nghệ | | |
|  |  | | |
| **đ)** | Nền tảng số địa phương | | |
|  | * Sàn sannongsan.tayninh.gov.vn * Sàn tayninhtrade.com * Tây Ninh Smart * Triển khai được 9/18 nền tảng chính quyền số. | | |
| **e)** | Nhân lực số | | |
|  | * Thành lập được 493 Tổ công nghệ số cộng đồng, trong đó có 481 Tổ cấp ấp/khu phố và 12 Tổ cấp xã/phường/thị trấn; phổ cập kỹ năng số cộng đồng trên nền tảng học trực tuyến mở đại trà, tổ chức 02 lớp trực tuyến hướng dẫn Tổ sử dụng các nền tảng số và lễ ra quân hướng dẫn người dân tham gia học trực tuyến. * Tổ chức 06 lớp đào tạo về chuyển đổi số cho CBCCVC tham gia; 316 công chức lãnh đạo cấp xã và quy hoạch lãnh đạo cấp xã tham gia đào tạo trên nền tảng trực tuyến <https://onetouch.mic.gov.vn/>, kết quả có 293 công chức đã hoàn thành khóa đào tạo | | |
| **g)** | Kinh tế số | | |
|  | * Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP là 9,56%. * Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số là 1.220 DN, đạt 3,6%. * Số lượng tên miền .vn trên địa bàn tỉnh là 1.077, đạt 2%. * Tỷ lệ doanh nghiệp nộp thuế điện tử là 4.079 DN, đạt 100%. * Triển khai thúc đẩy phát triển thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh dựa trên 04 sàn thương mại điện tử gồm: Postmart, Voso, sannongsan.tayninh.gov.vn, tayninhtrade.com * Tỷ trọng doanh thu thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt 1,97%. | | |
| **h)** | Xã hội số | | |
|  | * Hệ thống hỏi đáp trực tuyến, Hệ thống tổng đài 1022 tiếp nhận phản ánh hiện trường của người dân mang lại nhiều tiện ích cho người dân. * Có hơn 133.000 tài khoản đăng ký trên ứng dụng Tây Ninh Smart; có 534 phản ánh, trong đó đã xử lý 444 phản ánh (tỷ lệ 83.1%), đúng hạn 308 phản ánh (tỷ lệ 69.4%). Tổng số câu hỏi trên hệ thống 762 câu hỏi của cá nhân tổ chức, trong đó đã trả lời được 731 câu hỏi (tỷ lệ 95.9 %). * Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 74.63% (835.000 người); * Tỷ lệ hộ gia đình có người có điện thoại thông minh đạt 88,94% (328.898 hộ); * Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cáp quang đạt 80.21% (264.607 hộ). | | |
|  | [**Tỉnh Vĩnh Long**](https://chinhphu.vn/thong-tin-tinh-thanh?city=1388) | Báo cáo số 475/BC-UBND ngày 30/12/2022 | Kế hoạch số 43/KH-UBND ngày 06/6/2022 |
| **a)** | Thể chế | | |
|  | * Quyết định 159/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 ban hành Chương trình hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long. * Kế hoạch 07/KH-UBND ngày 17/02/2022 hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. * Quyết định 559/QĐ-UBND ngày 22/3/2022 về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện phát triển thương mại điện tử năm 2022. * Kế hoạch 16/KH-UBND ngày 24/3/2022 triển khai thực hiện Chương trình Hỗ trợ Khởi nghiệp tỉnh Vĩnh Long năm 2022. * Quyết định 594/QĐ-UBND ngày 25/3/2022 phê duyệt Kế hoạch triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm. * Quyết định 633/QĐ-UBND ngày 31/3/2022 về việc phê duyệt kế hoạch triển khai áp dụng hóa đơn điện tử trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long. * Quyết định 635/QĐ-UBND ngày 31/3/2022 về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án “Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại” năm 2022 và kế hoạch khung giai đoạn 2022 – 2025 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long. * Quyết định 781/QĐ-UBND ngày 21/4/2022 về việc ban hành Kế hoạch phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2022. * Kế hoạch 28/KH-UBND ngày 26/4/2022 về triển khai thực hiện một số nhiệm vụ quan trọng thúc đẩy triển khai chuyển đổi số năm 2022. * Kế hoạch 30/KH-UBND ngày 4/5/2022 về triển khai Tổ công nghệ số cộng đồng tỉnh Vĩnh Long. * Nghị quyết 06-NQ/TU ngày 17/5/2022 của BCH Đảng Bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Vĩnh Long đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030. * Kế hoạch 36/KH-UBND ngày 19/5/2022 về triển khai thực hiện Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long. * Kế hoạch 38/KH-UBND ngày 20/5/2022 về hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh năm 2022. * Kế hoạch 47/KH-UBND ngày 16/6/2022 triển khai Đề án “Xác định Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số” trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long. * Quyết định 1425/QĐ-UBND ngày 14/7/2022 ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long. | | |
| **b)** | Hạ tầng, dữ liệu số | | |
|  | * Hệ thống quản lý nhà trường đến tất cả các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, dữ liệu được kết nối liên thông với hệ thống cơ sở dữ liệu ngành của Bộ Giáo dục và Đào tạo; 100% các cơ sở giáo dục đã được kết nối internet. * Hệ thống thông tin phần mềm quản lý giá cả nông sản và Hệ thống thông tin phần mềm truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông sản tích hợp trong sàn giao dịch điện tử nông sản Vĩnh Long cấp độ 2. * Phê duyệt 141 hệ thống thông tin, nâng tổng số hệ thống thông tin thành phần đã phê duyệt đến thời điểm hiện tại là 346 hệ thống thông tin (160 hệ thống thông tin cấp độ 1, 168 hệ thống thông tin cấp độ 2, 18 hệ thống thông tin cấp độ 3). * Kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin năm 2022 đối với 24 đơn vị có hệ thống thông tin cấp độ 1, 2; 02 đơn vị có hệ thống thông tin cấp độ 3. * Triển khai nền tảng số quốc gia: Kinh tế số (3 nền tảng: Nền tảng sàn thương mại điện tử, Nền tảng dữ liệu số nông nghiệp, Nền tảng hóa đơn điện tử), Xã hội số (6 nền tảng: Nền tảng địa chỉ số, Nền tảng quản lý tiêm chủng, Nền tảng hồ sơ sức khỏe điện tử, Nền tảng học kỹ năng trực tuyến mở (MOOCS), Nền tảng thiết bị IoT, Nền tảng họp trực tuyến thế hệ mới). * Phần mềm Quản lý khách lưu trú du lịch; Quản lý khám chữa bệnh tại 100% các cơ sở khám, chữa bệnh; Hệ thống thông tin quản lý trạm y tế cấp xã tại 100% các trạm y tế cấp xã. * Hệ thống truy xuất nguồn gốc điện tử. * Ứng dụng Thuế điện tử eTax Mobile; Hóa đơn điện tử; Văn bản điện tử (TaxOffice) cho công chức, người nộp thuế. * Hệ thống giao ban trực tuyến từ Sở Y tế đến các Trung tâm Y tế, bệnh viện. | | |
| **c)** | Tỷ lệ phủ sóng, hạ tầng băng rộng, bưu chính | | |
|  | * 208 điểm phục vụ bưu chính. * 1.337.124 thuê bao, tăng 17,45% so với năm 2021 (trong đó điện thoại cố định 14.265 thuê bao; điện thoại di động 1.322.859 thuê bao), đạt 130 thuê bao/100 dân; Số thuê bao Internet (cố định và di động) đạt 973.777 thuê bao, tăng 15,85 % so với năm 2021. * Hạ tầng viễn thông băng rộng (di động, cố định) phủ sóng 100% các ấp, khóm; 100 xã được phủ hạ tầng mạng băng rộng cáp quang; có 3.056 trạm BTS. * 8 đài truyền thanh, 1.975 cụm, trong đó số cụm loa ứng dụng CNTT-VT là 43 cụm, đảm bảo mỗi khóm ấp có từ 2 cụm loa trở lên. | | |
| **d)** | Khu công nghệ | | |
|  |  | | |
| **đ)** | Nền tảng số địa phương | | |
|  | * Sàn giao dịch điện tử nông sản Vĩnh Long <https://www.nsvl.com.vn>. * Ứng dụng App Smart Vĩnh Long. | | |
| **e)** | Nhân lực số | | |
|  | * 107 tổ Công nghệ số cộng đồng cấp xã (687 người), 752 tổ ấp (2786 người); 13 lớp tập huấn với 2.561 lượt người tham dự; 3.084 thành viên tham gia bồi dưỡng, tập huấn trực tuyến về chuyển đổi số, kỹ năng số thông qua Nền tảng học trực tuyến mở đại trà (OneTouch); 02 lớp tập huấn tại huyện Long Hồ có 110 lượt người tham dự. * 39 lớp tập huấn cho 3.728 lượt CBCCVC các nội dung liên quan chuyển đổi số | | |
| **g)** | Kinh tế số | | |
|  | * Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt 31,49%. * Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử đạt 100%. * Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt 100%. * Thông tin diễn biến giá cả 11 mặt hàng (gồm giá lúa, cá tra, cá điêu hồng, thịt heo, thịt bò, bưởi năm roi, cam sành, nhãn da bò, chôm chôm, xà lách xoong, phân bón) nông sản chủ lực của tỉnh qua hệ thống SMS, Zalo cho trên 200 thành viên (hơn 500 tin); Hội thảo, Hội nghị hỗ trợ ứng dụng thương mại điện tử. * Hỗ trợ 12 tổ chức, doanh nghiệp tham gia quảng bá trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; cập nhật lên website sàn giao dịch nông sản trong năm 2022 là 106 thông tin, 501 sản phẩm nông sản mua – bán của 426 tổ chức, doanh nghiệp tham gia. Tính đến tháng 11/2022 đã thu hút 2.402.688 lượt người truy cập, nâng tổng lượt truy cập lên 14.093.414 lượt truy cập. * Tổng doanh thu bưu chính năm 2022 của các đơn vị ước đạt 132 tỷ đồng (tăng 12 % so với năm 2021). * Tổng doanh thu viễn thông năm 2022 của các đơn vị đạt 1.372 tỷ đồng, tăng 3,47 % so với cùng kỳ năm 2021. * 12 chủng loại sản phẩm nông sản với 17 tổ chức, doanh nghiệp tham gia truy xuất nguồn gốc điện tử. * Thí điểm thanh toán không dùng tiền mặt cho 200 tiểu thương tại Chợ Vĩnh Long bằng cách quét mã QR hay Viettel Money, tại Bệnh viện tỉnh, 100% cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông. * 524 sản phẩm đưa lên sàn của 02 sàn Voso.vn và Postmart.vn (Trong đó, số sản phẩm đưa lên sàn của voso.vn: 433 sản phẩm, có 13.728 hộ SXNN tại 8 huyện, thị xã, thành phố tham gia Sàn với sản lượng 10.040 đơn hàng, doanh thu đạt 459.200.000 đồng). * Có khoảng 250 doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, hợp tác xã, hộ kinh doanh cung cấp 1.300 sản phẩm, 100% sản phẩm đạt chứng nhận OCOP được cung cấp trên Sàn Thương mại điện tử ngành Công Thương tỉnh Vĩnh Long. * Khoảng 48 doanh nghiệp có sản phẩm đạt chứng nhận OCOP tham gia, cung cấp hàng hóa trên các Sàn thương mại điện tử trong nước. * Hỗ trợ 192 sản phẩm nông dân và 72 sản phẩm OCOP cho doanh nghiệp, hợp tác xã, làng nghề, cơ sở sản xuất uy tín, thu hút trên 14 triệu lượt người (mỗi tháng thu hút hơn 196.000 lượt người truy cập, tương tác) trên sàn giao dịch nông sản điện tử Vĩnh Long. * Hỗ trợ xây dựng 25 website cho doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh. * 10 cuộc tuyên truyền, 04 lớp đào tạo kỹ năng cho các cơ sở, doanh nghiệp; tổ chức cuộc thi tìm hiểu thương mại điện tử với 887 lượt tham dự; xây dựng chuyên mục “Chuyển đổi số của tỉnh”. * 150 chuyên đề trên Youtube, tần suất đăng ký trên 1.000 lượt đạt được hơn 4.000 giờ xem trong năm. | | |
| **h)** | Xã hội số | | |
|  | * Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 62%. * Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt 79%. * Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang đạt 76%; * Tỷ lệ thuê bao băng rộng cố định đạt 23 thuê bao/100 dân, tăng 2% so với cùng kỳ năm 2021; * Tỷ lệ thuê bao băng rộng di động đạt 71,65 thuê bao/100 dân, tăng 10% so với cùng kỳ năm 2021; * Tỷ lệ người sử dụng Internet đạt 94%, tăng 13% so với năm 2021. * Triển khai 272.295 địa chỉ số (chiếm tỷ lệ: 89,89%). * Phát sóng được 24 chương trình thời lượng 15 phút, có trên 200 tin, 90 bài có nội dung liên quan về phát triển kinh tế số và xã hội số. * Phát thanh 31 tin, 20 bài thời lượng 2,1 giờ; trên loa truyền thanh 11 phường được 407 cuộc với thời lượng 62,85 giờ; tuyên truyền lồng ghép trong các cuộc họp chi bộ, tổ nhân dân tự quản được 48 cuộc, trên 3.478 lượt người dự. * Tuyên truyền trên các trang mạng xã hội Zalo, Facebook của các đoàn thể phường được 47 bài, 33 tin. * Chương trình dạy và học về kỹ năng số và STEM/STEAM trong giáo dục phổ thông. * Smart Vĩnh Long đã tiếp nhận 181 ý kiến phản ánh (đã xử lý 146 ý kiến). * Trang Zalo Official Chính quyền số Vĩnh Long đã đăng tải 1.044 tin, bài thu hút 2.902.185 lượt xem, 3.099.765 lượt tương tác và 18.373 lượt quan tâm. * Trang Fanpage (Facebook) có 4.856 lượt tiếp cận, 660 người thích trang, 1.245 lượt tương tác và 1.114 người theo dõi. * Hồ sơ sức khỏe và phần mềm Bệnh án điện tử tại huyện Trà Ôn. | | |
|  | [**Tỉnh Vĩnh Phúc**](https://chinhphu.vn/thong-tin-tinh-thanh?city=1389) | Báo cáo số 305/BC-STTTT ngày 26/12/2022 | Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 03/3/2022 |
| **a)** | Thể chế | | |
|  | * Chỉ thị số 23-CT/TU ngày 16/5/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường công tác lãnh đạo của Đảng đối với quá trình chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc. * Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 25/01/2022 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về thúc đẩy chuyển đổi số tỉnh Vĩnh Phúc. * Nghị quyết số 14/NQ/2022/HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án hạ tầng số phục vụ chuyển đổi số tỉnh Vĩnh Phúc. * Quyết định số 429/QĐ-UBND ngày 03/3/2022 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống Hội nghị truyền hình tỉnh Vĩnh Phúc. * Quyết định số 488/QĐ-CT ngày 14/3/2022 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc giao nhiệm vụ, chỉ tiêu chuyển đổi số cho thủ trưởng các cơ quan, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc. * Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND ngày 13/6/2022 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc Ban hành Quy định trách nhiệm người đứng đầu cơ quan Nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc trong việc thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số. * Quyết định số 1172/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II tại các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc. * Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 19/7/2022 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc sửa đổi, kiện toàn và bổ sung thành viên Tiểu ban An toàn, an ninh mạng tỉnh Vĩnh Phúc. * Quyết định số 25/2022/QĐ-UBND ngày 16/8/2022 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc ban hành Quy chế quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc. * Quyết định số 2073/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc điều chỉnh nhiệm vụ, chỉ tiêu chuyển đổi số cho thủ trưởng các cơ quan, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc. * Quyết định số 2074/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc ban hành Bộ chỉ số đánh giá Chuyển đổi số tỉnh Vĩnh Phúc. * Quyết định số 2092/QĐ-UBND ngày 11/11/2022 về việc thông qua chính sách trong đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh về hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin tại các cơ quan trong hệ thống chính trị tỉnh Vĩnh Phúc. * Quyết định số 2093/QĐ-UBND ngày 11/11/2022 về việc thông qua chính sách trong đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức thu lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc. * Quyết định số 41/2022/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 ban hành Quy chế quản lý, vận hành và khai thác Trung tâm dữ liệu tỉnh Vĩnh Phúc. * Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 08/2/2022 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc triển khai thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến 2030. * Kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 03/3/2022 thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính viễn thông công ích trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2022-2025. * Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 03/3/2022 của UBND tỉnh về triển khai một số nhiệm vụ liên quan đến kinh tế số, xã hội số trên toàn tỉnh và thí điểm mô hình chuyển đổi số tại 04 xã, thị trấn. * Kế hoạch số 60/KH-UBND ngày 04/3/2022 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Bộ Quy tắc ứng xử trên mạng xã hội trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc. * Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 14/3/2022 của UBND tỉnh về triển khai áp dụng hóa đơn điện tử trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc. * Kế hoạch số 72/KH-UBND ngày 25/3/2022 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc tuyên truyền về chuyển đổi số tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. * Kế hoạch số 95/KH-UBND ngày 12/4/2022 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2022. * Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 20/4/2022 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về nâng cao nhận thức; đào tạo, tập huấn, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc, giai đoạn 2022-2025. * Kế hoạch số 116/KH-UBND ngày 27/4/2022 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về phát triển hạ tầng số tỉnh Vĩnh Phúc, giai đoạn 2022-2025. * Kế hoạch số 148/KH-BCĐ ngày 10/6/2022 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Vĩnh Phúc 06 tháng cuối năm 2022. * Kế hoạch số 163/KH-UBND ngày 27/6/2022 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc triển khai chương trình xác định mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc. * Kế hoạch số 193/KH-UBND ngày 26/7/2022 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2025 và định Hướng đến năm 2030. * Kế hoạch số 201/KH-UBND ngày 12/8/2022 về triển khai thực hiện Chương trình “Bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng giai đoạn 2022-2025”. * Kế hoạch số 243/KH-UBND ngày 27/9/2022 của UBND tỉnh về việc truyền thông Ngày Chuyển đổi số quốc gia 10/10 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc năm 2022. | | |
| **b)** | Hạ tầng, dữ liệu số | | |
|  | * Phần mềm quản lý hồ sơ sức khỏe cá nhân miễn phí của VNPT. * Trung tâm phục vụ hành chính công. * Nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP) cài đặt, vận hành tại Trung tâm Hạ tầng thông tin tỉnh, đã thiết lập, kết nối với Trục liên thông văn bản Quốc gia, Cổng thanh toán tập trung Quốc gia và sẵn sàng kết nối đến các cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, Trung ương. * Trung tâm giám sát, điều hành thông minh tỉnh Vĩnh Phúc (IOC) thử nghiệm triển khai kết nối và hiển thị thông tin, dữ liệu của các lĩnh vực gồm: (1) Hệ thống điều hành chỉ tiêu kinh tế - xã hội; (2) Y tế; (3) Giáo dục và Đào tạo; (4) Giám sát an toàn giao thông, an ninh trật tự; (5) Hoạt động hành chính công; (6) Điều hành tác nghiệp; (7) Quản lý lưu trú; (8) Giám sát thông tin trên không gian mạng; (9) Thông tin dịch Covid. * Phần mềm một cửa, dịch vụ công trực tuyến iGate truy cập tại địa chỉ dichvucong.vinhphuc.gov.vn kết nối 742 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 với Cổng Dịch vụ công quốc gia. * Cổng Thông tin - Giao tiếp điện tử tỉnh và 42 Cổng thông tin điện tử của ngành, địa phương. * 68 hệ thống thông tin dùng chung được triển khai tập trung tại Trung tâm Hạ tầng thông tin tỉnh. | | |
| **c)** | Tỷ lệ phủ sóng, hạ tầng băng rộng, bưu chính | | |
|  | * Có 3.000 trạm thu phát sóng thông tin di động, phủ sóng di động 3G, 4G toàn tỉnh đạt 100%, đã phát sóng 02 trạm 5G của Viettel; * 1.340.000 thuê bao điện thoại di động; 260.000 thuê bao Internet băng rộng cố định và 995.000 thuê bao Internet băng rộng di động. | | |
| **d)** | Khu công nghệ | | |
|  |  | | |
| **đ)** | Nền tảng số địa phương | | |
|  | * Nền tảng xã hội số - Ứng dụng Vĩnh Phúc ID. * Nhóm Zalo “Chuyển đổi số Vĩnh Phúc” có 2.300 người đã quan tâm. * Phần mềm một cửa, dịch vụ công trực tuyến iGate. | | |
| **e)** | Nhân lực số | | |
|  | * Thành lập 1.239 tổ công nghệ số cộng đồng tại các xã, phường, thị trấn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh với 4.993 người tham gia và được bồi dưỡng kỹ năng số. * Tổ chức 10 lớp bồi dưỡng, cập nhật, nâng cao kiến thức công nghệ thông tin cho 280 học viên là công chức, viên; 02 lớp bồi dưỡng, cập nhập kiến thức an toàn, an ninh mạng cho 136 học viên là công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin cấp xã; 01 lớp đào tạo nghiệp vụ nâng cao cho 30 học viên chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số năm 2022; 01 lớp nâng cao nhận thức, kỹ năng số cho 4.939 thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng tại thôn, bản, tổ dân phố trên địa bản tỉnh với; Tổ chức bồi dưỡng nâng cao nhận thức chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng của 4 xã thí điểm chuyển đổi số; Tổ chức 04 lớp bồi dưỡng về Chuyển đổi số cho cán bộ, người dân các xã có người dân tộc thiểu số; 01 lớp bồi dưỡng về chuyển đổi số cho 270 cán bộ lãnh đạo UBND xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh. | | |
| **g)** | Kinh tế số | | |
|  | * Có khoảng 15.482 doanh nghiệp. 100% doanh nghiệp sử dụng nền tảng hóa đơn điện tử; 100% các siêu thị, trung tâm thương mại có thiết bị thanh toán - POS không dùng tiền mặt; * 66% người từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác; * 65% cá nhân, tổ chức sử dụng phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt mà sử dụng qua các kênh thanh toán điện tử. * Có 3.801 doanh nghiệp đăng ký ngành nghề kinh doanh thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin, điện tử, viễn thông và công nghệ số, trong đó chủ yếu là các doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm công nghệ thông tin, điện tử; các sản phẩm chủ yếu là thiết bị điện tử, linh kiện điện tử như: phần cứng máy tính, camera điện thoại, sản phẩm cảm biến, anten điện thoại, sạc điện thoại, mô tơ, bản mạch. Doanh thu năm 2022 ước đạt 195.000 tỷ đồng, đạt 125% so với cùng kỳ năm trước. * Có khoảng 4.000 doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh đã sử dụng các nền tảng số. * Công khai số điện thoại đường dây nóng hỗ trợ triển khai áp dụng hóa đơn điện tử, 100% doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đã sử dụng hóa đơn điện tử. * Tổ chức các lớp tập huấn về chuyển đổi số cho các doanh nghiệp; tập huấn, đào tạo ứng dụng công nghệ số trong sản xuất nông nghiệp cho 16.300 thành viên hội nông dân (đạt 10,6%), đưa 16.150 hộ sản xuất nông nghiệp sử dụng thương mại điện tử (đạt 18,57%). Tỷ lệ số HTX nông nghiệp có hoạt động thương mại điện tử, và ứng dụng nông nghiệp thông minh trên địa bàn tỉnh ước đạt 10%, tỷ lệ hộ gia đình chăn nuôi trang trại quy mô vừa và lớn ứng dụng công nghệ số trong sản xuất chăn nuôi ước đạt 70%. | | |
| **h)** | Xã hội số | | |
|  | * 1.150.000/1.340.000 thuê bao sử dụng điện thoại thông minh; số thuê bao Internet băng rộng di động/100 dân đạt 82%; * Tỷ lệ hộ gia đình có Internet băng rộng cố định là 87%. * Có 11.403 chữ ký số công cộng (8.110 chữ ký số của công ty, doanh nghiệp, 3.293 chữ ký số cá nhân). * 95,5% dân số của tỉnh được lập và quản lý hồ sơ sức khỏe trên phần mềm quản lý hồ sơ sức khỏe cá nhân. * Tuyên truyền đến cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp, mọi người dân góp phần thay đổi nhận thức của người dân về chuyển đổi số. * Cơ sở khám bệnh chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế và bộ phận thường trực của Văn phòng Sở Y tế đã triển khai hình thức thanh toán không dùng tiền mặt. * Có 331/331 trường phổ thông thực hiện chuyển đổi số, 100% cơ sở giáo dục khai thác, sử dụng các kho học liệu trực tuyến dùng chung trên các nền tảng số, 100% cơ sở giáo dục sử dụng các nền tảng số để thông tin, liên lạc với phụ huynh về tình hình học tập của học sinh (bao gồm cả ứng dụng mạng xã hội), 100% cơ sở giáo dục phổ thông triển khai công tác dạy và học trực tuyến (trong trường hợp cần thiết phải nghỉ học trực tiếp). 100% cơ sở giáo dục được hướng dẫn thực hiện thanh toán học phí theo phương thức thanh toán không dùng tiền mặt. * Có 100% cơ sở giáo dục phổ thông (công lập, tư thục) có triển khai đào tạo áp dụng mô hình STEM, STEAM hoặc STEAME. * Hội nghị chia sẻ kinh nghiệm về chuyển đổi số với gần 1.500 đại biểu tham dự. * Báo Vĩnh Phúc đăng tải gần 385 tin, bài; Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh gần 520 tin, phóng sự; Cổng Thông tin - Giao tiếp điện tử gần 250 tin, bài về chuyển đổi số. * Vĩnh Phúc thí điểm 6 nền tảng số Trung ương, gồm: Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu; Nền tảng khảo sát, thu thập ý kiến người dân; Nền tảng truy xuất nguồn gốc nông sản; Nền tảng hỗ trợ tư vấn khám chữa bệnh từ xa; Nền tảng bảo tàng số; Nền tảng truyền hình số. * Hướng dẫn công dân tải, cài đặt ứng dụng VNeID, đăng ký và kích hoạt tài khoản định danh điện tử; thu nhận 163.478 hồ sơ cấp căn cước công dân gắn chíp và tiếp nhận 144.972 hồ sơ cấp định danh điện tử. | | |
|  | **Tỉnh Yên Bái** | Báo cáo số 2159/BC-STTTT ngày 22/12/22 |  |
| **a)** | Thể chế | | |
|  | * Nghị quyết số 51-NQ/TU ngày 22/7/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; * Chương trình hành động số 15/CTr-UBND ngày 26/10/2021 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 51-NQ/TU ngày 22/7/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX về chuyển đổi số tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; * Quyết định số 1038/QĐ-UBND ngày 01/7/2022 của UBND tỉnh về việc thành lập Tổ chuyên gia tư vấn chuyển đổi số tỉnh Yên Bái; * Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 13/4/2022 của UBND tỉnh hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Yên Bái; * Quyết định số 830/QĐ-UBND ngày 27/5/2022 thành lập Tổ công tác liên ngành thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ hộ SXNN; Kế hoạch số 181/KH-UBND ngày 15/8/2022 của UBND tỉnh về Kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Yên Bái năm 2023 và giai đoạn 2023-2025; * Kế hoạch số 216/KH-UBND ngày 10/9/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch Phát triển thương mại điện tử (TMĐT) tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021- 2025; * Kế hoạch số 456/KH-BCĐ ngày 30/3/2022 của Ban Chỉ đạo về CĐS về thí điểm thành lập Tổ chuyển đổi số cộng đồng tại các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Yên Bái; * Kế hoạch số 507/KH-BCĐ ngày 04/4/2022 của Ban Chỉ đạo về CĐS thành lập Câu lạc bộ chuyển đổi số tại các sở, ban, ngành và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh; * Quyết định số 1789/QĐ-UBND ngày 10/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Yên Bái; * Kế hoạch 209/KH-UBND ngày 06/10/2022 Thúc đẩy thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt đối với các dịch vụ điện, nước trên địa bàn tỉnh Yên Bái; * Kế hoạch số 258/KH-UBND ngày 15/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc Thực hiện Đề án ”Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại điện tử giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh Yên Bái. | | |
| **b)** | Hạ tầng, dữ liệu số | | |
|  | * Cổng Thông tin điện tử tỉnh và các trang thông tin của sở, ban, ngành, địa phương (43 trang thành viên). * Trung tâm tích hợp dữ liệu điện tử tỉnh Yên Bái (DC); * Trung tâm giám sát an ninh không gian mạng tỉnh Yên Bái (SOC); * Hệ thống camera giám sát chung phục vụ giám sát an ninh, an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh; * Nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu của tỉnh Yên Bái (LGSP) kết nối, tích hợp Cổng dịch vụ công tỉnh Yên Bái với Cổng dịch vụ công Quốc gia và hệ thống cơ sở dữ liệu của các ngành, Trung ương gồm: Cơ sở dữ liệu dân cư; cơ sở dữ liệu bảo hiểm của Bảo hiểm xã hội Việt Nam; cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật và hệ thống cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến của Bộ Tư pháp; cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; cơ sở dữ liệu đất đai Quốc gia của Bộ Tài nguyên và Môi trường; hệ thống thông tin quản lý danh mục chung; hệ thống cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách của Bộ Tài chính. | | |
| **c)** | Tỷ lệ phủ sóng, hạ tầng băng rộng, bưu chính | | |
|  |  | | |
| **d)** | Khu công nghệ | | |
|  |  | | |
| **đ)** | Nền tảng số địa phương | | |
|  | * Zalo Official Account, fanpage Facebook Yên Bái * 9 nhóm zalo thông tin cơ sở. * Sàn Thương mại điện tử tỉnh Yên Bái (https://sctyenbai.com) | | |
| **e)** | Nhân lực số | | |
|  | * 100% các huyện, thị xã, thành phố, các sở, ban, ngành đã thành lập Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số; 100% xã, phường, thị trấn, tổ dân số, thôn bản đã thành lập Tổ chuyển đổi số cộng đồng cấp xã, thôn, tổ dân phố; tổ chức các chương trình, hội nghị, hội thi về chuyển đổi số và sẵn sàng đưa vào thử nghiệm, ứng dụng những công nghệ số, nền tảng số mới. | | |
| **g)** | Kinh tế số | | |
|  | * Tỷ lệ kinh tế số chiếm GRDP của tỉnh 5.2%. * Tỷ lệ tăng năng suất lao động 6,65%/năm. * Tổ chức các gian hàng trưng bày, giới thiệu nền tảng chuyển đổi số tới người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh * Sàn Thương mại điện tử tỉnh Yên Bái có trên 1.000 lượt doanh nghiệp đăng ký thành viên, hỗ trợ 450 doanh nghiệp sản xuất kinh doanh và trên 800 lượt sản phẩm, trong đó 130/147 sản phẩm OCOP (trừ 17 sản phẩm du lịch). * Kết nối đường Link cho 90 sản phẩm OCOP sang sàn voso.vn và 65 sản phẩm OCOP sang sàn Posmart.vn. Thiết lập trên 10.000 tài khoản mua, bán trên các sàn thương mại điện tử. * Hỗ trợ đưa trên 600 lượt sản phẩm lên các Sàn thương mại điện tử, trong đó đưa 138/147 sản phẩm OCOP lên sàn thương mại điện tử sctyenbai.com, postmart.vn, voso.vn bước đầu các đơn vị đã bán ra trên 6.200 đơn hàng đạt doanh thu hơn 2,2 tỷ đồng. * Tư vấn, hỗ trợ 120 doanh nghiệp tham gia các Sàn TMĐT trong nước như (lazada, sendo, shopee...). * Tư vấn, hỗ trợ đưa lên cổng thông tin thị trường nước ngoài, sàn TMĐT quốc gia ECVN.com, sàn TMĐT quốc tế (Alibaba, amazon....) một số sản phẩm thế mạnh xuất khẩu: Chè, quế, khoáng sản, tinh bột sắn, gỗ rừng trồng xuất khẩu, bao bì PB, hạt nhưa phụ gia.... * Tổ chức 20 khóa tập huấn, hội thảo về thương mại điện tử, chuyển đổi số cho cán bộ, lãnh đạo các doanh nghiệp. * 100% các đơn vị cung cấp dịch vụ điện, nước, viễn thông và truyền thông; các siêu thị, trung tâm mua sắm và cơ sở phân phối hiện sử dụng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt. * 100% các doanh nghiệp đã áp dụng phương thức kinh doanh mới và trang bị hoàn thiện hạ tầng cho TMĐT; 95% doanh nghiệp sử dụng thường xuyên thư điện tử trong hoạt động sản xuất kinh doanh; 45% có trang thông tin điện tử hoặc tham gia giao diện thành viên trên các sàn TMĐT; 43% doanh nghiệp ứng dụng các phần mềm, giải pháp tiện ích trong hoạt động quản lý sản xuất kinh doanh. * Hỗ trợ 13 doanh nghiệp nhỏ và vừa ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số phục vụ sản xuất kinh doanh trên 870 triệu đồng * Hỗ trợ 1.250/2.600 lượt doanh nghiệp đăng ký thành viên và mở gian hàng trên sàn TMĐT tỉnh và các Sàn TMĐT khác. * Hỗ trợ 1.150/2.600 doanh nghiệp xây dựng website TMĐT hoặc tham gia giao diện thành viên trên các sàn TMĐT. Trong đó đã tư vấn, hỗ trợ 350 doanh nghiệp xây dựng website TMĐT hoặc xây dựng bộ thương hiệu trực tuyến. * Tư vấn, hỗ trợ 50% doanh nghiệp trang bị ứng dụng phần mềm tiện ích để ứng dụng trong hoạt động quản lý kế toán, kho quỹ. * 47% doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số (ứng dụng các phần mềm tiện ích như: Kế toán, bán hàng, quản trị, camera giám sát, chữ ký số, hải quan điện tử...). * 100% doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử. * 50% doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử trong hoạt động thương mại. * 100% doanh nghiệp khai báo và nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trên trên môi trường mạng. * Tổ chức ký kết chương trình hợp tác với VNPT và Viettel về chuyển đổi số. * Số tài khoản ngân hàng khách hàng cá nhân đạt 532.347, tăng trưởng 30,77% so với năm 2021. * Số tài khoản Mobile Money đạt 94.876, tăng trưởng 72,7% so với năm 2021. | | |
| **h)** | Xã hội số | | |
|  | * 70% người dân sử dụng dịch vụ di động bằng thiết bị thông minh. * 30% người dân dùng điện thoại, thiết bị thông minh được tiếp cận, sử dụng các dịch vụ chính quyền điện tử, đô thị thông minh. * 50% người dân trưởng thành sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử. * 70% người lao động tại các khu công nghiệp sử dụng ứng dụng di động cung cấp dịch vụ số. * Tỷ lệ thanh toán tiền điện không dùng tiền mặt đạt 66,15%, tăng 16,2% so với năm 2021. Tỷ lệ thanh toán tiền nước không dùng tiền mặt đạt 40%, tăng 6% so với năm 2021. * Báo Yên Bái điện tử thực hiện 3 - 5 tin, bài, ảnh, clip/tuần, Báo Yên Bái thời sự thực hiện ít nhất 01 bài/tháng; Đài PTTH phát sóng tối thiểu 2- 3 tin/tuần và thực hiện tối thiểu 01 phóng sự chuyên đề về chuyển đổi số/tháng; * Chương trình, hoạt động hưởng ứng ngày chuyển đổi số quốc gia; được vinh dự trao giải thưởng Cuộc thi “Tìm kiếm giải pháp Chuyển đổi số Quốc gia - Viet Solutions” năm 2022 tại hạng mục giải thưởng “Bài toán chuyển đổi số cho Dự án vì cộng đồng xuất sắc nhất” với đề xuất sử dụng nền tảng số để lan toả, phát triển văn hoá đọc. | | |